

THÍCH NHƯ ĐIỂN

Bhutan có gì lạ?

KÝ SỰ VÀ HÌNH ẢNH VỀ CHUYẾN ĐI BHUTAN



2020

BHUTAN
có gì lạ?



BHUTAN CÓ GÌ LẠ?

Viên Giác Tùng Thư - Đức Quốc

Xuất bản lần thứ nhất: 2001

United Buddhist Publisher tái bản: Tháng 11/2020

Trách nhiệm: Nguyên Đạo

Hiệu đính và Layout: Nguyễn Minh Tiến

Thiết kế bìa: Nguyễn Minh

ISBN-13: 978-1-0917-6735-5

© All rights reserved. No part of this book may be reproduced by any means without prior written permission from the publisher.

THÍCH NHƯ ĐIỂN

BHUTAN có gì lạ?

KÝ SỰ VÀ HÌNH ẢNH VỀ CHUYẾN ĐI BHUTAN NĂM 2001

Tái bản có sửa chữa và bổ sung



2020

Mục lục

✧ Lời giới thiệu nhân lần tái bản năm 2020.....	7
✧ Lời vào sách.....	11
✧ Chương I. Giới Thiệu Tổng Quát	21
✧ Chương II. Nhân duyên hội ngộ với Bhutan.....	43
✧ Chương III. Chuẩn bị một cuộc hành trình.....	75
✧ Chương IV. Bhutan có gì lạ?	91
✧ Chương V. Nụ cười Hoàng Hậu	107
✧ Chương VI. Viếng thăm Tu Viện.....	131
✧ Chương VII. Nhục thân Bồ Tát và cổ cung.....	143
✧ Chương VIII. Thế giới Tây Phương Cực Lạc	157
✧ Chương IX. Những ngày đợi trông.....	175
✧ Lời cuối sách	191

LỜI GIỚI THIỆU

CỦA VIÊN GIÁC TÙNG THU NHÂN LẦN TÁI BẢN NĂM 2020

Bhutan được cả thế giới ca tụng là “Xứ Sở Hạnh Phúc”. Vương quốc này nằm bên dãy núi Hy Mã Lạp Sơn (Himalaya), với 72% diện tích đất nước là rừng bao phủ. Ở Bhutan, chính phủ phát triển một chuẩn mực gọi là “Tổng hạnh phúc quốc gia” (Gross National Happiness) hay “Chỉ số hạnh phúc quốc gia”, thay vì “Tổng sản lượng quốc gia” (Gross National Product) chỉ để đánh giá việc phát triển kinh tế tài chánh như những quốc gia khác.

Với số dân hiện nay (2020) là 730.000, người dân Bhutan rất quan tâm đến việc bảo vệ môi trường thiên nhiên và động vật hoang dã. Những chương trình bảo vệ môi trường và thú vật đã được chính phủ quy định, có ghi rõ trong Hiến pháp.

Sự thành công, và qua đó cũng chính là sự thu hút bao nhiêu người trên thế giới đến đất nước này, chính là sự hòa hợp giữa con người và môi trường sống. Tuy Bhutan không có những công trình xếp loại di sản thế giới nhưng lại thu hút nhiều du khách bởi cảnh quan tự nhiên và nếp sống hiền hòa của người dân trong một quốc gia có gần 80% dân số theo Phật giáo. Nhưng thật

ra chỉ trong vòng mấy năm gần đây, bắt đầu từ năm 2015, người ta mới thấy chính phủ Bhutan bắt đầu có chính sách mở cửa đón khách du lịch nhiều hơn những năm trước đó.

Tuy vậy, nếu so với số lượng khách du lịch ở những quốc gia khác trên thế giới thì số người nhận visa nhập cảnh để du lịch Bhutan vẫn còn rất hạn chế. Chỉ nhìn vào các con số thống kê khách du lịch ta sẽ thấy ngay điều đó (theo WorldData.info).

Trong năm 1995 chỉ có 4.800 người ngoại quốc đến Bhutan. Và đến năm 2000 là 7.600 người.

Năm 2001: 6.400 người;

Năm 2002: 5.600 người;

Năm 2003: 6.300 người;

Năm 2004: 9.200 người;

Năm 2005: 13.600 người;

Năm 2010: 41.000 người;

Năm 2015: 155.000 người;

Năm 2018: 274.000 người.

Bắt đầu từ năm 2015 mới có con số trên 150.000 khách du lịch; năm 2018 là 274.000 người. Nếu so sánh trong cùng năm 2018, thì ở Hoa Kỳ có 80 triệu khách du khách, Pháp: 90 triệu, Đức: 40 triệu, Thổ Nhĩ Kỳ: 52 triệu v.v...

Nói như thế để chúng ta có thể nhìn thấy một đặc điểm nổi bật của phái đoàn gồm 17 người gốc Việt Nam từ Âu Châu đến thăm Bhutan, và được tác giả là Hòa Thượng Như Điển ghi lại trong sách này.

Đó là một sự kiện đặc biệt trong năm 2001, khi số lượng khách du lịch còn rất hạn chế (6.400 người), thì lần đầu tiên Chính Phủ Hoàng Gia Bhutan đã đích thân bằng công hàm của Bộ Ngoại Giao mời một phái đoàn Phật Giáo Việt Nam ở Âu Châu đến viếng thăm chính thức “Đất nước Rong Săm” này. Phái đoàn gồm chư Tăng, chư Ni và Phật tử do Hòa Thượng Thích Như Điển (lúc đó còn là Thượng Tọa) dẫn đầu. Phái đoàn đã được ông Thủ Tướng Chính Phủ, ông Bộ Trưởng Bộ Ngoại Giao, ông Bộ Trưởng Bộ Văn Hóa đại diện chính quyền; Tôn Đức Tăng Già và Chư Giáo phẩm Cao cấp của Giáo Hội Phật Giáo Bhutan tiếp kiến, chiêu đãi và hướng dẫn thăm viếng nhiều cơ sở văn hóa, tôn giáo, xã hội trong suốt thời gian hơn một tuần lễ. Chính phủ Bhutan đã trang trải tất cả mọi chi phí cho phái đoàn, cung cấp mọi phương tiện di chuyển, ăn ở. Đặc biệt hơn, đích thân Hoàng hậu Ashi Dorji Wangmo Wangchuck của Vương quốc Bhutan, dù rất bận rộn cũng đã dành thời gian tiếp kiến phái đoàn và khoản đãi tại hoàng cung trong suốt hai giờ đồng hồ.

Đó là một sự kiện đặc biệt, có thể xem như có một không hai trong lịch sử quan hệ giữa Bhutan và Việt Nam chúng ta, kể cả về mặt ngoại giao lẫn tôn giáo.

Do đâu có được cơ duyên hy hữu ấy?

Sự kiện đặc biệt này đã được tác giả, cũng chính là trưởng phái đoàn, đích thân ghi lại bằng thể văn ký sự, minh họa bằng nhiều hình ảnh các buổi tiếp xúc dưới hai góc độ đạo và đời, các cuộc viếng thăm và cả những bài phát biểu có tính cách ngoại giao tại Quốc Hội của Bhutan.

Đây là một tác phẩm hay, không chỉ viết về đất nước con người xứ Bhutan mà còn có những nhận xét đặc biệt về vai trò của một Tăng sĩ trước vương quyền và thế quyền.

Xin trân trọng giới thiệu đến mọi độc giả gần xa tác phẩm *Bhutan Có Gì Lạ?* - Ký sự và hình ảnh về chuyến đi Bhutan của Hòa Thượng Thích Như Điển.

Viên Giác Tùng Thư

Đức quốc, tháng 11 năm 2020

Lời vào sách

Hôm nay là ngày 20 tháng 6 năm 2001, nhằm ngày 29 tháng 4 nhuận năm Tân Ty, tôi chấp bút bắt đầu viết quyển sách thứ 32 này trong mùa An Cư Kiết Hạ của năm nay. Hôm nay cũng là ngày rất đẹp trời. Vì mấy tháng nay, mặc dầu đã vào hạ, nhưng bầu trời vẫn vẫn vũ bóng mây, như dọa nạt thế nhân là ánh sáng của thái dương sẽ không bao giờ chan hòa đến quả địa cầu này nữa.

Về thời tiết tôi hay để ý, cho nên mỗi lần làm việc gì cũng hay xem bầu trời có quang đăng không, hoặc giả hôm ấy là ngày gì, không phải để lấy hên mà chính là để cho lòng mình thanh thản, nhất là khi làm những việc trọng đại. Nhớ khi còn ở Nhật, mỗi ngày khi thức dậy, chào hỏi nhau trong chùa không phải bằng lời chào buổi sáng trước, hay mạnh giỏi không, mà vị sư trụ trì thường hay mở đầu bằng câu: *Kyo wa ii tenki desu ne!* (Hôm nay trời đẹp quá nhỉ!) tự nhiên thấy lòng mình có liên hệ với thiên nhiên.

Dĩ nhiên, mỗi dân tộc có một cách riêng của mình khi diễn tả về cái đói khổ, cái hạnh phúc, cái tủ nhục v.v... nhưng tựu chung cũng chỉ là con người với cảnh giới chung quanh vậy.

Ngày còn trẻ ai cũng nghĩ rằng mình còn có nhiều thì giờ để làm mọi chuyện, nên đã lãng phí thời giờ một

cách vô ích. Chờ cho đến lớn khôn và già đi, lúc ấy mới bắt đầu, thì ôi thôi, đủ loại ràng buộc lại kéo đến. Nào bệnh đau đầu, đau lưng, nhức mỏi, hoặc bị trói buộc vào giờ giấc của công sở, của gia đình, vợ con và đủ mọi thứ trên đời. Bởi vậy cho nên Thiền Tông thường dạy người chỉ nên nắm bắt hiện tại mà thôi. Và lại hiện tại cũng chẳng có hình tướng. Do vậy khi quan sát và thực hiện việc làm hằng ngày của mình, chính là Thiền vậy.

Rồi một hôm nào đó chúng ta bỗng nhiên nhận được tin buồn từ bác sĩ cho hay rằng ông (hay bà) không còn hy vọng gì nữa. Vì lẽ bệnh ung thư đã đến thời kỳ thứ ba rồi. Lúc ấy chúng ta sẽ làm gì? Chúng ta có còn kế hoạch cho 5 năm hay 10 năm nữa chăng? Hay lúc ấy chúng ta lại than thân trách phận? Hoặc giả chúng ta lo chia gia tài cho con cháu? Hay chúng ta lo thực hiện những chuyến ngao du sơn thủy? Hay cố gắng tận hưởng những gì ở đời mà ta chưa được hưởng? Ôi thôi! Biết bao nhiêu là câu hỏi được đặt ra, nhưng ai là kẻ trả lời được đây, không phải là mình sao? Hay có một nhân vật nào có quyền năng biến hóa để giúp ta thành công trong những trách nhiệm và bổn phận ấy?

Không! Nhất định là không! Không ai có thể thay thế mình cả, ngoại trừ chính mình phải chịu trách nhiệm với mình. Vì con người là bản thể của vạn hữu mà! Do vậy không nên chờ đợi một điều gì mà hãy bắt tay vào việc ngay. Hãy hạ thủ công phu ngay từ bây giờ cho việc học, việc tu niệm, việc lễ bái. Hết thảy mọi việc trong ngày như việc nhà, việc chợ, việc nghĩa ân, việc phải, việc không v.v... không có việc nào chờ ta cả. Do vậy chúng ta

chẳng thể chờ ai, vì thời gian vô tình lắm, không loại trừ một ai cả. Dầu cho đó là đáng Phạm Thiên hay Chuyển Luân Thánh Vương. Hãy trân quý thời gian và hãy làm những gì có thể làm được.

Vì ý niệm được sự vô thường như thế, cho nên tôi đã sắp đặt việc của chính mình. Kể từ năm 1974 đến nay (2001) có nghĩa là 27 năm ở tại Nhật và Đức, tôi đã hoàn thành được 31 tác phẩm, kể luôn tác phẩm này nữa là thứ 32. Không kể thời gian từ năm 1972 tôi đã bắt đầu ở Nhật, nếu tính chung lại gần 30 năm ở ngoại quốc, tôi đã hoàn thành 32 tác phẩm. Như vậy cứ trung bình mỗi năm một tác phẩm.

Văn tôi không hay, chữ tôi không tốt, ý tôi không thâm trầm, nhưng tôi chủ trương rằng nghĩ sao viết vậy. Đó là cách cấu tạo tư duy của mình, nên tôi đã cố gắng. Dầu cho những tác phẩm ấy không có giá trị nghệ thuật hay giá trị văn chương đi nữa, thì những gì tôi đã làm cũng đánh dấu được một chặng đường 30 năm, có nghĩa là hơn một thế hệ, tôi đã miệt mài với sách đèn, với công phu kinh kệ vậy.

Tác phẩm thứ 30 có nhan đề là Kinh Đại Bi. Kinh này tôi đã dịch từ Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh bằng chữ Hán sang tiếng Việt và Thầy Hạnh Tấn đang dịch sang tiếng Đức để ấn hành trong năm 2001 này.

Tác phẩm thứ 31 có tên là Phật Thuyết Bồ Tát Hành Phương Tiện Cảnh Giới Thần Thông Biến Hóa Kinh. Kinh này cũng được dịch từ chữ Hán sang tiếng Việt và sẽ ấn hành nay mai.

Riêng tác phẩm thứ 32 này, tôi viết về chuyến đi Bhutan từ ngày 21 tháng 4 đến ngày 3 tháng 5 năm 2001, để giới thiệu cho quý độc giả một quê hương Phật Giáo tại Á Châu mà rất nhiều người chưa biết đến.

Sau khi đi Ấn Độ về lần đầu, năm 1989, tôi đã viết quyển Lòng Từ Đức Phật để giới thiệu về 4 Thánh Địa, nơi Đức Phật Đản Sanh, Thành Đạo, Thuyết pháp lần đầu tiên và thị hiện Niết-bàn. Ai xem xong rồi cũng sợ, ít dám đi Ấn. Vì lúc ấy phương tiện di chuyển và chỗ ăn ở còn tương đối giới hạn, nhưng sau này có nhiều Thầy, Cô tổ chức những chuyến hành hương có quy củ hơn và được nhiều người ưa thích.

Tiếp theo tôi viết quyển Giữa Chốn Cung Vàng để giới thiệu về Phật Giáo Tích Lan. Đặc biệt về nơi thờ rằng Phật tại Kandy, cố đô của Tích Lan, và địa danh thứ 2 là Anuradhapada, là nơi Shangamita, Công chúa con vua A Dục và cũng là Ni Cô, đã mang một nhánh của cây Bồ Đề từ Ấn Độ sang Tích Lan trồng vào thế kỷ 3 trước Tây lịch. Cây ấy vẫn còn sống cho đến ngày hôm nay.

Những năm sau đó, tôi có dịp đi Trung Quốc 2 lần. Sau khi đi lần thứ nhất về, tôi viết quyển Theo Dấu Chân Xưa và lần thứ 2 viết quyển Vọng Cố Nhân Lầu. Cả hai quyển này giới thiệu về Tứ Đại Danh Sơn của Trung Quốc, về những nơi thị hiện của Bồ Tát Quán Thế Âm, Bồ Tát Địa Tạng, Bồ Tát Văn Thù và Bồ Tát Phổ Hiền cũng như những thắng cảnh khác của Trung Quốc.

Đến năm nay, 2001, tôi đã có dịp hành hương sang Bhutan, nên cố gắng viết tác phẩm này để giới thiệu

với quý độc giả xa gần về một xứ khó đến mà cũng rất khó về. Khi bắt đầu viết, tôi chưa biết tác phẩm này lấy nhan đề là gì. Có lẽ nên lấy tên: Bhutan, Khó Đến Khó Về. Hoặc giả: Nụ cười Hoàng Hậu hay là gì gì nữa... Có lẽ cuối cùng sẽ chọn được một cái tựa.

Như thế là 5 tác phẩm giới thiệu về 4 xứ đặc biệt. Ngoài ra, tác phẩm Đường Không Biên Giới của chúng tôi cũng đã giới thiệu tổng quát về các châu lục như: Âu, Á, Mỹ, Úc, Phi.

Có lần Hạnh Hảo, người đệ tử Đức của tôi, bảo rằng: Sư phụ ở Đức đã 24 năm rồi mà chưa có một tác phẩm nào viết về nước Đức và người Đức cả. Trong khi đó Sư phụ đi Bhutan chỉ có một tuần mà đã có một tác phẩm rồi.

Tôi trả lời kiểu nói gượng với Hạnh Hảo là: Đã ở Đức rồi thì còn viết về nước Đức làm gì nữa. Nhưng thật ra trả lời như thế cho có trả lời mà thôi. Lẽ ra tôi phải có một đại tác phẩm về nước Đức mới đúng, nhưng những lúc ở, ăn, làm việc, tu học ở xứ này lâu rồi, mình chẳng để ý đến nữa. Phải chăng đây là lỗi của tôi, hay mọi người cũng thế? Phần tôi, tôi nghĩ rằng tất cả 32 tác phẩm này hay trong tương lai còn nhiều tác phẩm khác tôi sẽ viết nữa cũng chính là đại tác phẩm tôi viết về nước Đức vậy. Vì nơi này đã cứu mạng và đùm bọc tôi trong suốt mấy chục năm qua. Cảm ơn nước Đức và cảm ơn nhân dân Đức rất nhiều.

Viết sách không khó. Vì đọc nhiều sách là có thể viết sách được. Cái khó ở đây là làm sao khi người khác đọc sách của mình có thấu thập được phần nào những lý giải và những chỗ thâm sâu mà tác giả muốn gởi đến người

đọc hay không? Đó mới là vấn đề chính. Ngoài ra cũng còn những phương diện khác nữa, chứ không phải chỉ đơn thuần có vậy. Nhưng riêng tôi cũng như người xưa đã nói: “Tôi thích bán những gì người ta thích mua, chứ tôi không bán những gì mà tôi thích bán.” Cũng như thế ấy, tôi sẽ cho những gì người khác thích nhận chứ không phải những gì mà tôi thích cho. Tôi xem mọi người, chúng sanh là đối tượng, chứ tuyệt nhiên tôi không phải là đối tượng của chúng sanh. Vì tôi chẳng là gì cả. Một Như Điển này cũng chỉ là cỏ đá mà thôi. Tôi muốn thể hiện lòng từ bi, nên cố gắng xem mọi người và mọi loài có giá trị cao cả hơn mình nhiều. Có như thế tôi mới là hóa thân của đất và nước được.

Rồi đây tứ đại này của tôi cũng sẽ ra tro bụi. Có thể là ngày mai, hay 5, 10 năm nữa. Mà cũng có thể lâu hơn 20 năm sau, nhưng sau đó là gì? Là cỏ xanh, là bia trắng. Còn ai nhắc đến mình, hay mình cũng chỉ là một chúng sanh âm thầm như bao chúng sanh khác? Có thể là như thế. Vì tương lai nhân loại trên hành tinh này không dừng lại ở con số 6 tỷ người như hiện tại, mà sẽ là 8 hay 10 hoặc 20 tỷ v.v... Rồi thế giới này sẽ chìm sâu vào khổ đau cũng như ngấm sâu vào những tội hiểm, chia rẽ. Lúc ấy cõi Nam Diêm Phù Đề này nếu có những chúng sanh nào đó xuất hiện, nó cũng chỉ là và cũng sẽ là một giọt nước li ti trong muôn ngàn giọt nước khác mà thôi. Thật ra ta chẳng là gì cả.

Đức Phật ngày xưa đã thị hiện nhiều thân khác nhau. Có lúc phải làm hùm beo, sư tử. Có khi làm chim muông, thú dữ, nhưng tâm ngài lúc nào cũng từ bi, luôn là một vị Bồ Tát cứu khổ cho đời. Còn chúng ta ngày

nay, có nhiều người mang thân lành đầy đủ nhưng chỉ làm những việc thiếu lòng từ. Do đó, khi chết chắc khó sanh lại vào đường lành. Do vậy, phải làm một cái gì đó, không phải cho có tính cách cao thượng, mà hãy vì người hơn vì mình, thì kết quả lại khác hẳn đi.

Thế giới ngày nay người ta chủ trương là kinh tế hóa toàn cầu. Mới nghe qua thì rất hay. Vì nhờ phương diện kinh tế phát triển mà con người có nhiều phương tiện hơn. Điều ấy không sai, nhưng chưa đúng hoàn toàn. Vì có biết bao nhiêu người nghèo càng nghèo hơn chỉ vì sự phát triển kinh tế của một số nước lớn trên thế giới. Mới nghe qua thì vô lý. Nhưng lẽ công bằng của tạo hóa là người này được thì kẻ khác phải thua, người này còn, kẻ khác phải mất. Do vậy mà Vua Bhutan trong hiện tại không chủ trương như thế, mà ngài nói rằng: “Sự tăng trưởng kinh tế của nước tôi có nghĩa là dân tôi mỗi ngày làm được một việc thiện. Vì việc thiện càng nhiều thì đời sống người dân sẽ có hạnh phúc. Hạnh phúc đó chính là một sự tăng trưởng kinh tế, chứ không phải kinh tế hiểu theo nghĩa là tiền bạc.” Đúng là một lời vàng. Có lẽ trên thế giới này ít có vị nguyên thủ quốc gia nào có được một tâm hồn và một nghĩa cử cao đẹp như thế.

Một hôm, tôi ngồi nghe một vị Đại Sư Tây Tạng giảng về Phật Pháp cho những người Đức, tại Chánh điện chùa Viên Giác, bằng tiếng Anh, về tình yêu và lòng từ bi. Ông cũng đã giải thích rất nhiều về tự ngã, cố chấp và cá nhân chủ nghĩa và sau khi phân tích, ông nói như thế này: “If you love him (her) as he (she) is then...” Có nghĩa là: “Nếu anh (chị) yêu cô (anh) ấy như anh (cô) ấy là... thì...” Câu nói rất đơn giản nhưng rất vi diệu. Vì

lâu nay tất cả mọi thứ tình, chính mình muốn tình ấy phải thuộc về mình, nếu không lệ thuộc, sẽ sinh ra ganh tị, đố kỵ, nhỏ nhen, hẹp hòi, ích kỷ v.v... Mà nếu đã thuộc về mình thì thuộc về cố chấp, ích kỷ, chứ không còn là tình yêu hay tình thương nữa. Do vậy nếu muốn yêu hay thương thì hãy thương như anh (cô) ta đang là... Có nghĩa là họ như thế nào thì mình thương như vậy. Chứ đừng bắt buộc cái thương ấy thuộc về mình. Vì mình thật vô lý, mình chẳng là cái gì cả.

Thế mà trong cuộc sống này chúng ta đã gây ra không biết bao nhiêu sự khổ đau cho nhau cũng chỉ vì sự chấp ngã mà thôi. Sự chấp trước này do thức biến hiện mà thành. Nặng nề nhất là a-lại-da thức, cũng còn gọi là tàng thức. Thức này có 3 công năng chính là: hay chứa giữ những sự kiện mà tâm mình cho là hữu lý và cũng hay bị chứa những phân biệt bỉ thử. Rồi điều thứ ba quan trọng hơn có nghĩa là chỉ chứa đựng những gì thuộc về ngã chấp của mình mà thôi. Từ đó mới sinh ra sơn hà đại địa, bỉ thử hơn thua...

Do vậy tôi tập quán “như thị” như trong Kinh Pháp Hoa, phẩm Phương Tiện thứ 2 có dạy. Có như thế, như vậy, như là, để mà sống, mà chiêm nghiệm với cuộc đời. Cũng đừng nên bắt nó phải là, nhất là nó phải thuộc về mình, quả là điều phi lý. Vì cái tôi này nó chẳng là gì cả.

Năm nay, trong mùa An Cư Kiết Hạ này, Chúng thường trú tại chùa Viên Giác là 24 vị. Thỉnh thoảng cũng có những vị khách Tăng từ nhiều nơi trên thế giới đến viếng thăm và mỗi lần như thế, tôi có cung thỉnh quý vị ấy giảng pháp cho giới xuất gia cũng như tại gia

vào những giờ nhất định trong ngày. Năm nay thì có nhiều Thầy đảm đương thay thế cho tôi, như Đại Đức Thích Đồng Văn, mới vừa xong Tiến Sĩ Phật Học tại Ấn Độ, tôi đã bảo lãnh sang Đức và hiện phụ trách mỗi tuần 2 lần giảng cho chúng sa-di và sa-di ni. Thầy Hạnh Tấn, Phó Trụ Trì Chùa Viên Giác là Phó Tiến Sĩ, cũng đang hướng dẫn mỗi tuần 2 lần cho tỳ-kheo, tỳ-kheo ni cũng như toàn chùa. Riêng tôi mỗi tuần chỉ còn lại một lần vào ngày thứ hai giảng về Đại Trí Độ Luận cho tất cả chúng xuất gia. Mỗi lần như thế, đây cũng là cơ hội để gặp gỡ Tăng Ni trong chùa, có việc gì trọng đại thì cũng đem ra thảo luận để thực hiện chung.

Không khí sinh hoạt trong chùa rất hài hòa, yên vui. Mỗi ngày đều có lay kinh Đại Bát Niết Bàn, mỗi chữ mỗi lay. Cho đến nay đã lay 430 trang của quyển một rồi. Tuy có hơi mệt sau 300 lay mỗi đêm, nhưng mọi người chắc chắn ai cũng có một giấc ngủ an lành. Có nhiều chú thừa với tôi rằng: “Con không còn thì giờ gì cả.” Tôi bảo rằng như thế là tốt. Vì Phật và chư Tổ cũng bảo rằng: Người tu nên luôn luôn bận rộn như thế để cho những tạp niệm đừng xen vào.

Trong chùa có thêm độ 10 đến 15 người làm công quả hằng ngày. Như vậy mỗi ngày tại chùa Viên Giác có độ 40 người phải chu toàn cho mọi sự. Đó là chưa kể đến khóa Tu Gieo Duyên từ ngày 1 đến 14 tháng 7 mỗi năm, có độ 50 Tăng Ni và 100 Phật Tử về tham dự. Rồi thì lễ lộc, hoặc Bát Quan Trai giới cuối tuần. Chùa Viên Giác vẫn luôn luôn bận rộn như thế. Nhưng trong cái bận rộn ấy ai cũng có được một niềm vui, vì mình có cơ hội phục

vụ cho người khác. Đó cũng là một chút ý nghĩa trong việc hành Bồ Tát hạnh vậy.

Tuy thời gian vô tình lặng lẽ trôi, nhưng với tôi tất cả đều có ý nghĩa. Tất cả với tôi là những ân nghĩa nghìn trùng. Vì có bao nhiêu người phải hy sinh để mình được rảnh rỗi và ngay cả thời gian và không gian ở xứ Đức này cũng đã cho tôi một khoảng trống để có thể chen vào những tư tưởng của mình, để gửi đến quý độc giả khắp nơi về tác phẩm thứ 32 này.

Mong rằng quý vị sẽ giữ lại ý và quên đi lời.

Tác giả

Thích Như Điển

Chương I.

Giới Thiệu Tổng Quát

Nhiều người trong chúng ta có thể không biết Bhutan nằm ở đâu, vì lẽ ít nghe nói đến. Ngay cả người Đức, vì trong hiện tại chính phủ Đức vẫn chưa thiết lập bang giao chính thức với Bhutan.

Bhutan có 300 cây số chiều dài, 150 cây số chiều rộng. Diện tích 46.500 cây số vuông. Phía tây bắc giáp Tây Tạng, phía đông giáp Ấn Độ, phía nam giáp Pradesch thuộc Ấn Độ, phía bắc giáp Sikkim. Nhìn toàn diện, Bhutan có 90% là núi và ở độ cao từ 1.100 mét cho đến 3.000 mét. Có nơi núi cao hơn nằm ở phía Hy Mã Lạp Sơn chạy dọc theo biên giới với Ấn Độ.

Khí hậu ở nước này cũng giống như Florida của Mỹ hay Cairo của Ai Cập. Phía nam khí hậu giống như các nước khác tại Á Châu. Phía cao nơi gần Hy Mã Lạp Sơn có nhiều tuyết. Nhiệt độ trung bình ở phía Nam có 15 độ C về mùa đông và 30 độ C về mùa hè. Tại Paro, về mùa đông thường -5 độ C và vào tháng bảy khoảng 30 độ C. Mỗi năm, lượng mưa trung bình là 350 ml. Trên núi cao thường lạnh đến 0 độ C vào mùa đông và 10 độ C vào mùa hè.

Trên những núi cao, tuyết hay rơi thường và ở những độ cao 2.400 mét đến 3.000 mét, tuyết vẫn còn lại cho

đến tháng 3 mới tan. Mùa mưa thường hay xảy ra suốt miền Tây Nam từ đầu tháng 6 đến tháng 9. Có những đợt mưa cao nhất thế giới hàng năm là 9m50. Có lúc nước mưa cao dâng lên chừng 6 tầng lầu.

Bhutan, tiếng Sanskrit gọi là *Bhotant* có nghĩa là miền cuối cùng của Tây Tạng. Cũng có nghĩa khác là vùng đất rất cao. Người Anh gọi là *Bootan* hoặc *Bhotan*. Xứ này cũng được gọi là xứ của rồng. Tôi những tưởng chỉ có Trung Hoa và Việt Nam lấy rồng làm biểu tượng mà ngay cả Đại Hàn và Nhật Bản cũng ảnh hưởng. Ngày nay lại phát hiện thêm xứ Bhutan nữa. Trên các nóc chùa, nơi cung điện của Vua hay nơi những ghế ngồi trong cung điện đều có chạm hình những con rồng châu hai bên. Rồng đối với các dân tộc Á Châu là những biểu tượng linh thiêng, sống động giúp vua cứu đời, nhưng ngược lại con rồng ở Âu Châu và theo tinh thần của



BẢN ĐỒ BHUTAN

Thánh Kinh thì ngược lại. Cũng như chữ Vạn đối với người Phật Tử là một dấu hiệu thiêng liêng, nhưng đối với một số người Đức thì họ rất sợ. Vì liên tưởng đến chế độ độc tài của Hitler. Đúng là khó nói và khó diễn tả.

Bắt đầu từ thế kỷ 13, người dân mới đến ở tại xứ này. Như vậy cũng có thể nói là khi dân tộc Việt Nam mình đã đến triều Trần, nghĩa là đã có khoa thi Tam Giáo chọn Tiến Sĩ ra làm quan rồi, người Bhutan mới lập quốc. Dĩ nhiên trước đó họ cũng đã có những người địa phương sống khắp đó đây tại lãnh thổ này, nhưng đến thế kỷ 13 mới chính thức có tên gọi.

Tôn giáo chính của Bhutan là phái Drukpa thuộc Đại Thừa Phật Giáo. Ở đây hầu như không có một tôn giáo ngoại lai nào phát triển được, ngay cả Hồi Giáo, Ấn Độ Giáo hay Thiên Chúa Giáo.

Dân số Bhutan thống kê vào năm 1994 là 600.000 người với 43% dưới 15 tuổi. Mức độ phát triển là 3,1% mỗi năm. Đây là mức độ cao nhất của thế giới. Do vậy, đến năm 2001 Bhutan có độ 1 triệu người sống rải rác trên một lãnh thổ như Thụy Sĩ, nhưng đa phần núi cao ở đây không trồng trọt được. Thật ra trẻ em chết rất nhiều vì phương tiện y học còn thô sơ. Nếu phương tiện y học tốt thì sẽ bảo đảm được sức khỏe cho dân chúng tại đây rất nhiều.

Người Bhutan gồm những dân tộc chính sinh sống tại đó. Đầu tiên là nhóm dân thiểu số, gọi là Sharchops, họ sống ở miền Đông Bhutan. Đây là cư dân căn bản của Bhutan, họ là những người được pha trộn giữa Ấn Độ và Mông Cổ. Không rõ di dân từ khi nào đến đây đất này.

Giống người thứ hai gọi là Lhotshampa. Đây là người Népal bắt đầu lập nghiệp tại Bhutan vào cuối thế kỷ 19 và vẫn dùng tiếng Népal để giao dịch với nhau. Những người Népal này thường theo Ấn Độ giáo và có một số ít theo Hồi Giáo.

Nhóm thứ ba được gọi là Ngalong. Nguồn gốc giống người này từ Tây Tạng đến Bhutan vào thế kỷ 9. Họ ở về phía tây, giáp giới với Tây Tạng. Họ theo Phật Giáo và cho đến ngày nay họ vẫn còn nói tiếng Tây Tạng.

Như vậy nước Bhutan cũng tương đối giống nước Thụy Sĩ. Vì lẽ Thụy Sĩ có hơn 60% dân số nói tiếng Đức. Có 15% nói tiếng Pháp, 15% nói tiếng Ý và 10% còn lại nói tiếng địa phương. Thụy Sĩ cũng là một quốc gia mới độc lập sau này, cho nên phải có nhiều tiếng nói và nhiều dân tộc đến sống nơi đó. Có lẽ cũng vì vị trí địa lý của Bhutan và Thụy Sĩ giống nhau, cho nên thể chế chính trị của Bhutan trong hiện tại cũng rập khuôn theo Thụy Sĩ. Mặc dầu tại Thụy Sĩ không còn vua nữa, nhưng địa vị Tổng Thống của Thụy Sĩ cũng chỉ có tính cách tượng trưng, trong khi đó Vua Bhutan vẫn có thực quyền đối với Quốc Hội và dân chúng.

Hội Đồng Quốc Gia của Bhutan có 154 Dân Biểu và chia ra làm 3 hạng. Thứ nhất là 105 vị Dân Biểu đại diện cho 20 quận, được bầu lại 3 năm một lần. Thứ hai là các đại diện của 12 Tu viện Phật Giáo, cũng có nhiệm kỳ 3 năm. Thứ ba là từ nhân dân và do nhà Vua bổ nhiệm gồm 20 viên chức Quận, Bộ Trưởng, Thứ Trưởng của chính phủ hoặc những nhân viên cao hơn để đảm đương việc nước.

Những người được bầu có tuổi từ 25 trở lên. Nhà Vua trong hiện tại đã thay đổi hệ thống hành chính này và đã được 2/3 dân chúng đồng ý. Vào tháng 6 năm 1998 nhà Vua cũng đã ban hành Hiến Pháp, cải thiện chính trị và lấy việc bỏ phiếu của dân bầu làm gốc.

Nhưng đặc biệt một điều là cho đến nay ở Bhutan vẫn chưa có đảng đối lập, mà họ chỉ có một đảng duy nhất. Đó là đảng của quốc gia Bhutan. Không biết mai sau tình thế thay đổi ra sao thì chưa biết, nhưng trong hiện tại họ sống rất là yên bình dưới sự lãnh đạo của Vua và Hội Đồng Cố Vấn của Hoàng Gia cũng như các Bộ Trưởng và Dân Biểu.

Hội Đồng Cố Vấn của Hoàng Gia thành lập vào năm 1965 để cố vấn cho Vua cũng như cho Hội Đồng Bộ Trưởng trong những vấn đề quan trọng. Những vị này cố vấn cả những vấn đề chính trị trong Quốc Hội nữa. Vị Chủ Tịch của Hội Đồng này do Vua bổ nhiệm. Có tất cả là 6 vị, trong đó có 2 vị là tu sĩ. Một trong 2 vị tu sĩ này, phái đoàn chúng tôi đã gặp, sẽ đề cập tỉ mỉ hơn vào những chương sau.

Hội Đồng Bộ Trưởng của Bhutan trong hiện tại có tất cả 8 Bộ, gồm những Bộ như sau:

1. Bộ Thương Mại Kỹ Nghệ
2. Bộ Y Tế
3. Bộ Giáo Dục
4. Bộ Tài Chánh
5. Bộ Ngoại Giao
6. Bộ Thiết Kế Đồ Án
7. Bộ Nông Nghiệp
8. Bộ Giao Thương.

Năm 1998, nhà Vua đã chỉ định để thành lập Hội Đồng Bộ Trưởng này. Ông Bộ Trưởng Ngoại Giao lâu đời nhất thế giới là ông Lompo Dawa Tsering. Ông ta đã là Bộ Trưởng kể từ năm 1972 đến 1998. Kể từ năm 1998, vị Bộ Trưởng Ngoại Giao được chọn lựa bởi Hội Đồng Bộ Trưởng để điều hành việc ngoại giao với các nước bên ngoài.

Trên thực tế, cho đến hôm nay (2001) Bhutan chỉ có bang giao chính trị với 18 nước, đa phần tại Á Châu. Đặc biệt những nước Bắc Âu như Thụy Điển, Đan Mạch, Na Uy, Phần Lan có ngoại giao rất sâu rộng với xứ Bhutan. Vì lẽ các xứ Bắc Âu đang chủ trương bảo vệ môi sinh hầu như hoàn hảo tại Âu Châu này và Bhutan cũng là nước tại Á Châu duy nhất chủ trương bảo vệ môi sinh tuyệt đối như thế. Cho nên họ có ngoại giao với nhau. Ngoài ra Bhutan cũng được những nước Bắc Âu này viện trợ hàng năm để bảo vệ môi sinh.

Đặc biệt tại các khách sạn hay ngân hàng tiền Na Uy, Đan Mạch, Thụy Điển và Phần Lan được nhân viên ở đây biết đến nhiều hơn là tiền Đức, Anh, Pháp, Mỹ v.v... Quả thật ở đời có nhiều việc khó tin nhưng có thật. Trong khi ở những xứ khác thì đồng tiền Bắc Âu ít được nhắc đến hơn là những đồng tiền thông dụng tại Âu Châu hay Mỹ Châu. Ngay như tại Đức, nhiều lúc nhân viên ngân hàng không phân biệt được tiền nào là tiền của Na Uy và tiền nào là của Đan Mạch hay Thụy Điển, nếu họ không nhìn kỹ vào những ghi chú bên cạnh. Rồi đây, 15 quốc gia Âu Châu sẽ sử dụng chung một đồng tiền, nhưng tiếng nói và phong tục tập quán thì xứ nào họ giữ của xứ ấy. Có lẽ cũng sẽ tiện lợi dần dần. Vì thế giới càng ngày càng gần gũi với nhau hơn.

Năm 1994, Bhutan nhận được 77 triệu Mỹ kim tiền ngoại viện, đa phần là của Ấn Độ, Nhật Bản và các nước Bắc Âu. Nếu gặp người ngoại quốc tại xứ này thì đa phần là người Ấn Độ, Nhật Bản và Bắc Âu chứ người Đức rất ít. Vì lẽ mỗi năm Bhutan chỉ nhận từ 7 đến 8.000 người nhập cảnh mà thôi. Mỗi người vào lãnh thổ này phải đóng 200 Mỹ kim mỗi ngày để trả cho tiền ăn ở cũng như di chuyển. Trong số tiền này có 35% sung vào công quỹ quốc gia để lo cho vấn đề sức khỏe và giáo dục của dân chúng.

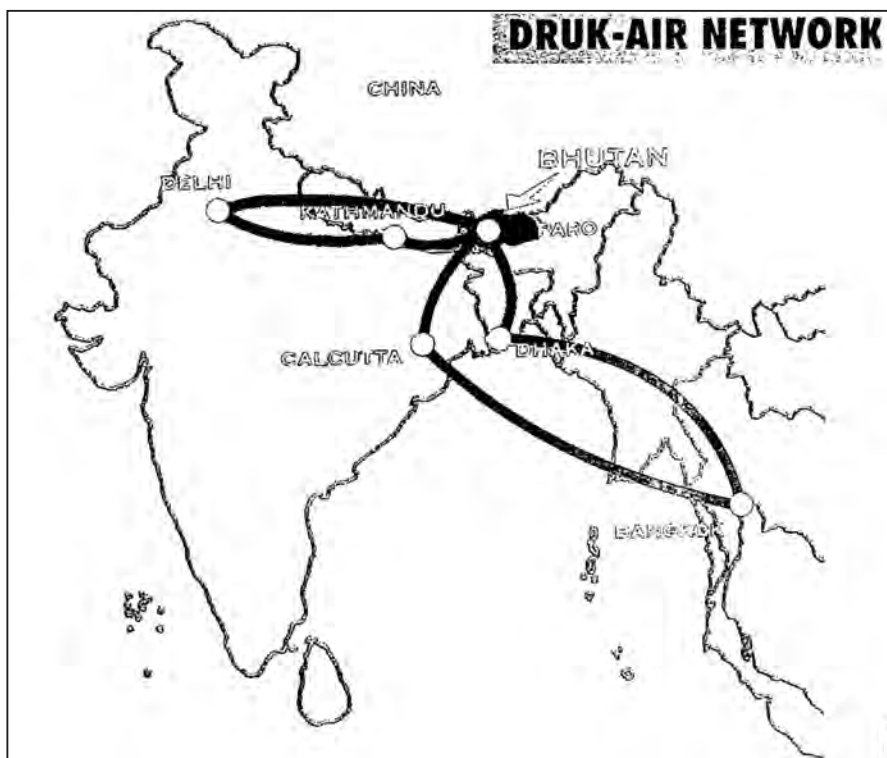
Nhà vua Jigme Dorji Wangchuck đã băng hà năm 1972, nhưng chính nhà vua này lần đầu tiên mới mở cửa cho người ngoại quốc vào Bhutan năm 1960. Nhóm đầu tiên du lịch vào Bhutan năm 1974 do ông Lars Eric Lindblad tổ chức. Nhà vua đã khuyến khích chính phủ hạn chế việc du lịch và đánh tiền thuế cao vào người du lịch. Lúc ấy, mỗi năm chỉ vào được Bhutan độ 200 người. Mỗi nhóm có 6 người hoặc nhiều hơn, mỗi người phải đóng 130 Mỹ kim mỗi ngày. Thời gian ấy chưa có phi trường, nên đa phần khách du lịch phải đến biên giới Ấn Độ rồi từ đó mới đi bộ, đi ngựa hoặc có đoạn đường có thể sử dụng xe bus để đi vào Bhutan.

Riêng phái đoàn của chúng tôi 19 người không phải đóng một đô-la nào trong suốt 10 ngày ở tại Bhutan. Có lẽ đây cũng là một phái đoàn đặc biệt, sẽ trình bày ở những chương sau.

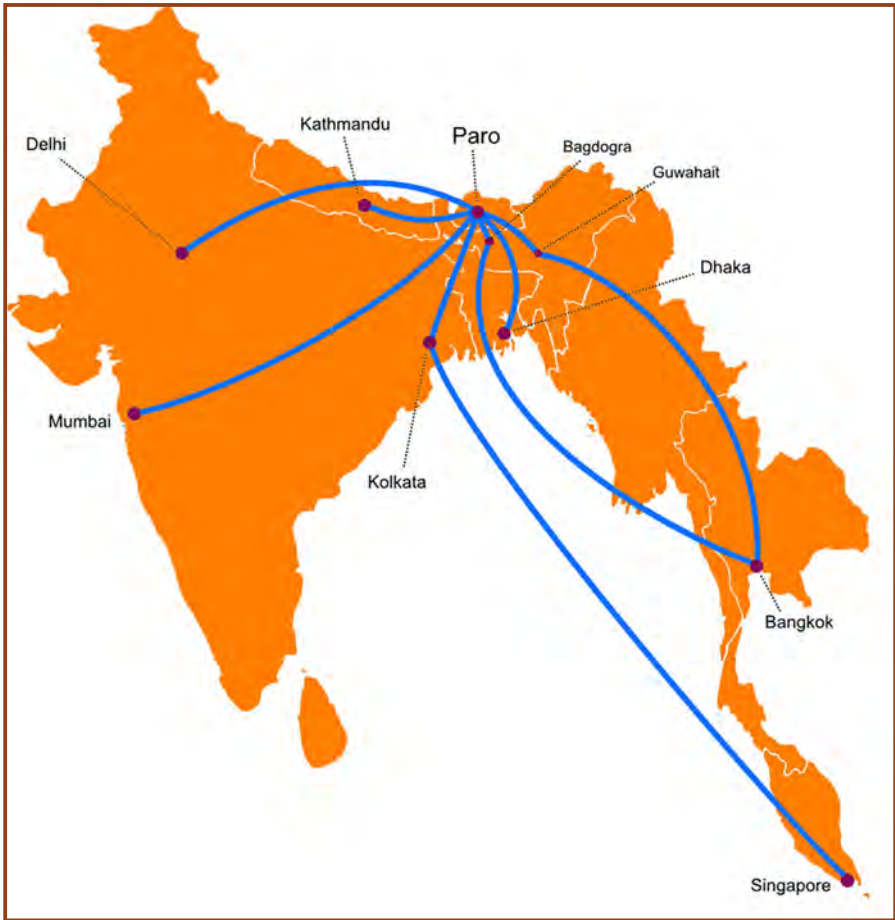
Phi trường Paro nơi chúng tôi đến, được xây dựng năm 1983 và đến năm 1990 Bộ Trưởng Bộ Giao Thông Ấn Độ mới sang đây dự lễ khánh thành và giúp đỡ tài chánh. Kể từ đó phi trường Paro mới được mở rộng ra. Druk Air lúc mới bắt đầu bay chỉ có 72 hành khách.

Nhưng trong hiện tại ở Bhutan cũng mới chỉ có một chiếc máy bay, một phi trường và một phi đạo. Cho nên tôi nói Bhutan khó đến mà cũng khó về là vậy, nếu máy bay có sự cố.

Druk Air chỉ bay từ Paro qua Dhaka, qua Bangkok, trở về Calcutta và Paro. Đó là đường bay thứ nhất. Đường bay thứ hai từ Paro đi Kathmandu rồi qua Delhi rồi trở về lại Paro. Tuy là bay hai đường bay qua 4 nước, nhưng chỉ có một chiếc máy bay và một phi hành đoàn chưa đến 10 người. Quả là một hãng hàng không rất khiêm nhường nhất nhì trên thế giới. Do vậy mà có đến Bhutan rồi mới hiểu được Bhutan.



CÁC ĐƯỜNG BAY QUỐC TẾ CỦA DRUK AIR NĂM 2001



CÁC ĐƯỜNG BAY QUỐC TẾ CỦA DRUK AIR NĂM 2014

Nhà vua hiện tại là Jigme Singye Wangchuck. Năm 1972, lúc ông 16 tuổi thì vua cha là Jigme Dorji Wangchuck băng hà khi mới 44 tuổi. Nhà vua này cũng là một vị vua cải cách của xứ Bhutan. Chính ngài đã cho mở cửa để đón khách nước ngoài vào từ thập niên 60, còn trước đó thì hoàn toàn không có.

Nhà vua trọng hiện tại cũng giống như cha mình, được du học ở Ấn Độ và Anh Quốc. Đức Vua cũng đã tốt

nghiệp trường Đại Học của Bhutan ở Paro. Ngài cũng tiếp tục con đường giáo dục, kinh tế và ngoại giao giống như vua cha đã làm. Đó là việc bảo vệ môi sinh tốt cũng như giữ mức dân số nhỏ như hiện nay. Mức sống kinh tế tại Bhutan tuy không giàu như các nước Tây phương, nhưng dân chúng ở đây sống trong một quốc gia rất hạnh phúc.

Năm 1974, sau khi đăng quang, nhà vua chủ trương mở cửa cho Bhutan và đây là lần đầu tiên có các ký giả ngoại quốc vào quốc gia này. Có khoảng 287 vị khách được mời lúc đó. Vì lễ đó cho nên có những khách sạn mọc lên để cung ứng cho nhu cầu này và sau đó dùng để đón khách du lịch.

Nhà vua cũng đã hiện đại hóa nền giáo dục và nhất là hệ thống y tế của quốc gia cùng với vai trò phát triển cộng đồng của người Bhutan. Ông có thể nói là một Kiến trúc sư cho việc bảo vệ môi sinh của Bhutan. Ông cũng tiếp tục phát triển những thành quả tốt đẹp mà vua cha để lại, giữ gìn truyền thống văn hóa cổ truyền và chủ trương một quốc gia, một dân tộc.

Năm 1988, HoàngTộc đã làm lễ kết hôn cho nhà vua cùng với 4 chị em ruột của Ashi Dorji Wangmo, Ashi Tshering Pem, Ashi Tshering Yangdon và Ashi Sangay Choden. Nhà Vua và các Hoàng Hậu hiện có 5 Thái Tử và 5 Công Chúa, kể cả Thái Tử sắp nối ngôi.

Đây cũng là một điều ngoại lệ và rất hiếm hoi đối với các vị vua trên thế giới, mà cũng có thể nói rằng đây là phước đức của dòng họ Ashi. Cả 4 chị em ruột đều lấy một chồng và người chồng ấy là Vua của xứ Bhutan.

Cũng có thể vì để tránh việc tranh giành ngôi thứ với nhau và cũng để khỏi có sự lật đổ một vương triều nên Hoàng tộc của Bhutan trong hiện tại đã chọn giải pháp như thế.

Tốt xấu, đúng sai hãy để cho hậu thế sẽ ghi vào sử sách, riêng về phương diện phúc đức thì phải thấy rằng nếu không gây nhân bố thí, giúp đời ở kiếp trước, thì kiếp này khó có thể làm Vua và làm Hoàng Hậu.

Đồng thời cũng nên biết qua về hình ảnh của đức Vua và 4 Hoàng Hậu cũng như cha mẹ của Hoàng Hậu.

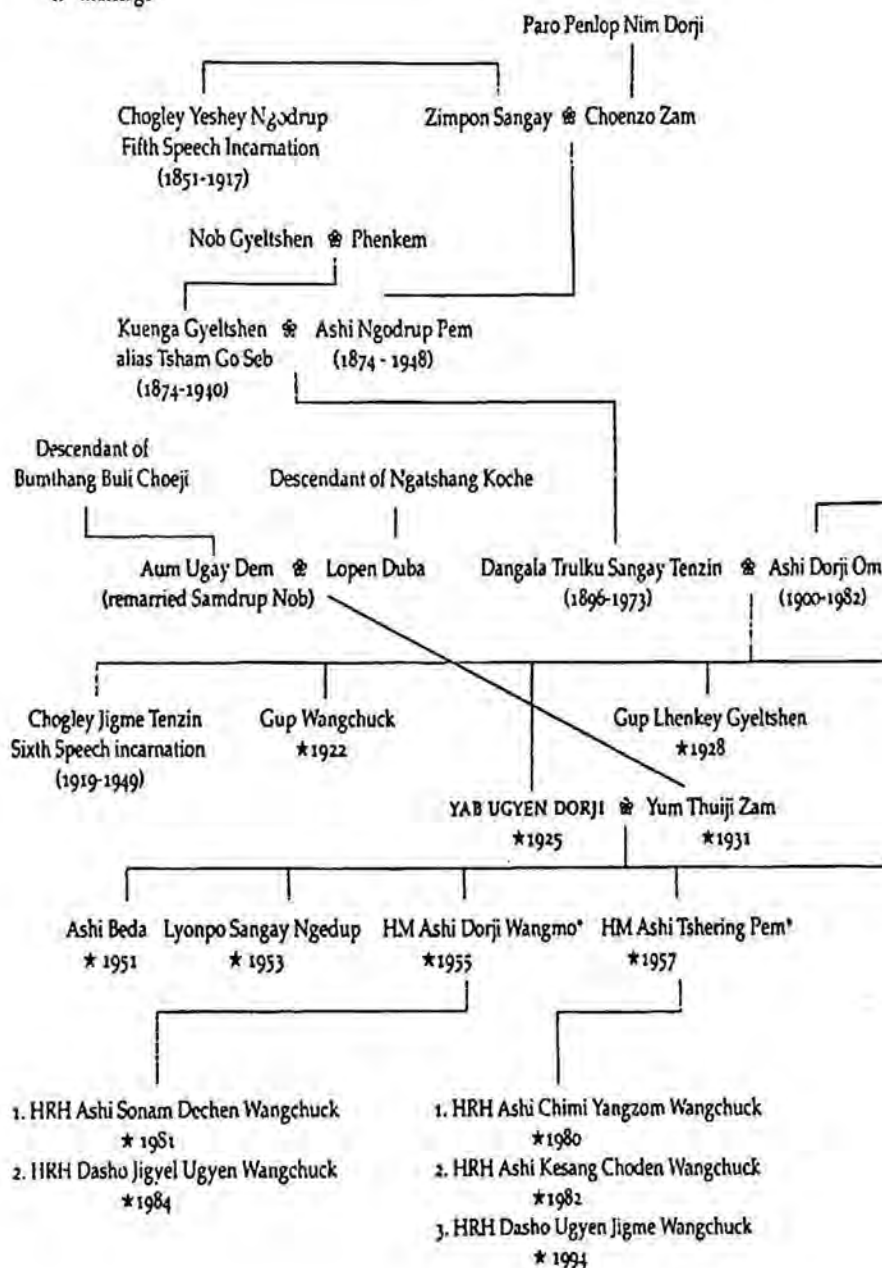


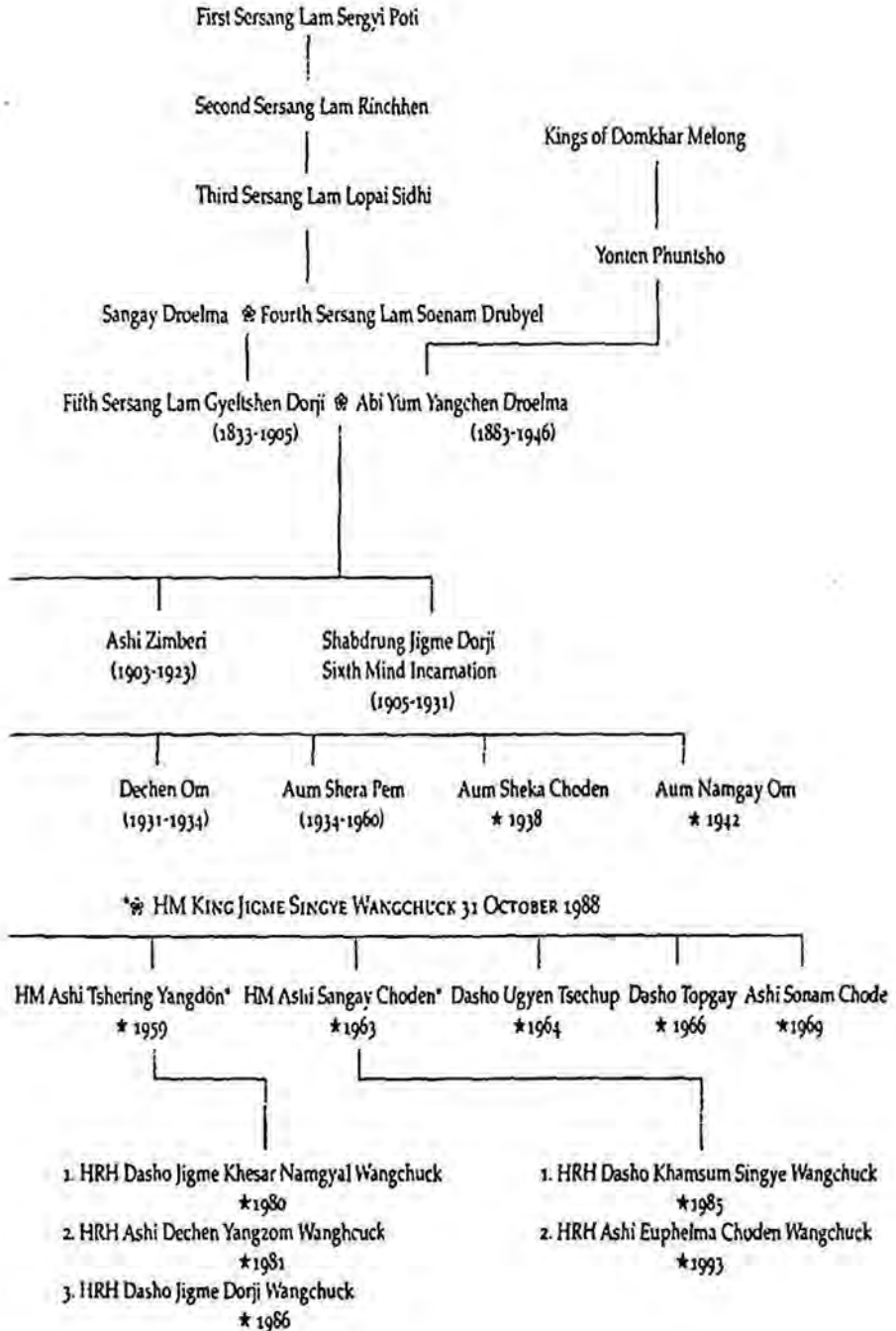
ĐỨC VUA VÀ 4 VỊ HOÀNG HẬU

The Ancestors and Descendants of Yab Ugyen Dorji

★ Birth Year

✿ Marriage





Đến thế kỷ 16 thì Bhutan chia ra nhiều địa phương khác nhau và đây cũng là cơ hội để năm 1644 quân Mông Cổ và Tây Tạng tấn công xâm chiếm Bhutan. Vào năm 1644-1647 Đức Đạt Lai Lạt Ma thứ V đã ngự giá đến Paro và năm 1648-1649 Tây Tạng đã chiếm trọn Bhutan. Ông Shabdrung Ngawang Namgyal đã chống lại Tây Tạng và thành công vào năm 1655. Ông sinh vào cuối thế kỷ 16 (1594) và đến năm 1651 thì từ trần. Cuộc chiến mà ông lãnh đạo chống lại Tây Tạng đã thành công, rồi sau 4 năm ông mất. Do vậy hình ảnh của ông được xem như là một vị Thánh quan trọng của Bhutan. Hầu như chùa nào cũng có thờ hình hoặc tượng của ông trong tư thế ngồi, đội mũ đỏ, có râu dài, mặc y áo nhà tu và trên tay cầm một bình nước cam lồ. Người Bhutan cũng thờ lạy ông như một vị Bồ Tát.



CHA MẸ CỦA HOÀNG HẬU

Đến năm 1705 thì Je Khenpo chết. Từ thân thể ông có 3 tia sáng xuất hiện và điều ấy báo hiệu rằng sẽ ông tái sinh thành 3 hình thức khác nhau để lãnh đạo quốc gia. Thời gian yên bình này kéo dài chừng 20 năm, sau đó thì có nội chiến. Vì vậy cho nên năm 1729-1730 Tây Tạng đã lợi dụng sự bất ổn định của Bhutan nên đã xâm nhập lần thứ 3 và lần này người Tây Tạng cũng thua phải kéo binh về nước.

Tuy rằng kinh điển Phật Giáo cho đến ngày nay người Bhutan vẫn còn dùng tiếng Tây Tạng để tụng đọc và hành trì, nhưng hình thức cũng có đôi phần khác với Tây Tạng. Vì lễ phong tục cũng như truyền thống và nghi lễ có nhiều điểm không giống nhau.

Có lẽ đau đớn sau 3 lần bị chiếm đóng, cho nên người Bhutan không thích người Tây Tạng mấy. Cũng giống như người Đại Hàn không thích người Nhật vậy. Do vậy cái gì không đúng hay xấu xa, người Bhutan thường hay nói: Tại sao giống người Tây Tạng quá vậy.

Dân tộc và đất nước Việt Nam của chúng ta cũng đã bị người Trung Hoa đô hộ 3 lần. Bị người Pháp, người Nhật mỗi xứ một lần. Mỗi lần như vậy cả hàng ngàn năm, hàng trăm năm hay mấy chục năm, nhưng người Việt Nam phóng khoáng hơn, không trả thù khi kẻ đến xâm lăng bị thua. Sau đó thì giao hảo tốt đẹp cũng như tay bắt mặt mừng, trao đổi văn hóa, kinh tế, chính trị, thương mại với nhau, ngay cả với những nước cựu thù. Còn Bhutan bị Tây Tạng chiếm tổng cộng 3 lần chưa tới 30 năm mà mối thù truyền kiếp ấy vẫn còn dai dẳng trong lòng người Bhutan cho đến ngày hôm nay. Mặc dầu

cả 2 nước đều là Phật Giáo, mà Phật Giáo của Bhutan ảnh hưởng không ít bởi Phật Giáo của Tây Tạng.

Hầu như tất cả những chùa của Bhutan đều thờ hình hoặc tượng của Ngài Padmasambhava. Ngài được xem như là vị Phật thứ hai sau Đức Thích Ca Mâu Ni đối với người Bhutan. Chữ Padmasambhava có nghĩa là Liên Hoa Sanh. Có nghĩa là Ngài hóa sanh từ hoa sen. Ngài xuất thân từ Ấn Độ. Năm 746, Ngài dùng thần thông để bay qua Bhutan, Sikkim và Tây Tạng để xiển dương Phật Pháp nơi đây. Do vậy mà cả 3 nước này đều thờ hình ảnh của Ngài rất trang trọng.

Ngài cũng được hiểu như một biểu tượng Đại Sư của Mật Giáo, nên gọi là Je Khenpo, có nơi cũng gọi là Guru Rinpoche. Hình hoặc tượng của Ngài tay phải cầm hoa sen, tay trái cầm bình nước cam lồ. Ngài mặc áo đỏ, đắp y vàng, đầu đội mũ đỏ viền xanh, dưới hình thức là một tăng sĩ. Về sau ngài tái sanh dưới nhiều hình thức khác nhau, có lúc địa vị của Ngài còn cao hơn cả vương quyền của Vua Bhutan nữa. Do vậy ở đầu thế kỷ 20 mới có sự tranh chấp và tái sanh của Je Khenpo bị giết để chứng tỏ thế quyền cao hơn đạo giáo và vị Je Khenpo tái sanh tiếp theo bây giờ hiện đang ở tại Ấn Độ.

Ấn Độ là một quốc gia phát sanh nhiều bậc giác ngộ, nhiều vĩ nhân trên thế giới, nhưng đồng thời Ấn Độ cũng là nơi tranh chấp nhiều giai cấp và nhiều hóa thân, để rồi mãi cho đến bao giờ Ấn Độ cũng còn nằm trong sự huyền bí, như Hy Mã Lạp Sơn cho đến bao đời cũng chẳng ai có thể biết được trong đó có những gì?

Vị vua của Bhutan có liên hệ với Anh Quốc tên là Ugyen Wangchuck. Ông lên ngôi ngày 17.12.1907. Có lẽ vì lúc ấy có sự hiện diện của người Anh tại Ấn Độ, nên người Anh cũng muốn bành trướng thế lực của mình qua các xứ lân cận của Ấn Độ. Cũng vì Bhutan là một xứ núi non rất hiểm trở nên người Anh, và ngay cả người Tây Tạng, Trung Quốc cũng không thành công trong giấc mộng xâm lăng.

Đạo Thiên Chúa hoàn toàn không có ảnh hưởng gì tại xứ Bhutan này. Mặc dầu năm 1627, nghĩa là cách đây 400 năm về trước, có Giáo sĩ Bồ Đào Nha dòng Jesuit tên là Cacella và Cabral, đến từ Calcutta của Ấn Độ, nhưng sau 400 năm tại đây hầu như không có một nhà thờ và không có một người nào theo đạo Thiên Chúa giáo. Ngay cả Nhật Bản, mặc dầu các Giáo sĩ người Tây phương cũng đã đến đây vào thế kỷ 16, 17 và cho đến nay sau 400 năm truyền giáo họ chỉ có con số tín hữu rất khiêm nhường là 0,001% so với trên 100 triệu dân số của Nhật Bản ngày nay.

Quân đội Anh cũng đã tìm cách gây ảnh hưởng tại xứ Bhutan và Tây Tạng nên đã ký một hiệp ước vào năm 1774. Đây là thời kỳ mà người Âu Châu đi tìm các thuộc địa tại Á Châu và Mỹ Châu cũng như Phi Châu. Tuy nhiên với truyền thống lâu đời của Phật Giáo mà người dân đã hấp thụ, nên không thể một sớm một chiều mà có thể thay đổi tín ngưỡng của dân tộc cả hàng ngàn năm qua.

Phật Giáo giữ một vai trò quan trọng trong đời sống sinh hoạt hằng ngày của dân chúng. Người Népal và người Ấn Độ ở Bhutan thì theo đạo Hindu. Có cả đạo

Bon từ Tây Tạng truyền sang đang có mặt tại những vùng thuộc Hy Mã Lạp Sơn. Những vị tu sĩ của Bhutan đang đóng vai trò chính yếu trong đời sống cộng đồng. Con nhỏ của người Bhutan lúc 10 tuổi hầu như đều được đưa vào ở trong tu viện để học kinh và tu hành. Bây giờ thì truyền thống này không còn bị bắt buộc nữa. Tuy nhiên tôn giáo của quốc gia là Drukpa Kagyu là một nhánh của Mật Giáo, giống như Mật Giáo của Tây Tạng.

Đạo Phật không phải là một tôn giáo tin vào Thượng Đế, nhưng Đạo Phật dùng hệ thống triết học và đạo đức học để răn dạy con người nên đã ảnh hưởng rất sâu đậm trong quần chúng cũng như vua chúa. Phật Giáo cũng đã giải thích cuộc đời là vô thường, thế gian là giả hợp qua những bức tranh lụa của Phật Giáo nhằm chuyển hóa những biểu tượng này vào cuộc sống của mọi người, để ý thức được thế nào là sự hiện hữu của một kiếp nhân sinh.

Đời sống chính trị tại Bhutan cũng như chính sách của chính phủ bị ảnh hưởng Phật Giáo rất nhiều, nên họ bảo vệ thiên nhiên một cách toàn hảo và giữ lại những truyền thống tốt đẹp tự ngàn xưa. Việc bảo vệ thiên nhiên và bảo vệ văn hóa là hệ thống chính trị của Bhutan. Vì thế cho nên năm 1995, Quốc Hội họp và biểu quyết là giữ lại 60% rừng như xưa. Ai chặt cây bừa bãi sẽ bị luật pháp nghiêm trị.

Năm 1991, chính phủ Bhutan thành lập một quỹ bảo vệ môi sinh để duy trì những hoạt động này. Được bảo trợ bởi WWF (Tổ chức bảo vệ môi trường), gồm các nước như Thụy Sĩ, Hòa Lan, Na Uy và Phần Lan giúp đỡ. Quỹ

này hiện có 25 triệu Mỹ kim để lo bảo vệ môi trường cho dân chúng Bhutan.

Bhutan là một nước có môi trường thiên nhiên rất tốt. Rừng rậm vẫn còn nguyên vẹn. Vì dân số ngày càng tăng nên chính phủ đã ra lệnh cần phải bảo vệ môi sinh nhiều hơn nữa. Chính vì rừng còn nguyên thủy cho nên có nhiều loại cây và hoa quý vẫn tồn tại dưới chân núi Hy Mã Lạp Sơn này. Có nhiều cây là dược thảo và theo sự kiểm kê của Sở Kiểm Lâm có đến 5.000 loại cây và hoa khác nhau đang có mặt tại rừng núi Bhutan này. Cũng vì thiên nhiên còn tốt đẹp cho nên những động vật như khỉ, voi, báo tuyết vẫn còn hiện diện nơi đây, vì có nơi nương tựa.

Do những lý do bảo vệ môi sinh một cách chặt chẽ có hệ thống như trên mà nhiều người đã quả quyết rằng: “Trong tương lai thế giới này có thể sụp đổ nhưng xứ Bhutan vẫn còn” là trong ý nghĩa này vậy.

Đời sống của người dân tại Bhutan rất bình thường. Năm 1995 theo thống kê, thu nhập bình quân đầu người mỗi năm là 470 USD. Đến năm 2001 có lẽ tăng thêm chút đỉnh. Tuyệt nhiên không phải nhờ vào lượng khách du lịch đến Bhutan mà đa phần 80% dân số sống về nghề nông và họ cũng không có tiền mặt nhiều nơi mỗi cá nhân.

Chính phủ xuất cảng 25% tiền điện và than, gỗ, xi-măng. Đây là những nguồn cung ứng chính cho sự sinh hoạt của cơ quan nhà nước và nhân dân. Ngoài ra Bhutan cũng đã cung ứng 457 loại nấm khác nhau cho ngoại quốc. Nghe đâu Nhật Bản thường mua nấm Suitake của

Bhutan. Lý do là tại Bhutan có rừng nhiều và rừng còn ở dạng nguyên thủy, cho nên những loại nấm xuất hiện ở đây rất được ngoại quốc ưa chuộng. Ngoài ra, cây sả ép ra tinh dầu cũng được xuất cảng ra nước ngoài.

Trung bình trong 100 người dân Bhutan thì có đến khoảng 20 tăng sĩ, nên đâu đâu cũng thấy chùa. Khắp nơi đều đặt dưới sự kiểm soát của hệ phái Je Khenpo tức hóa thân của Ngài Padmasambhava (Liên Hoa Sanh) và ảnh hưởng rất lớn vào đời sống của mọi người dân. Nhìn vào trình độ giáo dục của các tu viện tương đối cao hơn so với dân chúng, vì họ phải lam lũ làm ăn, ít có người được học hành đỗ đạt cao. Nếu có, đa phần xuất thân từ chùa chiền, tu viện. Điều này cũng dễ hiểu, ở những thế kỷ trước tại Việt Nam hay Trung Quốc và ngay cả Nhật Bản, những danh tăng, những nhà giáo dục đều xuất thân từ cửa chùa. Nơi ấy có đầy đủ điều kiện hơn, có thể đời sống kinh tế không khá lắm, nhưng đời sống tâm linh và đặc biệt là giáo dục phát triển rất mạnh.

Về việc giáo dục phổ cập, đến năm 1950 vẫn do các Tu viện nắm giữ và cho đến ngày nay cũng thế. Tuy nhiên ai muốn học thêm ở ngoài thì phải đến Darjeelivy. Số lượng chính xác người dân Bhutan biết đọc biết viết vào năm 1984 là 28% và đến năm 1996 là 54%. Đa phần đường hướng giáo dục tại đây đều rập theo khuôn mẫu của các nước phương Tây.

Về giáo dục bậc Đại Học thì Bhutan hiện chỉ có một trường dạy về y khoa và kỹ sư. Đa phần những người trẻ được gửi ra nước ngoài để học Đại Học. Một số không có cơ hội ra nước ngoài thì học tại Đại Học Sherubtse tại Kanglung nằm về phía đông Bhutan.

Ngay như Thimpu là thủ đô của Bhutan, nhưng hầu như không có một trường Đại Học nào cả. Đức Vua và Hoàng Hậu đương triều cũng đã học và tốt nghiệp tại Ấn Độ, Anh Quốc, nên nói tiếng Anh rất lưu loát. Các vị Bộ Trưởng của Bhutan đa phần cũng được học tại Mỹ hoặc Âu Châu, cũng có một số vị học tại Á Châu và nhìn chung những người lãnh đạo của đất nước Bhutan là những người trí thức.

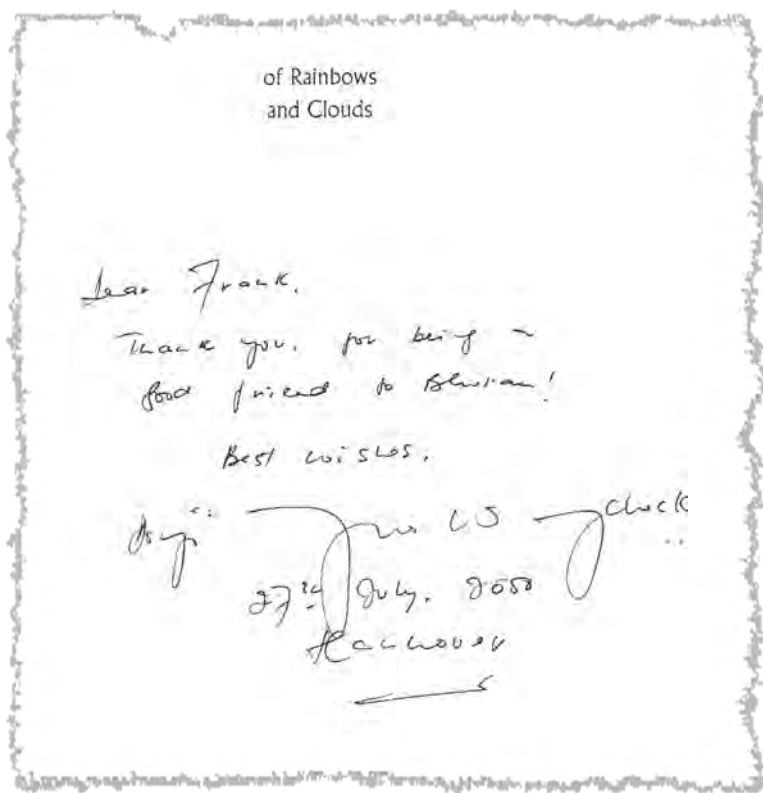
Tôi đã có dịp tiếp xúc với các vị Tỉnh Trưởng tại địa phương Punakha cũng như vị Giám Đốc Viện Bảo Tàng Quốc Gia tại Paro, tất cả đều dùng tiếng Anh để trao đổi. Họ là những người rất thông thái và hiểu sâu vấn đề. Lý do là họ có nhiều cơ hội để xuất ngoại du học và làm việc, trao đổi, quan hệ với ngoại quốc.

Chương thứ nhất này được viết ra một cách tổng quát về đất nước Bhutan do nhu cầu chung. Chúng tôi đã tìm nguồn tài liệu từ quyển sách du lịch nhan đề Bhutan của Stan Armington. Ông là một kỹ sư người Mỹ đã ở Népal 20 năm và hiện vẫn còn ở Kathmandu, thủ đô của Népal. Ông viết được cuốn sách này vì do nhờ có sự mở cửa của Bhutan từ năm 1974. Thầy Thông Trí đã cộng tác với tôi dịch từ Anh ngữ sang Việt ngữ một số mục cần thiết để giới thiệu đến quý độc giả xa gần.

Ngoài ra, nhân chuyến viếng thăm Hannover và Hội Chợ Thế Giới vào ngày 27 tháng 7 năm 2000, Hoàng Hậu Ashi Dorji Wangmo Wangchuck đã tặng cho Hạnh Hảo Frank một quyển sách nhan đề *Of Rainbows and Clouds*. Trong sách này có nhiều hình ảnh rất đặc biệt và tôi đã sử dụng phổ hệ cũng như một vài hình ảnh đặc biệt đó. Chỉ

trong Chương này mà thôi. Còn những Chương sau bài viết và hình ảnh đều do chính tác giả hay những người cận sự chụp lại và làm nên tác phẩm này.

Mục đích duy nhất của việc ghi lại tác phẩm này là để tìm hiểu thêm về một quốc gia theo Phật Giáo tại Á Châu về phong tục tập quán, cũng như đề cao vấn đề môi sinh tại Bhutan trong hiện tại. Tuyệt nhiên không có một ý gì khác. Ngoài ra nếu những người Việt Nam có cơ hội đọc được sách này cũng sẽ có một số ý niệm tổng quát về quốc gia này. Biết đâu trong tương lai họ sẽ có cơ hội đến thăm xứ sở huyền bí này.



THỦ BÚT ĐỂ TẶNG CỦA HOÀNG HẬU ASHI DORJI WANGMO WANGCHUCK

Chương II.

Nhân duyên hội ngộ với Bhutan

“**T**ất cả các pháp đều do nhân duyên sanh, tất cả các pháp cũng do nhân duyên diệt.” Đó là chân lý ngàn đời của vạn pháp mà chư Phật trong quá khứ đã dạy, chư Phật hiện tại đang dạy và chư Phật vị lai cũng chỉ dạy như thế mà thôi.

Năm 2000 là năm bận rộn của Hội Chợ Thế Giới tại thành phố Hannover, cả thành phố như chuyển mình vươn lên để sánh vai cùng thế giới, nên ở đây cái gì cũng chạy đua cả. Chạy đua với thời gian và chạy đua với mọi hoàn cảnh. Không những vào năm 2000 mà trước đó một hai năm, người dân Hannover cũng đã có tâm trạng ấy.

Khoảng giữa năm 1999, có một người Bhutan đến chùa Viên Giác và tự giới thiệu là Kunzang Thinley, người đứng đầu Viện Bảo Tàng tại Thimphu, thủ đô của Bhutan, muốn gặp tôi để trình bày một số vấn đề nhân EXPO năm 2000 tại Hannover. Hôm đó có Frank Sanzenbacher tức là Thầy Hạnh Hảo, người Đức. Vị khách Bhutan này nói tiếng Anh rất trôi chảy và cũng nói được tiếng Đức. Ông

trình bày rằng: Để hoàn thành một tòa nhà của Bhutan tại khu triển lãm EXPO Hannover trong năm 2000 thì chính phủ phải gửi sang Đức 20 người thợ và chỉ riêng việc dựng ngôi nhà này cũng như trang trí bên trong phải mất 6 tháng, mà nơi ăn chốn ở dành cho thợ lại không có. Do vậy, ông ta có ý nhờ chùa Viên Giác giúp đỡ, vì đường đi từ chùa đến khu triển lãm chỉ khoảng 10 phút đi bộ. Tôi rất vui và sẵn lòng giúp đỡ vì biết rằng Bhutan không giàu có mấy, vả lại là một quốc gia Phật Giáo tại Á Châu rất ít người biết đến, ngay cả tôi. Do vậy, tôi đã đồng ý vô điều kiện là mọi người cứ tự nhiên đến ăn ở, tắm giặt suốt trong thời gian xây dựng ấy và chùa Viên Giác sẽ không thu bất cứ chi phí nào cả. Dĩ nhiên là ông Kunzang Thinley rất vui mừng.

Qua trao đổi, tôi thường hay nhấn mạnh rằng: “Tuy Phật Giáo của quý quốc có khác về lễ nghi và truyền thống với Phật Giáo Việt Nam, nhưng trong thâm tâm tôi thì không có sự phân biệt giữa Tiểu Thừa với Đại Thừa hay giữa Đại Thừa với Kim Cang Thừa, mà chỉ có một Thừa duy nhất là Phật Thừa mà thôi.” Ông ta có vẻ vui khi nghe tôi đề cập như thế. Cũng chính từ quan điểm của tôi như vậy nên chùa Viên Giác tại Hannover đã đón tiếp rất nhiều chư Tăng Ni, Phật Tử khắp nơi trên thế giới, không phân biệt Nam, Bắc Tông hay Phật Giáo Nhật Bản, Đại Hàn v.v...

Sau đó, vào tháng 11 năm 1999 có 20 người Bhutan đến ở chùa Viên Giác. Chỉ có một vài người nói tiếng Anh được, thông dịch cho những người còn lại. Họ sống rất kham nhẫn và làm việc rất tận tụy. Mặc dầu mùa Đông năm ấy rất lạnh, nhiều khi họ chẳng ngại tuyết băng giá

lạnh, ngày nào cũng như ngày ấy, có khi ngay cả ngày chủ nhật họ cũng đi làm. Họ là những nghệ nhân tạo nên những tác phẩm hữu hình, nhưng hầu như họ đều vô danh, chẳng ai để lại tên tuổi của mình trên những tác phẩm có nghệ thuật cao như vậy. Có lẽ đây là quan điểm chung của những người Á Châu theo Phật Giáo chăng? Ngay cả những thiền sư sống vang danh một thuở mà khi ra đi cũng chẳng để lại dấu vết nào. Đúng là:

*Cuộc đời có cũng như không,
Sớm còn tối mất bận lòng làm chi!*

Mà bận lòng làm chi khi tất cả đều bị vô thường chi phối. Nhìn họ, lúc nào cũng mỉm cười. Nhiều lúc trò chuyện họ không hiểu, tôi bảo Hạnh Tấn dùng tiếng Tây Tạng thì có một số người hiểu. Họ rất lịch sự, chỉ có một điều là ít siêng năng tắm rửa mà thôi. Có lẽ họ bị ảnh hưởng bởi ở xứ cao chẳng? Vì lẽ giọt nước ngọt rất quý cho những trường hợp như thế.

Mỗi buổi sáng, họ tự nấu ăn cho luôn cả buổi trưa. Sau khi dùng sáng xong, họ cho cơm vào hộp và mang theo để đến trưa dùng tại chỗ làm. Những ngày đầu tiên họ hoàn toàn dùng chay như ở chùa, nhưng có lẽ vì công việc nặng, nên những tháng sau đó buổi trưa họ ăn uống bên ngoài tự do hơn. Họ đi từ sáng sớm đến chiều tối mới về. Khi về thì họ dùng cơm chiều chung với chùa. Đặc biệt họ ăn rất cay, không thua gì người Đại Hàn. Nghe đâu Bhutan cũng có xuất cảng ớt cho Đại Hàn để làm kim chi.

Lâu lâu thì Hạnh Hảo thưa với tôi: “Sư Phụ nên cho họ đi thăm Hamburg hoặc Berlin hay tham dự những

trận đá banh với các anh em Gia Đình Phật Tử.” Họ rất vui, vì mỗi lần như thế có cơ hội để thi thố tài năng của mình cũng như xem phong cảnh địa phương cho biết để khi về lại quê còn kể lại cho thân nhân, bè bạn nghe!

Một hôm, anh Kunzang dẫn ông Bộ Trưởng Bộ Xây Dựng đến gặp tôi để cảm ơn và nhân danh Chính phủ Bhutan tặng những tấm Thangkha có giá trị cho chùa. Nhân cơ hội này tôi cũng trình bày là Phật Giáo Việt Nam cũng như Phật Giáo Đức muốn có một gian hàng nhỏ tại chùa Bhutan ở khu EXPO để giới thiệu về những sinh hoạt Phật Giáo tại đây. Dĩ nhiên là ông ta bằng lòng và cũng không có một điều kiện nào hết. Đây là nơi mà Hạnh Hảo cũng như những người Đức theo Phật Giáo suốt trong 6 tháng triển lãm có cơ hội giới thiệu về sinh hoạt Phật Giáo của từng nhóm và từng Tông phái Phật Giáo khác nhau cho những người Đức đi tham quan.

Câu chuyện không dừng lại ở đó. Vì lẽ sau khi triển lãm xong ngôi chùa Bhutan này phải dỡ đi nơi khác. Do vậy họ cũng cần chỗ ăn ở cho 10 người làm trong vòng 2 tháng và xin ở lại chùa. Tôi cũng đồng ý. Đây là những nhân duyên chính để sau này tôi có những sự liên hệ tiếp theo.

Ngày chờ đợi khai mạc Hội Chợ Thế Giới EXPO năm 2000 cũng đã đến. Hôm đó là ngày 1 tháng 6 năm 2000. Từ bên Pháp qua có chư Tăng Bhutan và người Pháp tu theo Phật Giáo Bhutan đến làm lễ. Đầu tiên họ dùng các nhạc cụ như kèn, tù và, trống, linh đi ra tận ngõ để đón rước vị khách quý đến từ Bhutan. Đó là ông Bộ Trưởng Ngoại Giao của xứ này.



Chư Tăng Bhutan đón rước ông Bộ Trưởng Ngoại Giao

Về nghi lễ ngoại giao thì tôi không biết rõ phải chào như thế nào, cho nên người phụ tá chỉ tôi là khi gặp ông Ngoại Trưởng nên cầm một dải khăn trắng túm lại một đầu, còn đầu khác thì bung dài ra và đưa lên trao qua ông Bộ Trưởng.

Sau khi tiếp chuyện bằng tiếng Anh với ông Bộ Trưởng, ông ta rất vui mừng và cảm động khi thấy Phật Giáo Việt Nam đã hỗ trợ hết mình cho Phật Giáo Bhutan như thế, nên trong bài diễn văn của ông đọc hôm đó, nhân danh Chính phủ ông cũng đã cảm ơn Phật Giáo Việt Nam.

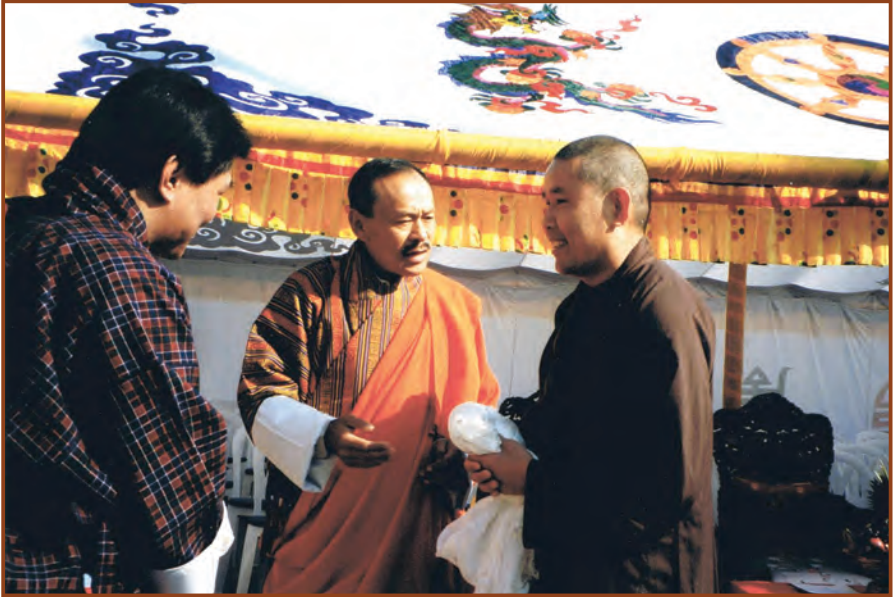
Khi nói chuyện với ông Bộ Trưởng thì ông Đại Sứ Toàn Quyền Bhutan tại Âu Châu cũng đến gần để tiếp chuyện. Ông rất trẻ và lịch lãm. Ngôn ngữ ngoại giao



Nghi lễ đón ông Bộ Trưởng Ngoại Giao Bhutan

vẫn là tiếng Anh. Chúng tôi nói chuyện về đủ mọi đề tài. Sẵn đó tôi đề cập rằng sang năm 2001 chúng tôi muốn sang thăm xứ Bhutan một lần cho biết. Ông Bộ Trưởng Ngoại Giao nói rằng tại đây có ông Đại Sứ, mọi việc sẽ do ông Đại Sứ lo sắp đặt cho chuyến đi này. Thế là từ đó tôi tiếp chuyện với ông Đại Sứ. Được biết cả Âu Châu chỉ có một Tòa Đại Sứ của Bhutan và Tòa Đại Sứ này hiện đóng tại Thụy Sĩ.

Đến tham dự lễ khai mạc chùa Bhutan hôm đó, ngoài tôi ra còn có chư Tăng chùa Viên Giác, các vị Sư người Đức tu theo phái Thiền Nhật Bản ở Steyerberg cũng như một vị Sư người Lào.



*Tiếp chuyện cùng ông Bộ Trưởng Ngoại Giao
và ông Đại sứ Toàn quyền của Bhutan*



Chư tăng chùa Viên Giác và chư tăng Đức tham dự lễ khai mạc

Hôm ấy chỉ đặc biệt làm lễ theo Phật Giáo Bhutan, còn nghi lễ của các truyền thống Phật Giáo khác thì không cử hành. Lý do có lẽ vì thời gian không đủ, mà nhân viên chính phủ thì phải tham dự nhiều nơi khác nhau, nên nghi lễ có phần giản lược. Tuy nhiên, thời gian cũng đã kéo dài đến 2 tiếng đồng hồ.

Sau khi dự lễ xong thì mọi người được mời đến quầy thức ăn để điểm tâm bằng nhiều loại thực phẩm khác nhau theo truyền thống Tây phương do người Việt Nam nấu. Những người khác đi xem các phòng triển lãm.

Tại chùa Bhutan ở Hội Chợ Thế Giới EXPO, trên chánh điện có thờ Phật ở giữa, hai bên thờ ngài Guru Rimpoche (Padmasambhava) và ngài Shabdrung Rimpoche, người có công thống nhất đất nước Bhutan và giành lại độc lập từ người Tây Tạng. Hình ảnh 2 vị này ở bất cứ chùa nào của Bhutan cũng thấy trưng bày.



Toàn cảnh ngôi chùa Bhutan tại EXPO 2000



Tháp tùng ông Ngoại Trưởng đi xem triển lãm

Bên tầng dưới có treo những tấm hình thác nước, phong cảnh thiên nhiên cũng như đồ thủ công mỹ nghệ của Bhutan. Có phòng triển lãm nơi dệt vải, có phòng trưng bày những loại thuốc gia truyền, cây cỏ của phương Đông. Trong tầng dưới cũng có một phòng lớn được ngăn ra để làm chỗ ngồi thiền, mà tôi đã có mấy lần đến đây để hướng dẫn người Đức khi tham quan chùa Bhutan.

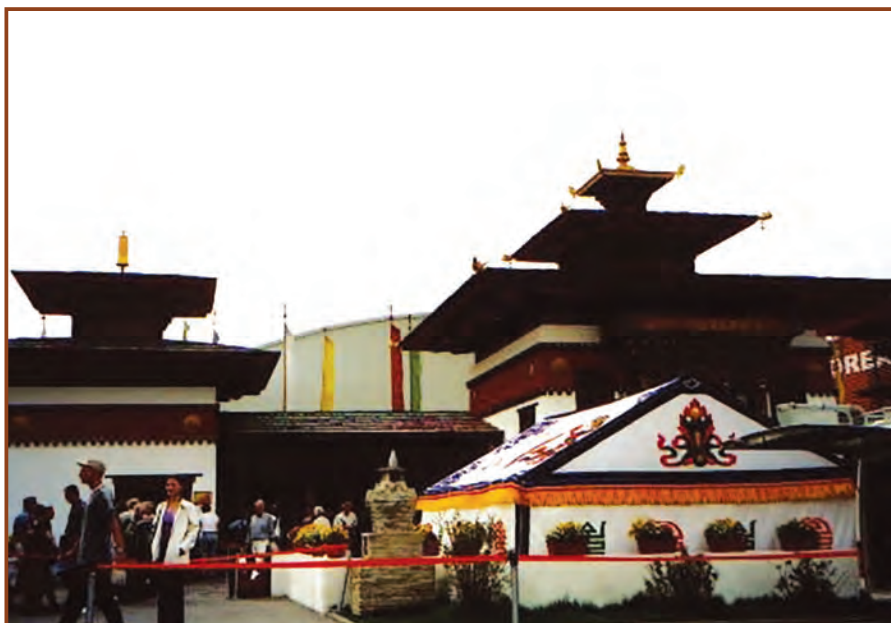
Mỗi ngày có 4 hay 5 lần tham thiền, mỗi lần độ 30 đến 45 phút. Trong 6 tháng ấy có rất nhiều trường phái Phật Giáo khác nhau của nước Đức đến đây hướng dẫn cho người Đức.

Một hôm tôi hỏi hai Thầy Gap Tshering và Kinga T. Dorji người Bhutan rằng:

- Tại sao quý Thầy không hướng dẫn người tham quan?



Cùng với Thượng Tọa Thích Quảng Bình, ông Đại Sứ, ông Ngoại Trưởng và Thầy Shukhashito tham quan các gian hàng



Toàn cảnh chùa Bhutan và khách tham quan

Quý Thầy cười và trả lời rằng:

- Vì họ hỏi nhiều câu khó lắm.

Theo tôi nghĩ thì tiếng Anh của hai Thầy ấy đủ để giao tiếp, nhưng khi đi vào chuyên môn, quả là vấn đề không đơn thuần chút nào. Mặc dầu quý Thầy cũng đã xong Cao Học tại Ấn Độ.

Ban đầu hai Thầy này cũng cư ngụ tại chùa Viên Giác, nhưng sau đó thì họ dọn ra ở luôn ngoài chùa Bhutan này cho tiện đi lại cũng như ăn uống.

Đã có lúc báo chí loan tin rằng: Thành phố Hannover là thành phố chùa Phật Giáo. Mà quả thật thế, ở đầu đường Karlsruher là chùa Viên Giác. Kế tiếp trong khuôn viên EXPO là chùa Népal, kiến trúc một nửa theo Ấn Giáo và một nửa theo Phật Giáo. Sau đó là chùa Bhutan. Chùa này triển lãm xong vẫn được giữ nguyên vẹn chứ không phải tháo dỡ. Rồi đến các chùa Tích Lan, Thái Lan, Lào v.v... đúng là một thành phố... chùa.

Nhưng sau tháng 10 năm 2000, các chùa này lần lượt chuyển đi nơi khác. Những tượng đầu chùa Bhutan sẽ về ngụ trị tại Steyerberg, nhưng vì dấu giá chưa xứng giá nên cuối cùng Phật Giáo bên Pháp đã thắng và chùa Bhutan đã chuyển về đó. Chùa Népal nghe nói vì kêu giá quá đắt, chẳng có ai đoái hoài đến, nhưng cuối cùng rồi cũng phải dỡ đi, chẳng biết đem đi đâu. Còn các chùa khác thì làm trong khu triển lãm, nên việc xếp đặt lại không khó khăn gì mấy.

Chùa Bhutan được quần chúng đi xem đánh giá và cho điểm là chùa đẹp nhất trong khu triển lãm. Vì ngôi

chùa đã nói lên hết được ý nghĩa của đề tài triển lãm năm 2000 là con người, thiên nhiên và kỹ thuật. Cả 3 khía cạnh này ngôi chùa Bhutan đều có đầy đủ.

Tôi đang bận rộn bao nhiêu chuyện cho EXPO và khóa học Phật Pháp Âu Châu kỳ thứ 13, dự định tổ chức tại Amiens - Pháp Quốc, từ ngày 20 đến 30 tháng 7 năm 2000, thì nghe Hạnh Hảo nói rằng: Bên chính phủ Bhutan báo tin ngày 27 tháng 7 năm 2000, sau khi Hoàng Hậu ghé thăm chùa Bhutan muốn ghé thăm chùa Viên Giác. Tôi ngỡ ngàng và lo lắng, vì lẽ những ngày ấy tất cả trong chùa, ngay cả tôi cũng như Phật Tử tại Đức đều đang ở Pháp để tham gia khóa học, không thể đón tiếp Hoàng Hậu mà không chuẩn bị kỹ càng được.

Do vậy mà tôi nói với Hạnh Hảo rằng: “Hãy bảo với người Đại Diện là Thầy phải có mặt ở Pháp. Vì chương trình đã định sẵn và ở đó có nhiều vấn đề quan trọng cần phải làm. Còn ở nhà Hạnh Hảo nên tiếp Hoàng Hậu đi.” Cuối cùng rồi ngày ấy cũng đã đến. Hạnh Hảo và thầy Shukhashito đã tiếp Hoàng Hậu tại chùa Bhutan này.

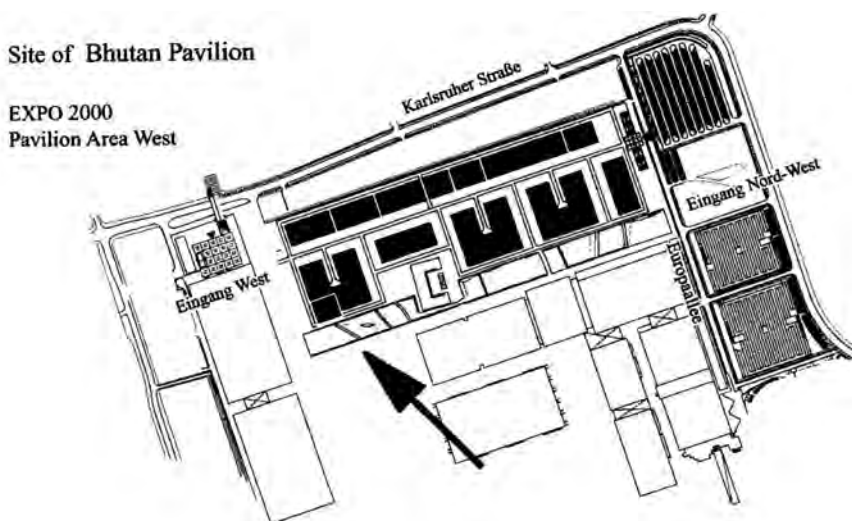
Hạnh Hảo thì như quý vị đã biết, sau khi tốt nghiệp Thạc Sĩ (Cao Học) tại Đại Học Hamburg thì về chùa Viên Giác, trong hai năm phụ trách những công việc liên quan đến người Đức. Sau đó lo cho EXPO và sau EXPO thì tôi cho đi Népal và Bhutan để tham cầu học đạo. Sau khi ở Nepal và Bhutan 5 tháng thì về lại Đức và hiện tại đang nhập thất tại Hòa Lan nơi Niệm Phật Đường của Thượng Tọa Thích Minh Giác.

Còn Thầy Shukhashito là người Đức, xuất gia theo truyền thống Tiểu Thừa của Thái Lan, giỏi tiếng Anh và



*Hoàng Hậu Ashi Dorji Wangmo Wangchuck,
Thầy Shukhashito và Thầy Hạnh Hào
vào ngày 27 tháng 7 năm 2000 tại Hannover*

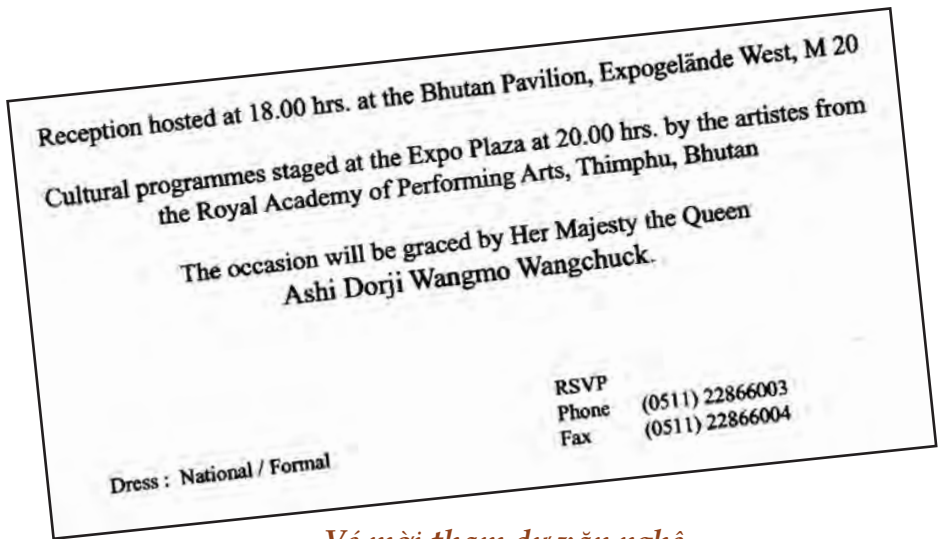
cũng đã có dịp ở chung với chúng lý tại chùa Viên Giác một thời gian. Sau 7, 8 năm lưu học tại Á Châu, bây giờ Thầy ấy về lại Đức và làm một cái cốc nơi vườn nhà của cha mẹ để tu tịnh. Thỉnh thoảng vẫn ghé thăm chùa và hỗ trợ một số công tác có liên quan đến người Đức.



Địa điểm chùa Bhutan trong khuôn viên EXPO 2000

Vào lúc 20 giờ ngày 27 tháng 7 năm 2000, tại chùa Bhutan có tổ chức chiêu đãi và biểu diễn văn nghệ, có sự hiện diện của Hoàng Hậu. Cả Hạnh Hảo và Thầy Shukhashito đều có tham dự buổi chiêu đãi này.

Sau khi ở Pháp về, tôi có hỏi Hạnh Hảo là cuộc tiếp đón như thế nào và Hoàng Hậu ra sao, thì Hạnh Hảo chỉ cho tôi một số gói quà to tướng đang chờ tôi khai ra, do Hoàng Hậu tặng. Tôi nhìn những gói quà mà lòng tự thấy hơi khó xử. Vì đã không tiếp đón Hoàng Hậu mà còn nhận quà nữa xem sao được. Tuy nhiên tôi cũng cho người mở ra. Đầu tiên là một ghế trầm hương để ngồi thuyết pháp, mà ghế này cho mãi đến bao giờ tôi cũng chẳng dám ngồi. Vì sợ giống chuyện trong kinh Thủy Sám đã kể về Viên Án và Triệu Thố lắm. Và lại cá nhân mình chẳng xứng đáng gì cả nên cứ để nguyên như vậy.



Vé mời tham dự văn nghệ

Riêng tấm thảm thì rất đẹp, dệt bằng tay, chiều dài độ 2 thước, chiều ngang 1 thước. Trên ấy có thêu 3 hoa mẫu đơn màu sắc rất tuyệt vời. Xanh, vàng, đỏ là 3 màu chính của thảm này. Tôi hiện để tấm thảm này nơi phòng làm việc của tôi.

Trên hai kiện hàng này tôi thấy 3 tờ giấy nhỏ:



Tờ thứ nhất có dấu hiệu của Hoàng Gia “Royal Government of Bhutan” và tên là VVIP (very very important person), có nghĩa là “của người rất rất quan trọng”. Hay Việt Nam mình nói gọn là VIP.

Nhãn thứ 2 cũng đề bảng VIP và có ghi phía dưới là Druk Air. Đây là hãng hàng không của Bhutan chuyên chở kiện

hàng này. Tôi sẽ đề cập về hãng hàng không này ở cuối sách. Cuối cùng là một danh thiếp cỡ nhỏ, trên có ấn dấu của Hoàng Gia Bhutan, phía dưới đề: Her Majesty The Queen of Bhutan - có nghĩa là Hoàng Hậu Bệ Hạ của Bhutan kính tặng Thượng Tọa Thích Như Điển, Viện Chủ chùa Viên Giác Việt Nam tại Hannover.

Thật ra việc này tôi chẳng đợi chờ, nhưng biết trả lễ làm sao đây? Thôi thì chờ thời gian sẽ tính. Có lẽ phải đi Bhutan một chuyến mới có thể giải quyết được những vấn đề này.

Những ngày sau đó thì có ngày gọi là: Tag der Weltreligion, Ngày Tôn Giáo Thế Giới. Tất cả các Tông phái Phật Giáo tập trung tại chùa Bhutan để cầu nguyện, gồm có Phật Giáo Nhật Bản, Tây Tạng, Bhutan, Việt Nam, Đức, Lào v.v... ai ai cũng hớn hở vui mừng cho ngày trọng đại ấy.



Trên đường đi đến chỗ cầu nguyện chung



Mọi người đang chuẩn bị cho lễ cầu nguyện



*Chư Tăng Việt Nam và Phật Tử Đức
tham dự lễ cầu nguyện tại chùa Bhutan*

Tại chùa Bhutan chúng tôi đã tụng kinh Bát Nhã tiếng Việt, tiếng Đức và tiếng Nhật. Sau đó tôi nói một bài pháp thoại ngắn bằng tiếng Đức, nhằm nói lên ý nghĩa của Ngày Lễ Tôn Giáo này. Hôm đó có ít nhất là 100 người tham dự tại chùa Bhutan.

Thiên Chúa Giáo và Tin Lành thì cầu nguyện tại nhà thờ trong khu nhà EXPO của họ. Hồi Giáo thì cầu nguyện tại Mosche trong phố, Ấn Độ giáo cũng thế. Do Thái giáo cũng vậy. Tất cả đại diện của 5 tôn giáo lớn này đều tập trung tại một nơi gọi là Plaza để cầu nguyện theo nghi lễ tôn giáo của mình.

Đại diện Phật Giáo Đức có đọc một vài phẩm trong kinh Pháp Cú bằng tiếng Đức và một vài em bé lên tặng quà cho những người đại diện tham dự lễ.



Đức Tổng Giám Mục Hofmeier và các Tôn giáo bạn



Các đại diện 5 Tôn Giáo lớn của Thế Giới

Mỗi tôn giáo đều có một sắc thái riêng và cuối cùng thì có một bài hát chung cho 5 tôn giáo nhân ngày trọng đại ấy.

Có nhiều người tham dự hôm đó rất cảm động. Họ chảy nước mắt vì biết rằng một cơ hội như thế rất khó xảy ra tại Hannover này.

Số người tham dự hôm đó tại buổi lễ cầu nguyện chung này khoảng 2.000 người, đủ các sắc dân và đủ mọi thành phần tôn giáo.

Ngày hôm đó cũng là một ngày đẹp trời, rất đẹp trời, nhằm ngày 12 tháng 9 năm 2000.

Tôi cho đăng vào sách này nguyên văn 5 bài cầu nguyện hòa bình bằng các thứ tiếng nhân Ngày Tôn Giáo của Thế Giới để mọi người lãm tường. Đây là một dấu hiệu tốt, một bước tiến nhảy vọt của tôn giáo thế giới ngày nay. Do vậy phải cảm ơn Hannover, cảm ơn nước Đức, cảm ơn chùa Bhutan. Cảm ơn tất cả mọi người. Vì nếu không có cái này sẽ không có cái kia và nếu không có cái kia sẽ không có cái nọ. Tất cả đều do nhân duyên để thành tựu, rồi tất cả cũng do nhân duyên biến đổi mà thôi. Đó là lời Phật dạy. Đó là pháp trong muôn pháp và giáo lý này vẫn còn giá trị mãi mãi đến tận ngàn sau nữa.



Những người tham dự lễ cầu nguyện chung

FRIEDENSTEXTE

VERLESEN VON VERTRETERN DER WELTRELIGIONEN IN
HANNOVER AM 12. SEPTEMBER 2000
TAG DER WELTRELIGIONEN AUF DER
WELTAUSSTELLUNG EXPO 2000

Hinduismus

யாதுமாகி நின்றாய் தேவி எங்கும் நீ நிறைந்தாய்
தீது நன்மையெல்லாம் உந்தன் செயல்கள் அன்றி
இல்லை.

எமக்கென்றோர் தனிவரம் நாம் கேடகவில்லை
எம்மினத்தோர் வாழ்வென்றே கருதவில்லை
உனக்கெல்லா உயிர்களுமே சொந்தமென்ற
உண்மையை நாம் ஒரு போதும் மறந்ததில்லை

யாதுமாகி நின்றாய் தேவி எங்கும் நீ நிறைந்தாய்
போதுமிங்கு மாந்தர் வாழ்ந்த பொயமை
வாழ்க்கையெல்லாம்
சினம் கொண்டு தீங்கிழைக்கும் தீயர் தாமும்
கீழமுற வேண்டுமென்றே வேண்டுகின்றோம்
தனக்கொரு ஒப்பில்லா தாயே இந்த
தரணிக்கு சாந்தியினை தருவாயென்றே

யாதுமாகி நின்றாய் தேவி எங்கும் நீ நிறைந்தாய்
ஆதி சக்தி தாயே எம்மீது அருள் புரிந்து காப்பாய்
முன்னாளில் முருகனுக்கு சக்தி ஈந்தாய்
பின்னாளில் சங்கரர்க்கு பெருமை ஈந்து
பேரின்பக் காதல் வழம் பெருக வைத்தாய்

யாதுமாகி நின்றாய் தேவி எங்கும் நீ நிறைந்தாய்
எந்த நாளும் நின்மேல் தாயே இசைகள் பாடி
வாழ்வோம்
இவ்வுலகில் சொந்தமெனும் ஈரினத்தார் இணங்கி
வாழ்ந்திடச் செய்தல் அரிதோ தாயே

வாழ்க வையகம்

Alles Geschehen in diesem Universum geschieht in Shaktis Gegenwart
Niemals beten wir nur für uns
Niemals begehren wir etwas allein für unsere Freunde
Nie und nimmer vergessen wir alle die Geschöpfe dieser Welt, die Dir gehör

Möge es Frieden geben in den höheren Reichen
Möge es Frieden geben im ganzen Weltall
Möge es Frieden geben auf Erden

Mögen die Wasser fließen im Frieden
Mögen das Gras und die Pflanzen wachsen im Frieden
Mögen alle göttlichen Kräfte Frieden ausbreiten unter uns

Oh Shakti! Wir sind betrübt über unsere sündige Welt
Wir preisen Dich, der Du gutes und glückliches
Leben gibst auch uns, den Sündern
Unvergleichliche Devi! Mögen wir alle bleiben im Frieden
im Frieden, nur im Frieden
Möge Frieden kommen über jeden von uns

Amma, rette und hilf uns,
daß unsere Seele befreit werde von dieser sich verkörpernden Welt
Wie Du die Kraft teilst mit Lord Muruga
Und die Pracht teilst mit dem Höchsten Gott Shankar
Gewähre uns das Leben, das wir leben sollen
Hilf uns zu einem Leben in Einheit und Frieden in unserer Welt

Wir beten um den Frieden der Welt

Aus den Liedern für den Frieden von Bharathiyar

Buddhismus

Na hi verena verani sammant' idha kudacanam,
averena ca sammanti: esa dhammo sanantano.

Pare ca na vijananti: mayam etha yamamhase.
Ye ca tattha vijananti, tato sammanti medhaga.

Na paresam vilomani, na paresam katakatam,
attano va avekkheyya katani akatani ca.

Sahassam api ce vaca anattha-pada-sanhita,
ekam attha-padam seyyo yam sutva upasammati.

Yo sahasam sahasena sangame manuse jine,
ekan ca jeyya-m-atthanam sa ve sangamajuttamo.

Attha have jitam seyyo Ya c'ayam itara paja,
atta-dantassa posassa niccam sannata-carino.

Dhammapada Verse 5, 6, 50, 100, 103 und 104

Na paro param nikubbetha, natimannetha katthaci na kinci,
byarossana patigasanna nannamannassa dukkhamicheyya

Mata yatha niyam puttam ayusa ekaputtam-anurakkhe,
evampi sabbabhutesu manasam bhavaye aparimanam.

Mettanca sabbalokasmin manasambhavaye aparimanam
uddham adho ca tiriyanca asambadham averam-asapattam.

Aus dem Metta-Sutta

Verse aus dem Pali-Kanon

Durch Hass fürwahr kann nimmermehr zur Ruhe bringen man den Hass,
durch Nichthass kommt der Hass zur Ruh': Das ist ein ewiges Gesetz.

Die Andern aber seh'n nicht ein, dass man sich hierin zügeln muss.
Doch wer da rechte Einsicht hat, in dem kommt aller Streit zur Ruh'!

Sieh nicht des anderen Verstöße, nicht was er tat und unterliess;
Sieh, was du selber hast getan und was du unterlassen hast.

Und seien's tausend Reden auch aus Worten ohne Sinngefügt,
besser ein einzig'sinnvoll Wort, durch das dem Hörer Frieden wird.

Ob man zu Tausenden auch da die Mannen in der Schlacht besiegt,
wer eines nur, sein Selbst besiegt, der wahrlich ist der höchste Held.

Sich selbst besiegen besser ist
als diese andern Menschen all.
Dem Mann der selbst bezähmet ist
und jederzeit gezügelt lebt.

Dhammapada Verse 5, 6, 50, 100, 103 und 104

Niemand betrüge oder verachte, weshalb auch immer, einen anderen.
Aus Ärger oder Übelwollen wünsche man keinem irgendwelches Unglück.

Wie eine Mutter mit ihrem Leben ihr einzig Kind beschützt und behütet,
so möge man zu allen Lebewesen ein unbegrenzt gütiges Gemüt erwecken.

Voll Güte zu der ganzen Welt, entfalte ohne Schranken man den Geist,
nach oben, unten und nach allen Seiten ohne Hass, ohne Feindschaft
und ohne Beschränkung.

Aus dem Metta-Sutta

Judentum

מזמור לְדָוִד.

הָבוּ לַיהוָה בְּנֵי אֱלֹהִים הָבוּ לַיהוָה כְּבוֹד וְעוֹ:
הָבוּ לַיהוָה כְּבוֹד שְׁמוֹ הַשְׁתַּחֲוֶה לַיהוָה בְּהַדְרַת־קָדְשׁ:
קוֹל יְהוָה עַל הַמַּיִם יַאֲלֶה כְּבוֹד הַרְעִים יְהוָה עַל־מַיִם
קוֹל יְהוָה בְּכֹחַ קוֹל יְהוָה בְּתוֹר:
קוֹל יְהוָה שֹׁכֵן אַרְצִים וְשֹׁכֵן יְהוָה אֶת־אֶרֶץ הַלְבָּנוֹן:
בְּרָקִים כַּסֵּי עָנָן לְבָטֵן וְשֶׁלֶן כְּמִי בְּרָרִים:
קוֹל יְהוָה חֲצֹב לְהַבֹּחַ אֵשׁ:
קוֹל יְהוָה יִחַל מִדְּבַר יִחַל יְהוָה מִדְּבַר קָדֵשׁ:
קוֹל יְהוָה וַיִּחַלֵּל אֱלֹהֵי בְּחֹשֶׁךְ יִשְׁרָאֵל
וּבְהִיבָלוֹ קָלוֹ אִמֵּר כְּבוֹד:
יְהוָה לִפְנֵי יָעֹב הִשָּׁב יְהוָה מִלֶּךְ לַעֲוֹלָם:
יְהוָה עַוֹ לַעֲשֵׂי יָמָן יְהוָה וַיִּבְכֶּה אֶת־עַמּוֹ בְּשָׁלוֹם:

Psalm von David, Gebet dem Ewigen

Söhne der Mächtigen, gebet dem Ewigen Ehre und Huldigung.
Gebet dem Ewigen die Ehre seines Namens,
bückt euch vor dem Ewigen in heiligem Schmucke.
Die Stimme des Ewigen ist über den Wassern,
der Gott der Ehre, der Ewige lässt den Donner
erdöhnen über mächtigen Wassern.
Die Stimme des Ewigen ist voll Kraft,
die Stimme des Ewigen voll Schönheit.
Die Stimme des Ewigen bricht Zedern,
der Ewige zerbricht die Zedern des Libanon.
Lässt sie nüpfen gleich einem Kalb,
Libanon und Sirjon gleich jungem Reem.
Die Stimme des Ewigen spaltet des Feuers Flammen.
Die Stimme des Ewigen macht die Wüste erheben,
der Ewige macht die Wüste Kadesch erbeben.
Die Stimme des Ewigen macht Hindinnen
kreißen und entblättert Wälder.
In seinem Heiligtum aber spricht alles Hoheit.
Der Ewige thronte über der Sintflut,
der Ewige thront als König in Ewigkeit.
Der Ewige gibt Kraft seinem Volke,
der Ewige segnet sein Volk mit Frieden.

Christentum

ευχαριστουντες τω πατρί τω ικανώσαντι
 ὑμᾶς εἰς τὴν μερίδα τοῦ κλήρου
 τῶν ἁγίων ἐν τῷ φωτί.

ὃς ἐρρύσατο ἡμᾶς ἐκ τῆς ἐξουσίας
 τοῦ σκότους καὶ μετέστησεν εἰς τὴν
 βασιλείαν τοῦ υἱοῦ τῆς ἀγάπης αὐτοῦ,
 ἐν ᾧ ἔχομεν τὴν ἀπολύτρωσιν, τὴν ἀφεσιν τῶν ἁμαρτιῶν,

ὃς ἐστὶν εἰκὼν τοῦ θεοῦ τοῦ ἀοράτου,
 πρωτότοκος πάσης κτίσεως,
 ὅτι ἐν αὐτῷ ἐκτίσθη τὰ πάντα
 ἐν τοῖς οὐρανοῖς καὶ ἐπὶ τῆς γῆς
 τὰ ὁρατὰ καὶ τὰ ἀόρατα,
 εἴτε θρόνοι εἴτε κυριότητες
 εἴτε ἀρχαὶ εἴτε ἐξουσίαι,
 τὰ πάντα δι' αὐτοῦ καὶ εἰς αὐτὸν ἐκτισταί.

καὶ αὐτὸς ἐστὶν ἄνω πάντων
 καὶ τὰ πάντα ἐν αὐτῷ συνέστηκεν.

καὶ αὐτὸς ἐστὶν ἡ κεφαλὴ τοῦ σώματος τῆς ἐκκλησίας
 ὃς ἐστὶν ἀρχὴ,
 πρωτόκος ἐκ τῶν νεκρῶν,
 ἵνα γένηται ἐν πᾶσιν αὐτὸς πρωτεύων,

ὅτι ἐν αὐτῷ εὐδόκησεν πᾶν τὸ πλήρωμα κατοικῆσαι
 καὶ δι' αὐτοῦ ἀποκαταλλάξαι τὰ πάντα εἰς αὐτόν,

εἰρηνοποιήσας διὰ τοῦ αἵματος τοῦ σταυροῦ αὐτοῦ,
 δι' αὐτοῦ εἴτε τὰ ἐπὶ τῆς γῆς εἴτε τὰ ἐν τοῖς οὐρανοῖς.

Loblied auf Christus, das Ebenbild Gottes

Dankt dem Vater mit Freude!

Er hat euch fähig gemacht, Anteil zu haben
am Los der Heiligen, die im Licht sind.

Er hat uns der Macht der Finsternis entrissen
und aufgenommen in das Reich seines
geliebten Sohnes.

Durch ihn haben wir die Erlösung,
die Vergebung der Sünden.

Er ist das Ebenbild des unsichtbaren Gottes,
der Erstgeborene der ganzen Schöpfung.

Denn in ihm wurde alles erschaffen
im Himmel und auf Erden, das Sichtbare
und das Unsichtbare, Throne und Herrschaften,
Mächte und Gewalten; alles ist durch ihn
und auf ihn hin geschaffen.

Er ist vor aller Schöpfung, in ihm hat alles Bestand.

Er ist das Haupt des Leibes, der Leib aber ist die Kirche.

Er ist der Ursprung, der Erstgeborene der Toten;
so hat er in allem den Vorrang.

Denn Gott wollte mit seiner ganzen Fülle
in ihm wohnen, um durch ihn alles zu versöhnen.

Alles im Himmel und auf Erden wollte er
zu Christus führen, der Friede gestiftet hat
am Kreuz durch sein Blut,

Bibel Brief an die Kolosser Kapitel 1, Vers 12-20

Islam

بِسْمِ اللَّهِ الرَّحْمَنِ الرَّحِيمِ
الحمد لله رب العالمين، الرحمن الرحيم، ملك يوم الدين،
إياك نعبد وإياك نستعين، اهْدِنَا الصِّرَاطَ الْمُسْتَقِيمَ،
صِرَاطَ الَّذِينَ أَنْعَمْتَ عَلَيْهِمْ
غَيْرِ الْمَغْضُوبِ عَلَيْهِمْ وَلَا الضَّالِّينَ

Im Namen Gottes, des Allerbarners, des Barmherzigen
Alles Lob gehört Allah, dem Herrn der Welten,
dem Allerbarmer, dem Barmherzigen,
dem Herrscher am Tag des Gerichts.
Dir allein dienen wir, und zu Dir allein flehen wir, um Hilfe.
Leite uns den geraden Weg,
den Weg derjenigen, denen Du Gnade erwiesen hast,
nicht derjenigen, die Deinen Zorn erregt haben, und nicht der Irregehenden!

Koran; Sura 1

اللهم اجعل في قلبي نورا، وفي سمعي نورا، وفي بصري نورا وفي لساني نورا.
اللهم اجعل عن يميني نورا وعن شمالي نورا، واجعل من فوقني نورا ومن تحتي نورا، ومن
أمامي نورا ومن خلفي نورا، واجعل لي نورا.

O Gott, bringe in unsere Herzen Licht, in unsere Ohren Licht,
in unsere Augen Licht und in unsere Zungen Licht!

O Gott, bringe zu unserer Rechten Licht und zu unserer Linken Licht!
O Gott, bringe über uns Licht und unter uns Licht;
vor uns Licht und hinter uns Licht!
O Gott, bringe uns in unsere Seele Licht!

Bittgebet des Propheten Muhammad

اللهم صلى وسلم على أنبيائك ورسلك وعبادك الصالحين

O Gott, laß Deinen Frieden und Dein Heil all Deine Gesandten, Deine Propheten
und Deine rechtschaffenen Deiner erreichen!

Bittgebet des Propheten Muhammad

اللهم أنت السلام ومنك السلام فحينا اللهم بسلام

O Gott, Du bist der Friede! Von Dir kommt der Friede.
Gib, daß wir im Frieden leben!

Bittgebet des Propheten Muhammad

Chương III.

Chuẩn bị một cuộc hành trình

Thông thường thì ai trong chúng ta khi làm bất cứ một điều gì cũng phải có một chương trình, một kế hoạch. Nhất là nếu muốn chương trình ấy được hoàn bị. Ở đây cũng thế, chuẩn bị cho một cuộc hành hương không chỉ là số người đi, cách đi đứng v.v... mà còn phải biết liên hệ với ai trước, nơi nào cần phải liên lạc trước và những gì cần phải làm trước, những gì cần phải làm sau v.v...

Tôi không phải là một người hoàn toàn chu đáo. Vì nhiều khi vẫn còn sơ hở như thường, mặc dù đã cố gắng hết mình, nhưng cũng có nhiều điều xảy ra ngoài ý muốn. Lần này thì không phải từ phía chúng tôi, mà từ phía Chính phủ Bhutan, hay nói đúng hơn là văn phòng Bộ Ngoại Giao của Bhutan có gởi cho chúng tôi một công hàm có quốc huy của chính phủ vào ngày 24 tháng 1 năm 2001, gởi đi từ vị Chánh Văn Phòng và có nội dung như sau:

*Chính Phủ Hoàng Gia Bhutan
Bộ Ngoại Giao
Gyulyong Tshokhang
Thimphu Bhutan
Ngày 5 tháng 1 năm 2001*

Kính thưa Ngài,

Tôi được hân hạnh báo tin cho Ngài biết rằng: Bệ Hạ Ashi Dorji Wangmo Wangchuck, Hoàng Hậu của xứ Bhutan đã hân hạnh nhận được thư của Ngài và được biết rằng Ngài sẽ thăm viếng Bhutan trong tương lai gần. Tôi được biết chắc rằng Hoàng Hậu Bệ Hạ sẽ gặp Ngài tại Bhutan nếu Hoàng Hậu ở tại Thimphu trong thời gian Ngài thăm viếng.

Ngài cũng thừa biết rằng Bệ Hạ hoạt động rất tích cực cho việc từ thiện cho người Bhutan và hay du hành liên tục trong quốc gia, kể cả những vùng xa xôi nhất.

Xin vui lòng cho biết để tôi có thể giúp Ngài trong chuyến viếng thăm Bhutan được dễ dàng hơn.

Xin nhận nơi đây, thưa Ngài, sự xác tín về lòng tôn kính cao nhất của tôi.

Tôn kính,

KESANG WANGDI

Chánh Văn Phòng

Kính gửi Thượng Tọa Thích Như Điển

Viện Chủ Chùa Viên Giác

Karlsruherstr. 6

30519 Hannover

Đức Quốc

Đây là văn thư chính thức từ Bộ Ngoại Giao Bhutan gửi, mà tôi cũng chẳng biết là trước đó tôi có gửi thư không, vì bản chính không còn nữa. Chỉ còn những thư liên lạc sau này mà thôi. Có lẽ tôi sợ ý, hay qua một cuộc nói chuyện với các vị ở cấp cao Bộ Ngoại Giao mà tôi đã quên rồi.

FROM : PROTOCOL

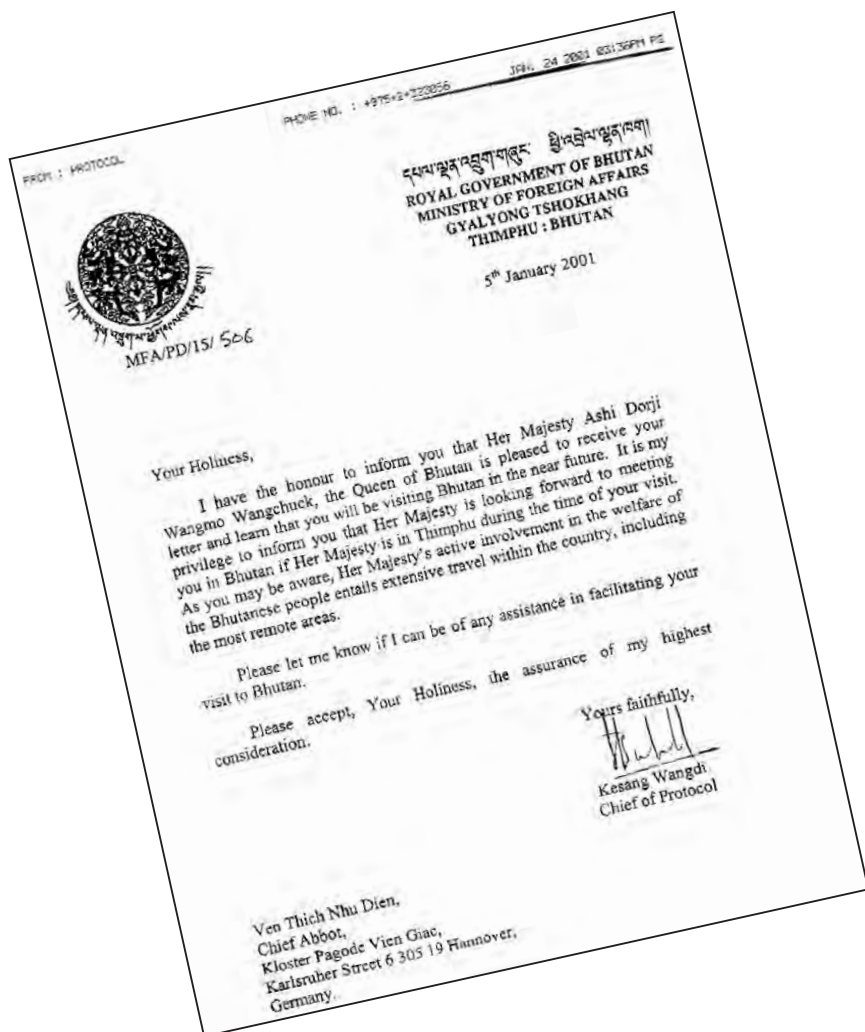
PHONE NO. : +975+2+323056

JAN. 24 2001 03:35PM

MINISTRY OF FOREIGN AFFAIRS
ROYAL GOVERNMENT OF BHUTAN
CONVENTION CENTRE
THIMPHU : BHUTAN

Facsimile Transmission	
To: Ven Thích Nhu Dien	From : Ugyen Samdrup, Protocol Division
Fax No.: 0049-51-8790963	Fax No.: 00975-2-323056
Date : 24 th January 2001	Total No. of pages including cover: 2

Please refer to our letter addressed to Your Holiness by the Chief of Protocol conveying your visit to Bhutan. As we have just obtained your fax number we are refaxing this letter from the Chief of Protocol in case you have not receive it by mail.



Điều này phải nhận rằng mình có lỗi. Khi nhận được bức thư như thế, nghĩa là tôi đã vui rồi, nhưng nếu đến Bhutan mà không gặp được Hoàng Hậu để cảm ơn Hoàng Hậu những gì đã tặng cho tôi khi đến Hannover vào tháng 7 năm 2000, mà lúc ấy tôi không có mặt thì quả là điều thiếu sót. Do đó tôi đã nhờ Thầy Hạnh Tấn viết một thư với nội dung như sau:

GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM THỐNG NHẤT

Chi Bộ Đức Quốc

Chùa Viên Giác - Karlsruherstr.6 - 30519 Hannover - Đức Quốc
Tel. 0511-879630 - Fax 0511-8790963. Email: viengiactu@t-online.de

Hannover, ngày 13 tháng 2 năm 2001

*Kính gửi: Bộ Ngoại Giao
Qua Bà Kesang Wangdi*

Thưa Bà,

Tôi rất cảm ơn về việc đón chào nồng nhiệt về chuyến đi Bhutan của tôi từ Bộ Hạ, Hoàng Hậu của Bhutan. Tôi mong rằng sự bận rộn của Hoàng Hậu sẽ không bị ảnh hưởng đến việc tiếp đón phái đoàn của chúng tôi.

Với lá thư này tôi muốn xác định với Bà rằng chuyến thăm viếng của chúng tôi sẽ kéo dài từ ngày 23 đến ngày 30 tháng 4 năm 2001 tại Bhutan. Xin vui lòng giúp đỡ cho chúng tôi những phương tiện cũng như ăn ở tại quốc gia của Bà. Phái đoàn của chúng tôi dự định là 20 người, gồm 10 tu sĩ Việt Nam và những đệ tử, 10 người khác là người Đức và bạn bè của họ. Họ là những người đã cộng tác suốt trong thời gian EXPO 2000 với chúng tôi. Chúng tôi phải chuẩn bị hành lý như thế nào? Và quy định nào chúng tôi phải tuân theo?

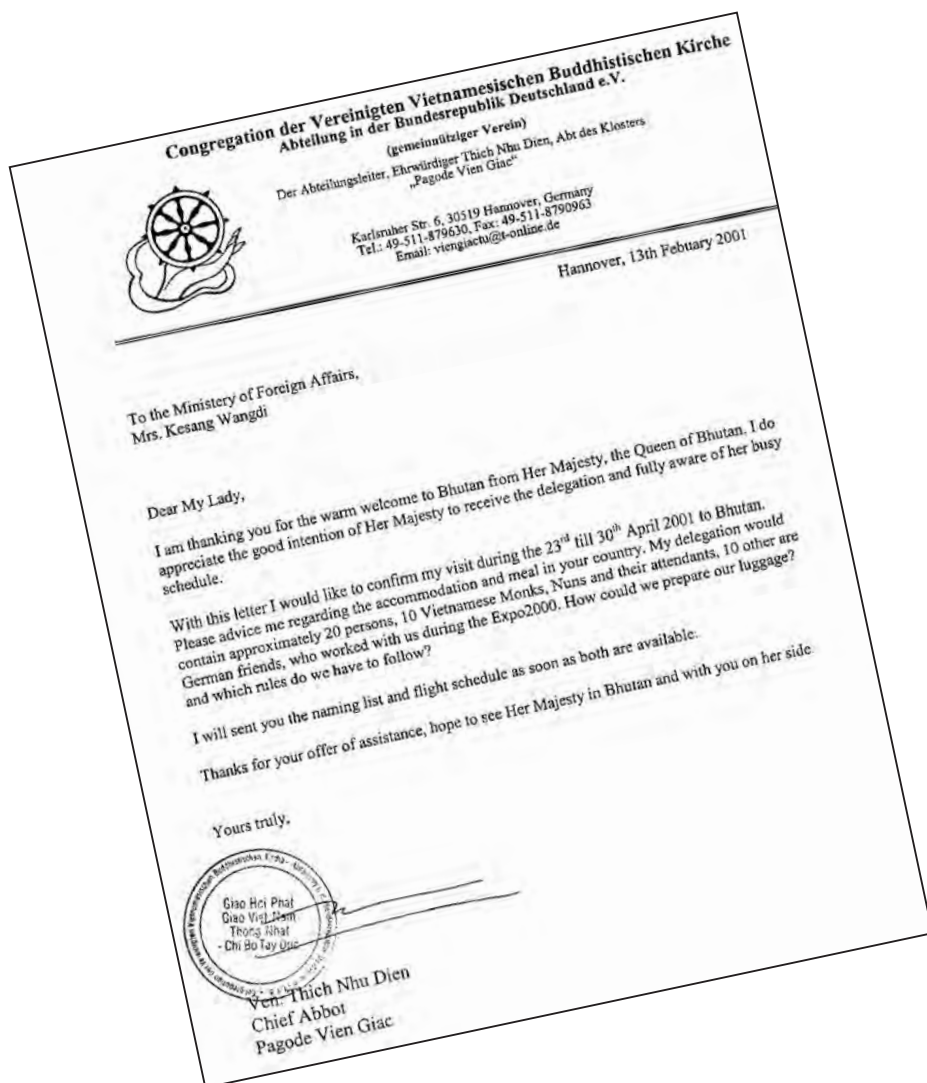
Tôi sẽ gửi danh sách và chuyến bay trong thời gian sớm nhất trong điều kiện có thể.

Xin cảm ơn về sự trợ giúp của Bà và hy vọng rằng chúng tôi sẽ gặp được Hoàng Hậu Bhutan cũng như Bà bên cạnh đó.

Kính chào

Thích Như Điển

Viện Chủ Chùa Viên Giác



Đó là những văn thư và lời lẽ của ngoại giao, mà sau này khi đến Bhutan mới biết là Kesang Wangdi không phải bà, mà là ông. Mặc dầu trước đó cũng đã hỏi Hạnh Tấn cho chắc chắn. Vì Thầy ấy đã học ở Ấn Độ lâu năm. Nhưng không sao. Có lẽ họ cũng sẽ lầm mình như vậy. Chẳng biết ai là bà, ai là ông nếu phía trước tên không ghi chú cho rõ ràng. Ngay cả tên của tôi nhiều người Việt Nam viết mà không bỏ dấu thì sẽ thành ra nghĩa khác. Thỉnh thoảng tôi cũng nhận được một bức thư, viết rất trình trọng, nhưng mở đầu đã kính thưa Thầy Tự Điển chứ không phải là Như Điển nữa. Rõ ràng là tên mình đã bị đặt lại lúc nào chẳng hay.

Nhưng nhiều lúc tôi cũng phải khen cho ông nhà Bưu Điện của Đức và ngay cả Úc nữa. Đã nhiều lần tôi nhận được những bức thư rất xa lạ gởi đi từ Việt Nam, từ Mỹ hay ngay cả từ Đức là Kính gởi Thầy Như Điển, hoặc chùa Viên Giác, Hannover, Đức. Chỉ như thế thôi, không tên đường, không số nhà, không số bưu điện mà thư vẫn tới. Quả thật là tài tình. Có lẽ vì Chùa Viên Giác tại Hannover thì ông Bưu điện nào cũng biết.

Điều ấy cũng dễ hiểu thôi, nhưng có một hôm tôi càng khó hiểu hơn khi nhận được một lá thư gởi từ Việt Nam, ngoài bì thư chỉ đề như thế này: Kính gởi Thầy Như Điển, Australia. Thế mà cuối cùng thư vẫn đến Đức. Theo tôi nghĩ có lẽ người Việt Nam nào đó làm việc trong Bưu Điện Úc, mà khi bắt gặp tiếng Việt thì nhân viên bưu điện lại chuyển sang đây. Quả thật ngôn ngữ nó có một giá trị lạ lùng của nó và tất cả cũng chỉ là nhân duyên thôi.

Tôi đi hơi xa đề một chút, nhưng ở đây xin kể một câu chuyện vui về ngôn ngữ để hầu quý vị. Có lẽ là tôi đã đọc được trong Quê Mẹ, hoặc Nhân Bản xuất bản tại Paris chừng 15 năm về trước. Chuyện kể rằng:

“Có một người Úc đi du lịch sang Pháp, khi đến Lyon thì bị đau bụng thành lình nên được xe cấp cứu đưa vào nhà thương. Máy cô y tá vốn vã hỏi tiếng Pháp thì ông ta trả lời tiếng Anh. Ông nói gà, bà nói vịt, chẳng ai hiểu cả. Vì người Pháp có rất ít người chịu nói tiếng Anh và người Úc, người Anh, người Mỹ họ cũng chẳng muốn học một ngoại ngữ nào cả. Vì họ nghĩ rằng chỉ tiếng Anh là đủ rồi. Nhưng trong trường hợp này thì chẳng biết nói sao, thông dịch tiếng Anh ra tiếng Pháp lúc đó ở đâu có mà tìm. Con đau lại đến, ông ta la lên bằng tiếng Việt: Ôi! Tôi đau bụng quá! Bỗng dưng có người y tá Việt Nam đang làm bên phòng đó nghe và qua kịp thời. Thế là ông ta qua đi một cơn thập tử nhất sinh.”

Đó là tiếng Việt và phải nói rằng nhờ tiếng Việt mà mạng sống được cứu ở một xứ văn minh như xứ Pháp vậy. Do vậy học một ngôn ngữ nào cũng được cả. Miễn sao sành sỏi là được rồi.

Nếu đi Trung Quốc mà không biết tiếng Trung Quốc hoặc đi Nhật mà không nói được tiếng Nhật thì chuyến đi nó mất đi ý vị hết 50%. Tôi đoán chắc điều này là đúng. Vì bao nhiêu người đã khổ sở lắm rồi vì chỉ dùng tiếng Anh khi đến xứ lạ mà ở đó thì họ không dùng tiếng Anh.

Tuy thế, ở phần ngoại giao ngày nay tiếng Anh rất cần thiết. Ai cũng nên và phải học tiếng Anh để giao dịch với nhau, có lợi vô cùng.

Sau đó tôi nhờ Thầy Hạnh Tấn điện thoại thẳng cho ông Đại Sứ Bhutan tại Genève thì được biết rằng ông ta đã rõ việc chúng tôi sẽ đến Bhutan, khỏi cần phải lấy visa từ Thụy Sĩ, mà khi đến phi trường Paro ở Bhutan thì họ sẽ cấp. Ngoài ra, việc ăn ở đã có chính phủ lo rồi. Nhưng sau đó gọi nói miệng không thấy chắc nên tôi nhờ Thầy Hạnh Tấn gửi một thư khác qua Thụy Sĩ để rõ ràng hơn, nhất là có 2 thành viên trong đoàn không đi chung từ Âu Châu mà đi từ Népal. Từ đó nếu không có sự xác nhận của chính phủ Bhutan thì hãng máy bay Druk Air sẽ không bán vé.

Thư viết rằng:

Hannover, ngày 2 tháng 4 năm 2001

Kính gửi Ông Sonam Tobgay

Đệ nhị Tham vụ, Tòa Đại Sứ Bhutan

17-19 Chemin du Champ d'Anier

CH - 1209 Genève

Thưa Ông,

Xin cảm ơn cuộc gọi của Ông. Bây giờ tôi gửi cho Ông tên của những người tham dự với những chi tiết, đồng thời tôi cũng sẽ gửi một bản khác qua đường bưu điện.

Tôi hy vọng rằng Ông sẽ viết cho tôi một thư xác nhận từ Tòa Đại Sứ của Ông hoặc Bộ Ngoại Giao về việc nhận Visa đặc biệt cho 2 thành viên trong nhóm của tôi mà họ hiện tại đang ở Népal. Bởi như Ông biết rằng: vé của họ chỉ được bán khi có sự thị thực Visa.

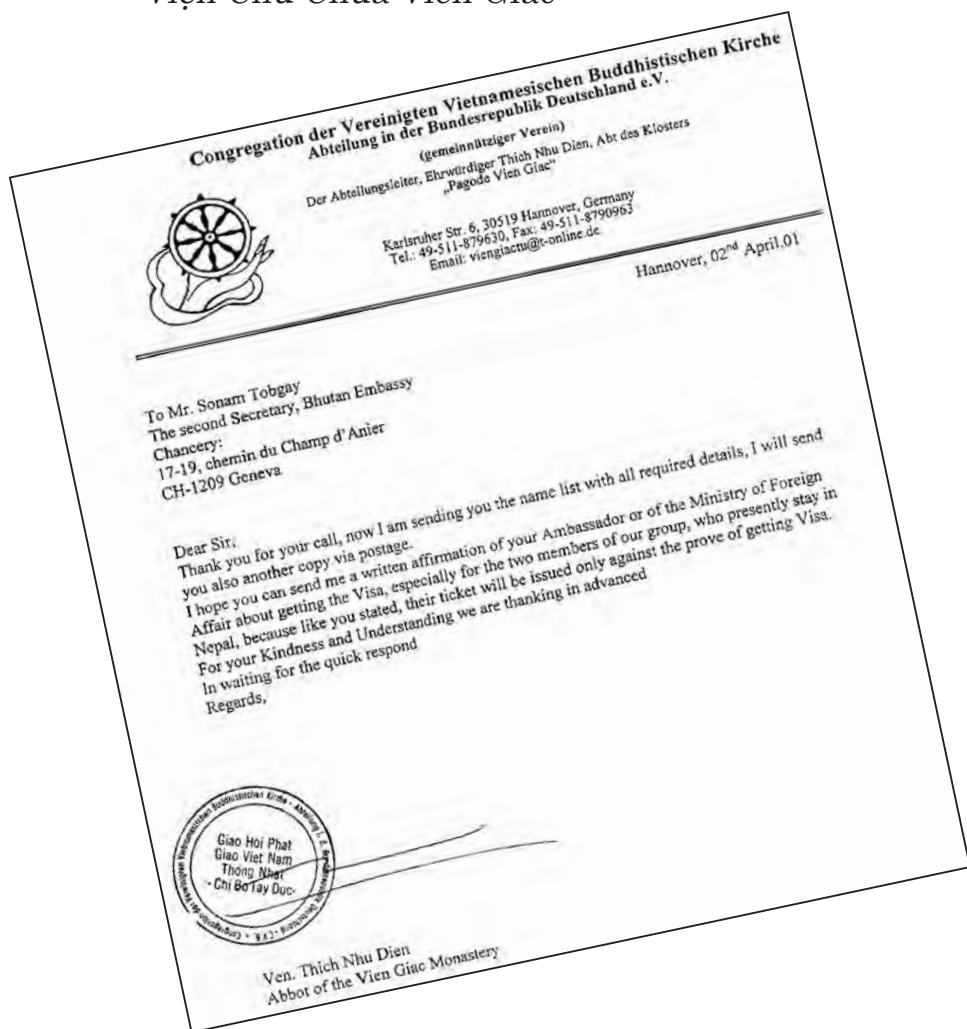
Xin cảm ơn về lòng tốt và sự cảm thông của Ông cho việc này của chúng tôi.

Tôi đang chờ đợi sự trả lời nhanh chóng của Ông.

Kính thư

Thích Như Điển

Viện Chủ Chùa Viên Giác



**Congregation der Vereinigten Vietnamesischen Buddhistischen Kirche
Abteilung in der Bundesrepublik Deutschland e.V.**



(gemeinnütziger Verein)

Der Abteilungsleiter, Ehrwürdiger Thich Nhu Dien, Abt des Klosters
„Pagode Vien Giac“

Karlsruher Str. 6, 30519 Hannover, Germany
Tel.: 49-511-879630, Fax: 49-511-8790963
Email: viengiacnu@t-online.de

Hannover, 02nd April.01

To Mr. Bap Kesang
The Ambassador of the Kingdom Bhutan
Chancery:
17-19, chemin du Champ d'Anier
CH-1209 Geneva

Dear Sir,

Though you have given us the confirmation that the delegation will be grant entry to the Kingdom of Bhutan at the airport as we communicated via phone two months ago, we are sending today the naming list of the delegation along with the arriving and departure dates to your acknowledgement:

1. Mr. Le Cuong (Ven. Thich Nhu Dien)
2. Ms. Van Thi Mai (Ven. Nun Thich Nu Dieu Tam)
3. Ms. Nguyen Tuc Anh Tam
4. Mr. Ngo Van Phat
5. Mr. Harada Moto
6. Ms. Vuong Thuy Ha (Novice Nun Thich Nu Dam Nghiem)
7. Ms. Nguyen Thi Minh Trang (Ven. Nun Thich Nu Dieu Phuoc)
8. Mr. Rattay Juergen
9. Mr. Hallapa Heinrich
10. Mr. Windhorn Juergen
11. Ms. Do Thi Phi (Nun Thich Nu Tam Vien)
12. Ms. Trinh Thi Kim Cuong (Nun Thich Nu Tu Khanh)
13. Mr. Nguyen Van Quang
14. Mr. Do Trong Hoa (Ven. Thich Quang Binh)
15. Mr. Luong Anh Tung (Ven. Thich Thong Tri)
16. Ms. Trinh Thi Nam
17. Ms. Rattanavong Dang
18. Mr. Nguyen Trong Luat
19. Ms. Soukhaseum Dang Bao
20. Mr. Frank Sanzenbacher (Ven. Thich Hanh Hao)
21. Mr. Jens Eymann

The entire group, except for the numbers 20 and 21; they will travel from Kathmandu on 19. April direct to Paro, will departure from Germany as following:

22 April 2001	Hannover – Amsterdam	11:10 – 12:25
22 April 2001	Amsterdam – Bangkok	14:25 – 06:50
24 April 2001	Bangkok – Paro	07:50 – 11:25

Along the delegation there are five Germans, the nr. 9, 10 and Nr.20 are Buddhist Monks the nr. 8 and 21 are Lay Buddhist and nr. 5 is Japanese Buddhist.

The departure is booked as:

30 April 2001	Paro – Bangkok	16:50 – 22:20
01 May 2001	Bangkok – Amsterdam	02:25 – 03:40
01 May 2001	Amsterdam – Hannover	10:40 – 11:50

But only 13 persons have confirmed seat, the nr. 14-19 are on waiting list, they probably will be confirmed for the flight on 3rd May, the nr.20 &21 will travel back to Nepal.

We would like to request you the affirmation letter that the delegation will be granted Visa at the airport Paro, which the two of our members in Nepal can show to the officers regarding their earlier arrival before the group.

We also would like to request you to contact your Ministry of Foreign Affairs regarding our accommodation during the time in the Kingdom of Bhutan.

For your Kindness and Understanding we are thanking in advanced
In waiting for the quick respond
Regards,



Ven. Thích Nhu Diện
Abbot of the Viên Giác Monastery

Sau đó tôi có gửi thêm một thư nữa cho Ông Đại Sứ về việc khó khăn không đủ chỗ đi chung khi về lại Âu Châu. Tất cả đều được trả lời lịch sự, nhã nhặn và cảm thông, nhưng sự thật thì có phần hơi khác nên phái đoàn ai cũng lo. Mà điều khác này là do chị Mỹ Anh Hanisch Pfaff phát hiện. Chị này thường hay lo giấy tờ Visa và vé máy bay cho phái đoàn chúng tôi khi đi xứ này xứ khác. Chị ấy bảo rằng cứ gọi điện thoại cho hãng hàng không Druk Air ở Bangkok cũng như Thimphu hoài mà mỗi ngày chỉ được trả lời một vài tiếng và không đầu vào đầu cả. Thà rằng họ nói ngay từ đầu là nước chúng tôi chỉ

có một chiếc máy bay thôi, mà máy bay lại hết chỗ cho nên quý Ngài không có cách nào khác hết. Hoặc cho biết rằng ngoài hàng không Druk của Bhutan không có hãng hàng không nào hạ cánh nơi này cả. Cứ nói như vậy cho ai nấy được yên tâm đi. Ở đây thì hoàn toàn trống vắng cho nên ai cũng lo.

Đến ngày 5 tháng 4 năm 2001, tôi nhận được một thư của chính ông Đại Sứ viết, nội dung như thế này:

***Cơ Quan Đại Diện Thường Trực
của Chính Phủ Bhutan tại Liên Hiệp Quốc***

Kính gửi Thượng Tọa Thích Như Điển

Viện Chủ Chùa Viên Giác

Karlsruherstr.6

30519 Hannover

Kính thưa Ngài,

Tôi hân hạnh báo tin cho Ngài biết rằng Hoàng Gia Bhutan sẵn sàng nghênh tiếp sự thăm viếng của Ngài và phái đoàn của Ngài gồm có Tăng, Ni, đệ tử của Ngài.

Chiếu khán cho các thành viên sẽ được cấp tại phi trường.

Ngoài ra Hoàng Gia sẽ cung cấp cho Ngài mọi phương tiện cũng như sự di chuyển trong thời gian Ngài ở tại Bhutan. Bộ Ngoại Giao sẽ can thiệp với hãng hàng không của quốc gia để xem cách nào tốt nhất và giúp Ngài về vé máy bay cho cả nhóm. Được biết rằng tháng 4 và tháng 5 là mùa du lịch nhộn nhịp tại Bhutan.

Ngoài ra trong tương lai mọi sự liên lạc cho việc thăm viếng này xin vui lòng gửi đến Chánh Văn Phòng của Bộ Ngoại Giao ở Thimphu với số Fax 975-2-323056.

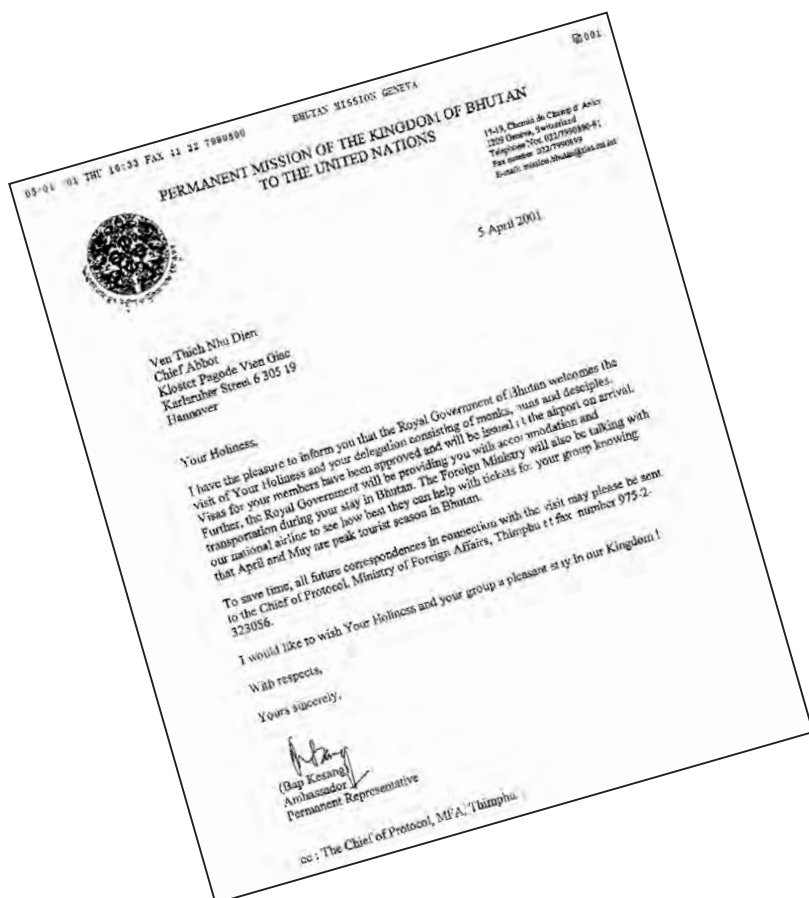
Tôi cầu chúc cho Ngài và phái đoàn hài lòng khi ở tại Quốc thổ của chúng tôi.

Trân trọng kính chào.

Bap Kesang

Đại Sứ Thường Trực

Bản sao gửi đến Chánh Văn Phòng Bộ Ngoại Giao tại Thimphu.



Khi ngoại giao mà nhận được một loại thư như thế quả là: được lời như cởi tấm lòng. Sau khi nhận được văn thư ấy tôi rất mừng, có báo cho tất cả thành viên biết, nhưng đồng thời cũng báo cho cả đoàn biết về giá vé máy bay đi về. Ai cũng thất kinh, nhưng bù vào đó ở tại Bhutan 10 ngày không tốn đồng nào cũng có phần an ủi.

Đến ngày 14 tháng 4 năm 2001 nghĩa là cách ngày đi còn có mấy ngày nữa mà cũng có 3 vị không đi. Lý do là Bác Phát bị bệnh, Cô Tuệ Đàm Nghiêm bận thi và cô Từ Khánh lý do bất khả kháng khác. Do vậy tôi đã đề nghị Hạnh Định nên đi, để làm thị giả cho tôi cũng như giúp đoàn quay phim và chụp hình. Cuối cùng thì Chú được đi ngoài dự định của Chú.

Ở Đời hay Đạo gì cũng thế, có những điều xảy ra rất bất ngờ mà không ai biết trước. Lúc ấy ta chỉ nói hên quá, may quá v.v... nhưng kết quả bất ngờ đó là do bao nhiêu sự bất ngờ khác đã tích tụ lâu rồi, bây giờ mới thành tựu như vậy.

Đây là những nguyên nhân xa và gần để rồi cuối cùng phái đoàn chúng tôi đã đến Bhutan vào ngày 24 tháng 4 từ Bangkok. Riêng việc thăm chùa Việt Nam tại Bangkok thì tôi đã có dịp viết trong báo Viên Giác số 123 tháng 6 năm 2001 với tiêu đề *Mây Trắng Chập Chùng*, quý độc giả xem sẽ hiểu thêm. Sách này chỉ dành riêng viết về Bhutan nên tôi không lặp lại những gì xảy ra tại Thái Lan nữa.

**Congregation der Vereinigten Vietnamesischen Buddhistischen Kirche
Abteilung in der Bundesrepublik Deutschland e.V.**

(gemeinnütziger Verein)

Der Abteilungsleiter, Ehrwürdiger Thich Nhu Dien, Abt des Klosters
„Pagode Vien Giac“



Karlsruher Str. 6, 30519 Hannover, Germany
Tel.: 49-511-879630, Fax: 49-511-8790963
Email: viengiac@t-online.de

Hannover, 18th April, 2001

To the Ministry of Foreign Affairs,
Mrs. Kesang Wangdi

Dear Madam,

This letter is to confirm our visit to your country from April 24. - April 30, 2001. I also enclosed the final list of visitors. We are a group of 19 visitors (17 from Europe and 2 from Nepal). According to the list we sent to you last time there were 21 visitors. The updated list, however, consists of only 19 visitors. 3 visitors have been cancelled. These visitors include:

1. Mr. Ngo Van Phat, Nr. 4 on the list
2. Miss Vuong Thuy Ha, Nr. 6 on the list and
3. Miss Trinh Thi Kim Cuong, Nr. 12 on the list

We have, however, 1 new visitor in our group who is Mr. Do Dinh Binh, Nr. 22 on the new list (He lives in Karlsruher St. 6, 30519 Hannover, Germany, born in Vietnam and has a Norwegian citizenship, Passport Nr. 01069959, issued in Oslo on 23.12.1999, date of expiration 23.12.2009. He is a Buddhist monk)

The group (17 visitors) from Europe will depart from Bangkok on 24.04.2001, flight number KB 121, and arrive in Paro at 11:25 am. 11 visitors will leave Bhutan earlier on 30.04.2001; other 6 visitors will depart from Paro back to Europe on 3.05.2001; 2 visitors from Nepal leave on their own.

We may ask you for assistance and thank you in advance. We look forward meeting you in your country.

Yours faithfully,



Ven. Thich Nhu Dien
Abbot of Pagode Vien Giac

Chương IV

Bhutan có gì lạ?

Thật ra thì mỗi xứ trên địa cầu này đều có cái hay cái lạ riêng cả, nhưng ở mỗi nơi lại có những phong tục tập quán khác nhau. Do vậy mà đặc trưng của nền văn hóa xứ đó mới sáng giá và đáng chú ý. Nếu nước nào cũng giống nước nào thì hóa ra nền văn hóa ở đó đã bị đồng hóa rồi.

Tôi đã có cơ may, hay nói đúng hơn là có nhiều nhân duyên để đi nhiều nơi và đến nhiều chỗ trên thế giới. Có lẽ cũng không dưới 60 quốc gia, mà mỗi nơi như thế đều có một sắc thái riêng. Rồi đây những ngày còn lại trong đời tôi sẽ có cơ hội làm quen với nhiều miền đất mới lạ hơn nữa. Nhiều người không thích đi thì bảo rằng ở đâu cũng giống nhau hết: điều ấy hẳn không sai nhưng không hoàn toàn đúng. Vì lẽ ngày nay hơn 6 tỷ người hiện diện trên quả địa cầu này rồi, nhưng chỉ tay của mỗi người mỗi khác, không ai giống ai cả. Cho nên đi và đến một nơi nào đó rất cần thiết vậy.

Người Phật Tử thì có 2 nơi phải và nên đi đầu tiên là Ấn Độ và Trung Quốc. Chúng ta về Ấn Độ là về lại quê xưa, nơi của chư Phật đã bao đời thị hiện. Và về Trung Quốc là về lại chốn Tổ với bao cảnh giới đã phong sương

cùng tuế nguyệt. Về với Việt Nam hay với nội tâm của mình là về với bản lai diện mục của chính mình.

Ở đời có nhiều chuyện đi có ý nghĩa, nhưng đồng thời cũng có những chuyện đi rất vô vị, nhưng cũng đã có lắm kẻ đã tốn biết bao nhiêu tiền bạc và công sức dùng phung phí vào những trận cười thâu đêm suốt sáng hay sát phạt nhau trên những sòng bạc, để rồi kết quả là gì chắc ai trong chúng ta cũng đều rõ. Thế mà cũng đã có lắm người theo. Thật cuộc đời có rất nhiều đáp số. Mỗi một bài toán như thế, đúng sai là tùy người đối diện vậy.

Người ta còn lại nơi tâm cũng rất nhiều mà đánh mất đi bản chất vốn thanh tịnh của mình cũng không phải là ít, để đổi lấy một cái gì đó được gọi là ảo ảnh của cuộc đời, nhưng kết quả đó vẫn còn làm cho nhiều kẻ đắm say. Chung quy lại thì cũng danh, lợi, tiền, tài, địa vị v.v... Thế nhưng Đức Đạt Lai Lạt Ma thứ 14 cũng đã nói rằng: “Chúng tôi đã mất tất cả, nhưng không lẽ sự an lạc của nội tâm chúng tôi cũng làm cho mất sao?” Điều ấy chứng tỏ rằng: Cái gì người khác cũng có thể lấy được, nhưng sự an nhiên tự tại qua việc tu học và hành hạnh giải thoát thì chắc chắn rằng không ai có thể tước đoạt của mình được cả.

Tôi phải diễn tả như thế nào cho quý vị hiểu về tâm trạng của một người Phật Tử đến được dưới gốc cây Bồ Đề nơi Đức Phật thành đạo, để rồi cảm động khóc sụt sùi như một trẻ thơ bên mẹ hiền. Vì lâu ngày xa quê và xa gia đình, mới về lại bên người thân. Điều ấy chính quý vị mới cảm nhận và thể hiện được. Còn diễn tả qua phim hay lời nói, chỉ là những hình thức bề ngoài mà

thôi. Cũng như thế đó, bạn nhìn một mâm cơm bảo rằng ngon quá, nhưng nếu không bắt đầu cầm đũa và gấp thức ăn cho vào miệng thì cảm giác của sự ngon, sự dở, chua, cay, ngọt, mặn như thế nào khó mà hình dung được.

Tôi không phải quảng cáo về các chuyến hành hương, mà đó là sự thật. Người nào có đi, hẳn có đến. Nếu không lên xe thì làm sao biết được xe sẽ ngừng và đỗ ở bến nào? Đây là chuyến xe khứ hồi của Ta Bà và Tịnh Độ, xin mời các hành giả chuẩn bị sẵn sàng hành trang để bước lên chuyến xe phương tiện mà nhân du về cảnh giới an lành vậy.

Máy bay Druk Air cất cánh tại phi trường Bangkok vào lúc 7 giờ 50 sáng ngày 24 tháng 4 năm 2001. Sau 2 tiếng đồng hồ bay thì đáp xuống phi trường Calcutta của Ấn Độ để cho xuống và nhận thêm hành khách lên. Đến 11 giờ 25 thì máy bay hạ cánh tại phi trường Paro của Bhutan. Chiếc máy bay này là một loại máy bay phản lực của Anh chế tạo, trông rất lịch sự, nhưng chỉ có chừng 60 chỗ ngồi. Hôm ấy trên máy bay chật kín chỗ. Khi đến phi trường rồi chúng tôi mới biết rằng phi đạo rất ngắn và chỉ có một đường bay thôi. Sau khi hạ cánh, máy bay giảm tốc độ và đến cuối phi đạo thì quay đầu để chạy lại bến đậu.

Tuy nhiên cảnh trí và phòng ốc ở phi trường rất lịch sự. Phái đoàn chúng tôi vào đến cửa thì gặp anh Kunzang và một vài vị đại diện cho Bộ Ngoại Giao có mặt tại đó. Có cả Thầy Gap Tshering, người đã có mặt tại Hannover trong thời gian 6 tháng Expo của năm 2000 nữa. Sau khi

chờ một vài giây thì anh Kunzang bảo rằng nên theo anh ta lên phòng VIP để chờ đợi và đưa giấy tờ nhận hành lý cũng như passport để cho anh ta lo visa nhập cảnh.

Trong thời gian ấy thì mọi người nghỉ ngơi và ăn bánh mì Sandwich, uống trà bơ của Bhutan để lót dạ. Được biết rằng đường đi từ phi trường về thủ đô Thimphu không xa lắm, chỉ 50 cây số thôi, nhưng là đường đèo, vì vậy phải mất ít nhất là 2 tiếng đồng hồ.

Sau một hồi chờ đợi thì anh Kunzang mang tất cả 17 cái Passport lại với giấy nhập nội không phải đóng tiền lệ phí. Khi thấy như vậy thì Hạnh Hảo và Jen phân bì. Vì hai người này đến Bhutan cách 2 ngày trước đây từ Kathmandu phải đóng mỗi người 20 USD cho việc này.



*Phái đoàn ngồi tại phòng VIP tại phi trường Paro.
Thầy Gap Tshering và anh Kunzang đón tiếp phái đoàn.*

Bước ra khỏi phòng lạnh thì bầu trời thật nóng bức. Không khí ở đó hơi khô, vì khí hậu miền núi. Nước ít mà cát nhiều. Chung quanh đây chỉ có những cây thông là vì vút gió suốt thời gian xuân hạ thu đông mà thôi, ngoài ra ít thấy loại cây nào đặc biệt. Tôi nhìn thấy 2 chiếc xe đến đón, một xe bus chở hành lý và một xe của Bộ Ngoại Giao hạng sang của Nhật, cò cuốn lại. Trong xe có tôi, Thượng Tọa Thích Quảng Bình và Thầy Thông Trí. Số người còn lại thì lên xe bus. Tại Bhutan cũng chạy xe bên tay trái như Ấn Độ, nên nhiều khi tôi lầm, chạy qua bên phía ghế của tài xế để ngồi.

Kể ra thì ở đời hay đạo gì cũng thế, việc gì cũng do nhân duyên cả. Có duyên thì hợp, không duyên thì tan. Vậy thôi! Có kẻ gặp nhau với những tia quang phổ giao thoa nên thông cảm hiểu biết nhau nhiều hơn, nhưng những người không có nhân duyên thì không được vậy. Đức Phật ngày xưa cũng thế, hướng là chúng sanh như chúng ta ngày nay.

Ngồi trên xe như thế, tôi dõi mắt nhìn hai bên lề đường, trâu bò qua lại thông thả, dường như vô tư lự. Cảnh vật chung quanh chẳng đáng quan tâm là mấy. Những luống khoai lang chạy dọc theo hai bên đường, trông theo mà no tròn con mắt. Xa xa là một dòng sông uốn khúc, nước lững lờ trôi. Đâu đó một vài thửa ruộng, mạ xanh mơn mớn. Có chỗ thì người ta trồng lúa mì, lúa mạch. Có nơi thì trồng ớt, trồng đậu, nhác trông như một tấm thảm xanh trải dài đến tận chân núi.

Đi qua lại nhiều vòng trên nhiều triền núi như thế, cuối cùng rồi phái đoàn chúng tôi cũng đến khách sạn Jumolhari tại thủ đô Thimphu. Đây là một khách sạn

trung bình, không có sao. Hay nói đúng hơn là nhà khách của chính phủ để đón tiếp những nhà ngoại giao cỡ trung. Tất cả nhân viên phục vụ đều biết nói tiếng Anh. Điều làm tôi chú ý là đàn bà thì khuôn vác vali nặng nề, trong khi đàn ông làm những việc nhẹ khác. Không biết xã hội như thế có bất công không, chứ dường như ở đây họ xem như thế là một sự bình thường.

Khi đến khách sạn chúng tôi được ông Bộ Trưởng Văn Hóa và ông Chánh Văn Phòng Bộ Ngoại Giao tiếp đón. Quốc phục của đàn ông là một áo dài hơi ngắn, chỉ xuống quá đầu gối thôi. Còn đàn bà là một áo dài thật dài, đến tận mắt cá chân. Ông Chánh Văn Phòng hỏi chuyện với tôi và hỏi xem ai là Thư Ký của đoàn. Lúc ấy tôi không trả lời mà đưa mắt về Hạnh Hảo và Thầy ấy hiểu ý.



Cùng với ông Bộ Trưởng Văn Hóa tại khách sạn Jumolhari.

Bình thường ở chùa thì tôi có nhiều thị giả và nhiều thư ký khác nhau. Một thị giả lo chuyện bên trong phòng như giặt giũ, hút bụi. Một thị giả ra đi bên ngoài khi tiếp xúc với người Việt. Một thị giả ra đi bên ngoài khi tiếp xúc với người Đức và người ngoại quốc. Thư ký thì có thư ký tiếng Việt, thư ký tiếng Đức, tiếng Anh và thư ký các ngôn ngữ khác. Nhưng hôm đó thì chỉ có Chú Hạnh Định theo làm thị giả, còn thiếu thư ký tiếng Anh, nên Hạnh Hảo đã đảm trách việc ấy.

Hạnh Hảo tiếng Anh rất sành sỏi, vì là người Đức và đã tốt nghiệp Cao Học tại Đức nữa nên điều ấy cũng dễ hiểu. Còn tiếng Trung Quốc Phổ Thông thì thầy nói rất chỉnh. Còn tiếng Việt, khi người mình nói tiếng lóng thầy cũng hiểu như thường. Gặp người Quảng Nam thì nhại theo giọng Quảng. Gặp người Huế thì nhại theo tiếng Huế. Kể cả những tiếng khó nhất thầy cũng có thể nói được. Chỉ hơi tiếc là phát âm không chỉnh lắm mà thôi. Tương lai thì chưa biết thế nào? Có lẽ về Việt Nam một thời gian để tu học. Hoặc giả ra làm việc Phật sự, chắc sẽ được nhiều người Việt Nam và người Đức hỗ trợ.

Ông Chánh Văn Phòng Bộ Ngoại Giao trao cho tôi cũng như phái đoàn mỗi người một tờ chương trình cho những ngày ở lại Bhutan như sau:

Ngày thứ ba : 24 tháng 4

11:25 - Đến phi trường quốc tế Paro - Được đón tiếp bởi người đứng đầu Viện Bảo Tàng Nhân Dân

11:45 - Rời Paro về Thimphu

- Đến khách sạn Jumolhari

- Dùng cơm

16:00 - Tiếp kiến Bộ Ngoại Giao

17:00 - Tiếp kiến những vị Bộ Trưởng phụ trách vấn đề
EXPO thế giới năm 2000

Ngày thứ tư : 25 tháng 4

09:30 - Tiếp kiến vị Bộ Trưởng Bộ Văn Hóa

10:30 -Thăm viếng Tu viện Phật Giáo Dechenphodang

11:30 - Thăm viếng Thư Viện Quốc Gia

- Dừng trưa

14:00 - Thăm viếng Viện Zorig Chusum nơi làm thủ
công mỹ nghệ

15:00 - Thăm viếng Học viện Y khoa truyền thống

16:00 - Diện kiến Hoàng Hậu Bệ Hạ Ashi Dorji Wangmo
Wangchuck

19:00 - Chiêu đãi bởi Bộ trưởng phụ trách EXPO 2000

Ngày thứ năm : 26 tháng 4

09:00 - Di chuyển đi Donena

- Thăm viếng Tu viện Tango

- Cơm trưa ngoài trời tại Donena

- Thăm Tu viện Cheri

19:00 - Đêm văn hóa và dùng cơm tối

Ngày thứ sáu : 27 tháng 4

Buổi sáng:

- Thăm Tashichhodzong nơi có nhục thân Bồ Tát

- Cơm trưa

Buổi chiều:

- Đi Punakha

- Tiếp kiến Dasho Dzungda

- Tiếp kiến Drabi Lopen
- Thăm Punakha Dzong
- Đến khách sạn Pelri

Ngày thứ bảy : 28 tháng 4

08:00 - Đến Nyinzerang

- Thăm vị Khamsum Yuley Namgyel Chorten
- Tiếp kiến vị Dorji Lopen

12:30 - Ăn trưa tại Dasho Dzongda

14:00 - Về Paro

- Đến khách sạn Olathang

Ngày chủ nhật : 29 tháng 4

09:00 - Thăm Viện Bảo Tàng Quốc Gia

- Thăm Rinpung Dzong
- Thăm Kyichu Lhakhang
- Cơm trưa

14:00 - Di chuyển ra phi trường

16:50 - Đi Bangkok

- Tiễn đưa bởi người đứng đầu Viện Bảo Tàng Nhân Dân

Sau đó là danh sách của những người trong phái đoàn cùng đi chung với tôi. Một chương trình như thế thật không nhiều so với những chuyến hành hương khác, nhưng đây là một chuyến hành hương ngoại giao nên khác hơn những nơi khác rất nhiều. Đầu óc tôi lúc nào cũng mệt. Một phần phải lo cho phái đoàn, mặc dầu đã có Hạnh Hảo, Hạnh Định, Thầy Thông Trí lo giúp. Về ăn dặm thêm thì đã có Sư Bà Bảo Quang, Ni Sư Diệu



Trao quà lưu niệm cho ông Thứ Trưởng Bộ Ngoại Giao.

Phước và Sư Cô Tâm Viên lo, nhưng với tôi còn phải sửa soạn ngôn ngữ ngoại giao làm sao cho thích hợp với mọi hoàn cảnh nữa. Như gặp ở Bộ Ngoại Giao thì phải nói những gì. Gặp Hoàng Hậu thì phải làm sao? Khi gặp những chính khách, những chính trị gia thì phải tiếp chuyện như thế nào v.v... và v.v... thôi thì mọi thứ. Vì từ xưa đến nay tôi chưa làm như thế bao giờ.

Đây đúng là một chuyến ngoại giao lịch sử của một người tu xuất thân từ chốn nông thôn của tôi. Ngôn ngữ tôi nói được, vốn không hay, nhưng được một điều là gồm nhiều ngôn ngữ như: Pháp, Anh, Đức, Nhật, Quan Thoại, Việt Nam và một ít tiếng Nga nên cũng không khó khăn lắm khi giao tế, nhưng đây là ngôn ngữ ngoại giao mà. Con dao hai lưỡi đấy!

Sau khi đã tắm rửa, nghỉ ngơi tại khách sạn, phái đoàn chúng tôi lên xe để đi đến Bộ Ngoại Giao. Đầu tiên gặp ông Chánh Văn Phòng đón từ ngoài sân với quốc phục và gươm báu đeo bên mình. Sau đó vào bên trong Bộ, được ông Thứ Trưởng Bộ Ngoại Giao tiếp kiến và trao quà lưu niệm và chụp hình. Ông ta người nhỏ thó, xinh xắn và rất mềm mỏng dịu dàng trong lời nói ngoại giao.

Nhìn lên tường, chúng tôi thấy có treo một tấm Thangkha rất lớn, có vẽ nhiều hình của ông Shabdrung Rimpochi tức Ngawang Namgyal (1594-1651), người có công thống nhất Bhutan và giành lại Bhutan từ người Tây Tạng. Đi đâu hầu hết tại xứ này cũng đều thấy hình ấy. Sau đó có nhân viên của Bộ mang trà sữa ra đãi.



Uống trà Bhutan tại Bộ Ngoại Giao.

Nhìn cách phục sức của người Bhutan chúng ta càng thấy được ảnh hưởng của Phật Giáo Tây Tạng và Ấn Độ đối với người dân không ít. Vì lẽ ngoài bộ quốc phục ra rồi, trên người họ còn giắt thêm một mảnh vải nữa, giống hệt như chiếc y chú Tăng vậy. Có điều y của chú Tăng màu vàng hoặc nâu. Còn y của cư sĩ thì đủ mọi màu.

Đa phần người Bhutan ngồi trên ghế, chứ không ngồi trên chiếu như người Nhật hoặc Đại Hàn, nhưng bàn của họ không giống như bàn của Á Châu, Âu Châu và Việt Nam. Vì lẽ cái bàn để thức ăn và nước uống trông tựa tựa như cái bàn kinh, phía trước có áng che và phía sau có chỗ để chân vào.

Ông Thứ Trưởng cho biết là ông Bộ Trưởng Ngoại Giao đang ở Hòa Lan nên không thể tiếp đón phái đoàn được, mà ông này tôi đã gặp tại Hannover vào ngày 1 tháng 6 năm 2000 vừa qua. Nếu gặp lại lần thứ 2, chắc là quen thuộc hơn. Ông Thứ Trưởng nói về mọi đề tài và sau đó tôi cũng đã đáp lễ bằng tiếng Anh cũng như ông Thiên Sư Reiho người Đức tu theo Thiên Phật Giáo Nhật Bản nói thêm một số ý chính để cảm ơn Bộ Ngoại Giao của Bhutan đã lo cho phái đoàn một cách chu đáo trước, trong cũng như sau chuyến đi này.

Sau đó ông Thứ Trưởng hướng dẫn chúng tôi đến viếng thăm Hội trường Quốc Hội, nơi các Dân Biểu thường hay hội họp.

Những máy hình và máy quay phim thi nhau chụp đủ kiểu, nhưng sau này mới biết là có những nơi du khách không được phép như vậy. Nhìn lên phía trước



Hội trường Quốc Hội Bhutan

của Quốc Hội ở giữa là ngai vàng, nơi ngự trị của Nhà Vua, tượng trưng cho thế quyền. Phía bên tay trái của Nhà Vua, cao hơn là nơi thờ Phật và phía tay phải của Vua thờ vị Shabdrung Rimpoche, người có công thống nhất đất nước Bhutan vào đầu thế kỷ 17. Phía trước mặt Vua là diễn đàn của các Dân Biểu và phía dưới là 154 ghế xếp theo lối hình vòng cung, đại diện ở đây là các vị Dân Biểu do địa phương hoặc Vua chọn lựa. Như thế đủ biết rằng, đây là một Quốc Gia Phật Giáo theo chế độ quân chủ, nhưng cũng rập khuôn theo cách tổ chức của Thụy Sĩ là một nước dân chủ nhất nhì của Âu Châu.

Sau đó ông Thứ Trưởng Bộ Ngoại Giao cùng với ông Chánh Văn Phòng đưa chúng tôi ra xe để đi đến thăm ông Chủ Tịch Bộ Trưởng về việc triển lãm EXPO năm

2000. Đến đây thì tôi đã gặp lại ông Bộ Trưởng này. Vì lẽ trước đó ông ta có đến chùa Viên Giác chừng 2 lần để lo cho việc EXPO

Lại uống trà bơ của Bhutan nên mọi người đã bắt đầu chối từ một cách lịch sự. Sau những lời xã giao qua lại giữa hai bên để cảm ơn nhau về cuộc hội ngộ cũng như sự giúp đỡ cho nhân viên Bhutan ở lại Chùa Viên Giác Hannover trong khi xây dựng chùa Bhutan suốt 7 tháng và ngược lại tôi cũng như Thiền Sư Reiho cũng đã cảm ơn ông Chủ Tịch Bộ Trưởng về cách thức tổ chức để nghênh đón phái đoàn của chúng tôi một cách vô cùng trọng thể như thế.



Trao quà cho ông Chủ tịch Bộ Trưởng EXPO 2000.



Chụp hình chung với ông Thủ Tướng Bhutan và anh Kunzang.



Từ xa nhìn về Hoàng Cung với mây trắng chập chùng.

Chừng nửa tiếng đồng hồ sau thì ông Thủ Tướng cùng với phái đoàn ra phía trước Hoàng Cung để chụp chung một tấm hình lưu niệm. Trong hình này có đủ mặt tất cả thành viên của đoàn. Sau đó một mình tôi ra chụp một tấm hình mà phía sau là Hoàng Cung với mây trắng, còn con sông lớn uốn khúc chảy quanh qua bao bọc cung điện này.

Đây có thể nói là một ngày đẹp trời và tối đó chúng tôi về lại khách sạn dùng cơm cũng như ngồi lại bên nhau để bàn thảo về chương trình của những ngày sắp tới và để chuẩn bị cho một ngày mai trọng đại. Đó là việc tiếp kiến Hoàng Hậu Bhutan.

Chương V

Nụ cười Hoàng Hậu

Vào lúc 9 giờ 30 sáng ngày 25 tháng 4, phái đoàn của chúng tôi đã đến Văn phòng của ông Bộ Trưởng Bộ Văn Hóa, tên là Sangay Wangchug. Trong tương lai, nếu có ai muốn đi Bhutan đều phải thông qua ông này và không phải qua Bộ Ngoại Giao Bhutan nữa.

Hôm ấy, thầy Kinga T. Dorji cũng có mặt. Thầy là một trong hai thầy đã ở tại Hannover trong thời gian 6 tháng, nên biết chúng tôi. Khi gặp thì ai cũng vui mừng.

Mới đầu thì ông Bộ Trưởng Bộ Văn Hóa nói tiếng Bhutan, rất đúng phép xã giao và rất lịch sự, rồi để cho một trong hai thầy Bhutan dịch ra tiếng Anh. Hai thầy này cũng đã cùng với ông sang Hà Nội vào năm 1994, nên quý Thầy ấy cũng biết ít nhiều về Việt Nam trước khi đến Đức.

Được biết ông Bộ trưởng là một học giả tiếng Pali và nhiều ngôn ngữ khác tại Á Châu cũng như Anh ngữ. Sau một hồi thông dịch thì ông lại tự nói tiếng Anh một cách lưu loát. Ông đã du học tại Tích Lan và rất rành về Phật Giáo. Nghe đâu ông trước đây cũng là một tu sĩ và đã hoàn tục. Ông có dáng người cao ráo, lịch thiệp và rất hiểu về người ngoại quốc.



Tại văn phòng của ông Bộ Trưởng Bộ Văn Hóa.

Cung Văn Hóa của ông nằm trong cung điện của nhà Vua, có lính gác hầu hai bên cửa vào và cũng là nơi làm việc của chư Tăng nữa. Như phần tổng quát chúng ta thấy các Hội Đồng Cố Vấn Hoàng Gia và các Bộ đều có sự hiện diện của Tăng Sĩ. Do vậy nơi cung điện này được chia ra 3 phần chính:

- Phần bên ngoài có chánh điện trang nghiêm, là nơi để Vua, Hội Đồng Bộ Trưởng và chư Tăng lễ Phật trước khi hội họp.

- Phía bên phải là văn phòng của chư Tăng.

- Phía bên trái từ ngoài nhìn vào là nơi làm việc của các Bộ.

Cả hai bên khi vào cổng đều có lính hầu và được kiểm soát rất chặt chẽ. Ví dụ như tất cả mọi người ra vào đều bị kiểm soát qua tia quang tuyến như các máy rà tại phi trường. Nơi đây cũng không được chụp hình hoặc quay phim. Nếu có, chỉ ở phía bên ngoài, chứ bên trong thì tuyệt đối cấm. Xe ngoại giao chở chúng tôi đi thẳng vào cửa chính, đỗ tốn công đi bộ và vì thế cho nên có nhiều người để ý, hình thức thì giống như một tăng sĩ, nhưng thực tế là một tu sĩ ở cấp bậc ngoại giao. Bởi vậy có lúc những người Đức đi cùng gọi tôi là Minister Ehrwurdiger cũng có nghĩa tương đương như vậy. Đây chỉ là ngôn ngữ ngoại giao mà.

Sau khi dùng trà sữa Bhutan thì chúng tôi được ông Bộ Trưởng Bộ Văn Hóa tiễn biệt ra cổng và sau đó chạy xe đến thăm Tu viện Dechenphodrang ở gần đó.



(Thăm và cúng dường, tặng quà cho Tu Viện)



Các chú tiểu đang học lễ nhạc Phật Giáo

Tu viện đã được xây dựng tại Thimphu cách đây 350 năm nên rất cũ kỹ. Trong hiện tại, tu viện này có 350 vị Tăng sinh, học từ Sơ cấp đến Trung cấp. Lên Trung cấp thì học nhiều môn học khác nhau như: thiền, văn học, Kinh tạng, Luật tạng và Luận tạng. Còn những lớp nhỏ bên dưới học lễ nhạc cũng như học Anh văn, tiếng Tây Tạng và tiếng Bhutan.

Đa phần người ngồi học không có bàn ghế và có môn học không có bảng đen để viết, mà mỗi chú tiểu như thế có một tấm bảng nhỏ, chỉ lớn hơn quyển tập, đổ cát có pha màu đen vào đó. Sau khi lấy cọ viết chữ rồi, lại xóa đi và viết tiếp những dòng chữ khác. Trông rất tội nghiệp và khổ hạnh. Vì thế Sư Bà Diệu Tâm có đặt câu hỏi là: Tại sao không ngồi trên bàn mà ngồi dưới đất vậy

cho công lưng? Thì được trả lời rằng: Chính những chú tiểu này phải vượt qua những cám dỗ về tiện nghi đó, và đây chỉ là những thử thách nhỏ ban đầu của một người tu trên đoạn đường sanh tử ấy.

Phòng học cũng là phòng ngủ và đôi khi cũng làm cả phòng ăn. Do đó vấn đề vệ sinh tại nơi đây phải nói rằng không được khả quan lắm. Hầu như các tu viện hoặc Phật Học Viện lớn tại Việt Nam ngày xưa cũng thế, nhưng ít ra mỗi người cũng có một cái đơn, tức là chiếc giường nhỏ vừa đủ nằm. Ở đây thì hầu như không có. Trông các chú tiểu rất hồn nhiên và như thế tôi đã nhớ về thời quá khứ xa xưa gần 40 năm về trước khi còn hành điệu ở Chùa Phước Lâm và Viên Giác tại Hội An, có lẽ cũng chỉ đỡ hơn chút xíu thôi.



Lớp Trung đang học về Luận học



Một lớp học khác

Phái đoàn cũng mang theo kẹo và chocolate từ Đức, cho nên ở đây có cơ hội để phát cho mỗi chú tiểu một cây. Chú nào cũng cười và giơ hai tay ra đón nhận. Biết đâu trong những người ấy sẽ có người là những bậc Đại Sư danh tiếng trong tương lai, sẽ phổ độ quần sanh, cho nên mọi người đã cúng dường một cách rất trịnh trọng và không phân biệt người nào cả.

Tôi nhớ lại ngày xưa khi còn hành điệu tại Chùa Tổ Phước Lâm ở Hội An cũng khổ cực không ít. Nguyên Phước Lâm là một đồi cát mà trong chùa thì trồng rất nhiều cây cảnh và rau quả để dùng. Do vậy các chú tiểu chúng tôi mỗi ngày phải gánh nước tưới cây 2 lần như thế. Mỗi lần đổ nước xuống, chỉ thấy một cái vèo thôi, nước thấm đi đâu hết. Còn phân thì cũng chẳng có. Do

vậy cây cối lên không xanh mượt như những vùng đất màu mỡ khác.

Để tạo kinh tế tự túc cho chùa, Thượng Tọa Thích Như Vạn, tức Bốn Sứ của Thầy Hạnh Tuấn ở Mỹ, đã có một nhà làm nhang để phát hành. Mỗi tuần, mỗi một chú tiểu như chúng tôi phải làm ra 10.000 cây nhang. Ai muốn làm lúc nào cũng được, miễn đủ 10.000 cây nhang thì thôi. Thuở ấy Chú Hạnh Thu làm Chúng Trưởng, Chú Hạnh Đức, mà bây giờ là Thượng Tọa Thích Hạnh Đức trụ trì Chùa Sơn Linh ở Bà Rịa, là những người phác họa chương trình cho học chúng chúng tôi.

Chùa Tổ Phước Lâm tại Hội An trùng tu vào năm 1964, thuở ấy tôi mới vào xuất gia, tâm hồn còn rất thơ ngây trong trắng ở lứa tuổi 14 tuổi rưỡi, cho nên mọi việc cực nhọc rồi cũng qua đi. Đến năm sau thì tôi lại về Chùa Viên Giác.

Khi còn ở Chùa Phước Lâm, trong khi còn làm chùa, học chúng chúng tôi kéo xe bò lên Cẩm Hà để chở gạch và cát về làm chùa. Suốt đoạn đường đi thôi thì hò hát vui nhộn, nhất là những đêm có trăng. Cũng có nhiều người làm công quả và sau này xuất gia như chú Quảng tức Thượng Tọa Thích Hạnh Thiên ngày nay đang làm chánh đại diện Hội An, chú Huân tức Thượng Tọa Thích Thị Tập, hình như là Hạnh... gì đó tôi quên đi rồi. Vì những vị này xuất gia sau tôi và sau này ít còn liên lạc nữa.

Ngày ấy sao mà vui quá, bây giờ hình ảnh tuổi thơ cứ còn lớn vồn trong đầu óc khi có một dịp nào đó thì nó hiện lên liền, nhất là lúc này đây đang thăm Tu Viện Phật Giáo tại Bhutan này. Thế rồi ngày lại tháng qua

gần 40 cái mùa xuân thu mưa nắng như thế, riêng tôi thì đã ở ngoại quốc đến năm thứ 30 rồi. Hồi ấy anh em học chúng rất đông, mấy chục người. Bây giờ chỉ còn lại bốn năm người cùng trang lứa mà thôi. Quả thật là “đời tu như bông xoài, trứng cá”, đi đến cuối chặng đường chẳng được bao nhiêu.

Từ năm 1966 đến 1968, tôi làm điệu tại chùa Viên Giác, Hội An. Thuở ấy Viên Giác chỉ có Sư Phụ và 3 chú tiểu với tôi là bốn. Sau này có một bà tịnh hạnh nhân nữa làm công quả. Như vậy chùa cũng không có gì là đông, nhưng mỗi tháng 4 lần tôi và chú Ngô phải xay đậu hủ, sau đó là “boòng” đậu hủ và nấu cũng như ép đậu hủ để cho vị tịnh hạnh nhân này đem ra chợ Hội An bán lấy tiền mua tương chao cho chùa. Đó cũng là một kế hoạch kinh tế tự túc nhỏ của Thầy tôi.

Cối đá càng nặng bao nhiêu, tôi càng phải trườn theo độ nhay của nước và đậu khi chú Ngô cho đậu vào miệng cối. Nhiều lúc thân tôi phải trải dài lên cần xay như thế để tạo lực cân bằng. Sau này tôi chưa có dịp về lại Viên Giác, nhưng Sư Phụ tôi trước khi viên tịch, Người có bảo rằng hãy giữ cái cối đá ấy để sau này tôi có về lại nước, thấy đó mà hồi tưởng lại kỷ niệm những ngày làm đậu của thuở còn học trò.

Nhiều người thấy bàn tay tôi dài và thân hình tôi cao lớn hỏi tôi tại sao ăn chay mà được như vậy? Tôi bảo rằng: Đó là nhờ gánh nước tưới cây tại chùa Phước Lâm và xay đậu làm đậu hủ ở chùa Viên Giác tại Hội An đấy! Ai cũng nhăn mặt cười và có lẽ họ không tin tôi, hay đó chỉ là cái cười xã giao để đáp lễ mà thôi.

Từ 1968 đến 1972 thì tôi ở Sài Gòn chẳng có gì vui, chỉ lo vùi đầu học và tu, cốt lấy bằng Tú Tài để đi ngoại quốc. Rồi thời gian cứ như thế mà trôi, từ thuở xuân xanh đến lúc bạc đầu như thế này mới thấy được những kỷ niệm rất nhỏ của ngày xưa, bây giờ lại quý giá vô vàn.

Kỷ niệm không là vàng bạc châu báu, nhưng nó giúp người ta có một cái nhìn về quá khứ một cách trù mền dễ thương. Dễ gì có ai dùng quyền lực hay tiền bạc có thể mua được hay chiếm đoạt những ký ức hồn nhiên ấy? Bởi thế nhiều người lúc về già rồi mới ngồi viết hồi ký. Lúc ấy kho tàng của tuổi thơ sẽ sống dậy và có nhiều người đã trở thành văn sĩ lúc tuổi về chiều. Có nhiều người bảo tôi tại sao Thầy không viết hồi ký của tuổi thơ? Tôi bảo rằng: Tuổi thơ của tôi chẳng có gì đáng viết, chỉ là một chú mục đồng mà thôi. Hay lúc ấy tôi cũng chỉ



Thăm Thư Viện Quốc Gia

là chú tiểu vô danh, đâu có gì để mà viết, nhưng biết đâu sau này lại cần đến những dữ kiện nhỏ nhặt này.

Sau khi thăm Tu Viện Dechenphodrang, chúng tôi được xe đưa đến Thư Viện Quốc Gia. Người Giám Đốc Thư Viện đã giới thiệu với chúng tôi những loại sách, kinh mà Thư Viện hiện có.

Sau đó ông ta đưa chúng tôi đi xem từng khu một. Ví dụ như nơi chụp Microfilm để bảo quản tốt hơn là giữ lại những bản kinh bằng gỗ như thế. Cũng có một số nơi các nghệ nhân đang tu bổ lại những bản gỗ đã khắc kinh lâu đời, bỏ vào trong những hòm thiếc để bảo quản trong khí hậu khắc nghiệt tại xứ này.

Trong Thư Viện này có một số bộ kinh đã có mặt cả ngàn năm, đa phần bằng tiếng Tây Tạng và tiếng Phạn.



*Ông Giám Đốc Thư Viện Quốc Gia
giới thiệu tổng quát về Thư Viện.*

Chỉ có một ít kinh sách tiếng Anh và chữ Hán. Chữ Nhật thỉnh thoảng có vài quyển. Còn tiếng Việt hầu như hoàn toàn không có quyển nào. Trông thật đáng thương cho dân tộc như dân tộc Việt Nam vậy. Một dân tộc có 4.000 năm văn hiến và 2.000 năm lịch sử Phật Giáo mà sự giao lưu văn hóa với các nước cận Á như thế thì còn giới hạn quá. Quả là điều đáng lưu tâm vậy.

Sau đó phái đoàn chúng tôi trở về khách sạn để ăn trưa và chiều hôm đó còn đi thăm 2 nơi nữa mới đến lúc diện kiến Hoàng Hậu.

Vào lúc 14 giờ, phái đoàn đến trường dạy nghề Zoriz Chusum để xem những nghệ nhân vẽ và tạc tượng Phật. Có nhiều lớp học khác nhau. Mỗi lớp có một thầy giáo chuyên môn hướng dẫn. Ở đây đa phần là cư sĩ, thỉnh thoảng mới thấy một vị tu sĩ ngồi tạc tượng Phật.

Khi chúng ta nhìn một hình tượng như thế, chúng ta nghĩ rằng đơn giản hoặc chúng rập khuôn với nhau, nhưng không phải vậy. Cứ mỗi một hình tượng như thế phải có một chiều bình hành, hoặc lục giác hoặc hình tam giác cân, để người họa có thể căn cứ vào đó mà vẽ chân mày, mắt, mũi hoặc môi miệng. Đúng là một kỹ thuật tạo hình vậy. Có một số người trong đoàn muốn mua một số quà kỷ niệm, nhưng ở đây không còn bán lẻ nữa nên phái đoàn phải di chuyển sang một tiệm khác ở đối diện bên đường.

Trời bắt đầu vần vũ mưa, chúng tôi đang lo ngại nhất là những người mặc áo dài đẹp để chuẩn bị vào Hoàng Cung. Cảnh đó có người Bhutan nói rằng khi tiếp đón khách quan trọng mà có mưa thì rất tốt. Theo truyền

thống của Bhutan, chỉ những bậc Đại Sư mới tạo ra được khung cảnh ấy. Tôi chỉ nghe và biết vậy, chứ với tôi trường hợp này chỉ là ngẫu nhiên mà thôi.

Đến thăm trường thuốc y học truyền thống của Tây Tạng có nhiều người cũng thích, vì hợp với nghề nghiệp của mình, trong đó có đạo hữu Diệu Đông, vừa tốt nghiệp Hóa học vừa tốt nghiệp Dược, nên những danh từ y học vừa xem qua là đạo hữu hiểu rành. Những cây cỏ tại đây đa phần được tuyển chọn từ vùng Hy Mã Lạp Sơn. Các máy móc trang thiết bị tại đây hầu hết do Ấn Độ cung cấp. Cách sắp xếp tương đối sạch sẽ và ngăn nắp, có lẽ vì là một trường thuốc. Nếu môi trường ở đây mà nhiễm trùng thì quả là một đại họa cho người dùng thuốc.

Sau khi viếng trường thuốc xong, phái đoàn chúng tôi chia làm 2 nhóm. Một nhóm 8 người trở về lại khách sạn nghỉ ngơi và nhóm 11 người chuẩn bị đến Hoàng Cung để diện kiến Hoàng Hậu. Tất cả chúng tôi đều muốn đi, nhưng vì số khách có giới hạn, hoặc e rằng phải khổ công nhọc sức cho những người phục vụ, nên chúng tôi chỉ giới hạn như vậy thôi.

Thị tỳ của Hoàng Hậu đến tận khách sạn để liên lạc bằng điện thoại không dây cho biết là phái đoàn đã chuẩn bị, phái đoàn đã vào ngõ, phái đoàn đã xuống xe v.v... đúng là cung cách của Hoàng Gia. Những nhân viên Bộ Ngoại Giao cũng đã túc trực trước cửa cung và những quà biếu thì đi qua một ngõ khác để được qua máy rà kiểm soát.

Trời hôm ấy mưa nên những cây dù bây giờ trở nên đắc dụng. Khi đến cửa, chúng tôi trông thấy mọi người ở

đó tất cả đều có cử chỉ rụt rè cung kính. Đây là cảm giác lần đầu khi tôi bước đến cung son này. Lễ nghi ấy chắc mọi người phải học. Người ta phải học cách ăn làm sao, nói làm sao, nhìn làm sao và nhất là cách cười phải làm sao cho chủ và khách có được một sự cảm thông. Tôi gọi đó là cung cách của triều đình.

Hôm đó Hoàng Hậu ra tận cửa để nghinh đón. Tôi đi đầu và cầm một khăn trắng để trao qua Hoàng Hậu và Hoàng Hậu chấp tay lại chào với cái mỉm cười sơ ngộ. Hoàng Hậu mặc áo quốc phục màu tím hoa cà. Trông dáng Hoàng Hậu chỉ vào tuổi ngoài 40, rất trẻ và phải nói rằng duyên dáng, dịu dàng, đẹp tự nhiên. Nhất là nụ cười mà sau này người nào cũng để ý đến. Hoàng Hậu có một nụ cười thật tươi và thật xinh.

Trước khi vào đây, tôi được các vị bên Bộ Ngoại Giao lưu ý là chắc chỉ được tiếp 15 phút mà thôi. Nghĩa là sau khi nhận quà cũng như chào hỏi là phải đoàn trở về. Nhưng hôm đó có lẽ là ngoại lệ, gần đúng 2 tiếng đồng hồ chúng tôi mới rời chốn cung son này.

Căn phòng khách bài trí rất hài hòa. Đầu tiên Hoàng Hậu tiếp chúng tôi ở một gian phòng khách rộng rãi đủ chỗ cho 16 người và sau khi chụp hình thì sang một phòng khác.

Căn phòng nào cũng trang hoàng bằng lụa bản xứ, từ ghế ngồi cho đến màn cửa, nhất nhất đều uy nghi, chứng tỏ uy quyền của Hoàng Đế vẫn có ở đâu đó.

Nhìn thấy cung cách chào của những người Bhutan cũng khác. Vì họ biết Hoàng Hậu của họ là ai và là địa vị

gì của dân tộc Bhutan cho nên họ rất khúm núm, ngay cả những tu sĩ của họ cũng thế. Còn chúng tôi thì rất tự nhiên. Tuy cũng có giữ lễ ít nhiều vì chúng tôi biết rằng chúng tôi đang đối diện với một bậc được gọi là mẫu nghi thiên hạ.

Tôi trân trọng đưa bài diễn từ của tôi cho anh Kunzang xem trước khi đọc trước Hoàng Hậu, nên đoạn văn này có vài chỗ được thêm vào sau. Vì những người bên chính phủ, nhất là những người có trách nhiệm với EXPO 2000, họ cũng muốn Hoàng Hậu biết đến họ. Bài này do Thầy Hạnh Tấn soạn bằng tiếng Anh qua sự góp ý của tôi.



Cùng với Hoàng Hậu Bhutan Ashi Dorji Wangmo Wangchuck



*Hoàng Hậu cùng với Thầy Hạnh Hào,
Thầy Gap và Thầy Dorji*

Tôi ngồi cùng ghế chánh với Hoàng Hậu và đọc một bài diễn văn ngắn với nội dung như sau:

Nam Mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

Kính thưa Hoàng Hậu Bệ Hạ và các vị Bộ Trưởng

Thưa tất cả quý vị,

Tôi thật lấy làm sung sướng được có mặt tại Vương Quốc của quý vị ngày hôm nay. Đây là một việc bất khả tư nghi của giáo lý Đức Phật. Vì chỉ thông qua mối liên hệ giữa những người con Phật mà người tỵ nạn Phật Tử Việt Nam chúng tôi tại Đức mới có thể nhận được những sự tiếp đón cao quý của Hoàng Hậu và các vị Bộ Trưởng, cũng như được tiếp đón

những người thợ từ Bhutan tại chùa của chúng tôi khi họ đến Đức để xây dựng Chùa Bhutan tại khu EXPO.

Ngôi chùa Bhutan không những chỉ là một biểu tượng của Vương Quốc Bhutan mà còn là niềm tự hào của mọi người Phật Tử. Tôi rất lấy làm tiếc rằng đã không thể đích thân tiếp đón Hoàng Hậu, bởi vì tôi đã có những việc quan trọng tại Pháp, khi Hoàng Hậu đến Đức. Vì thế, tôi muốn nhân cơ hội này để nói lời cảm ơn về việc Hoàng Hậu đã thăm viếng chùa chúng tôi và về những tặng vật giá trị của Hoàng Hậu.

Ở đây tôi cũng xin cảm ơn một cách công khai những người của chính phủ đã xây dựng Chùa Bhutan tại EXPO 2000. Ngoài ra tôi cũng muốn đề cập đến ông Phuntsho và ông Kunzang Trinley là những người đầu tiên đã đến Đức và chẳng bao lâu trở thành những người bạn của cộng đồng người Việt Nam chúng tôi.

Với cơ hội này phái đoàn của chúng tôi rất hân hạnh được thăm viếng quê hương của Hoàng Hậu và tôi cũng sẽ được hướng dẫn đi thăm nhiều nơi của Bhutan, vì tôi nghe rằng có nhiều nơi và nhiều việc tốt đẹp tại quê hương này vẫn còn được gìn giữ.

Tôi biết rằng Bhutan là một quốc gia Phật Giáo, nên là người Phật Tử tôi muốn biết nhiều về hoạt động Phật Giáo tại xứ này, đặc biệt trong phạm vi giáo dục. Tôi hy vọng có thể giúp một vài việc cho những người tăng sĩ của Bhutan.

Thay mặt cho phái đoàn chúng tôi, xin chân thành cảm ơn sự tiếp đón nồng hậu của Hoàng Hậu.

Tôi nguyện cầu Đức Phật và ba ngôi Tam Bảo gia hộ cho mọi người và cho quốc gia của Hoàng Hậu đặc biệt giữ lại những truyền thống cao đẹp đó.

Trân trọng kính chào.

Namo Shakya Muni Buddha

Bản Anh ngữ như sau:

*Respected Your Majesty, Ministers,
Ladies and Gentlemen:*

I am really glad to be in your Kingdom today, this is due to a mystery of Buddha's Dharma. Then only through the Buddhist connection we, the refugee Vietnamese Buddhist in Germany, were able to receive your Highness' Ministers and to accommodate the Craftsmen in our monastery, when they came to Germany to build the Temple in the Expo ground.

The Bhutanese Temple was not just the symbol of the Kingdom of Bhutan, but also a pride of the entire Buddhist people. I extremely regret not to be able to receive your Majesty, The Queen, by myself due to an important work in France, when you were in Germany. Therefore, I would like to use this opportunity to express my thanks for visit to my monastery and for your valuable presents.

At this time, I wish to thank those officials who were responsible for the building of the Bhutanese pavilion for Expo 2000. Particular, I want to mention Mr. Phuentshok and Mr. Kuenzang Trinley, who were our partners when they came first to Germany and soon became friends to our Vietnamese community.

In this occasion my delegation and I are of great interest in visiting your country and would like to request for a guide throughout the interesting places of Bhutan. I have heard many nice things about the country and its splendid custom.

We know the Kingdom of Bhutan as a Buddhist country, and a Buddhist I also would like to know more about the Buddhist activities in Bhutan, especially in the field of education. I hope, we could be of some help to our brothers in Dharma.

In the name of the whole group I would like also to express my thanks for your kind reception.

I wish you all the blessing of Buddha and the triple Gems may always bless your country that it would remain in its extraordinary condition.

Thank you very much.

Sau khi tôi đọc xong bài diễn văn đó thì mắt Hoàng Hậu như ngời lên ánh sao và Hoàng Hậu cười thật tươi như hoa xuân đang rạng nở. Vì thế sau này mọi người mới bảo rằng: “Đúng là nụ cười Hoàng Hậu.” Tôi đảo mắt

nhìn xem quý vị Bộ Trưởng và hai thầy người Bhutan ngồi xa xa phía trước, thấy họ cũng tỏ vẻ hài lòng.

Bây giờ thì chúng tôi đàm đạo thoải mái và trà nước cũng như món xôi đặc biệt được dọn lên. Hoàng Hậu hỏi chuyện từng người và Hạnh Hảo đã giới thiệu một cách không mỗi mệ. Người nào không nói rành tiếng Anh thì cũng có Hạnh Hảo thông dịch lại. Hôm ấy tôi đã thấy rõ đĩa vàng chén ngọc là gì. Tất cả đồ đem ra dọn đãi khách đều là những gì quý giá của Hoàng Gia. Mọi người đều uống trà của Bhutan và dùng xôi màu vàng có tính cách truyền thống.

Phái đoàn nói chuyện rất lâu, tôi rất sốt ruột nhìn đồng hồ và trông sang các vị trong Bộ Ngoại Giao ngồi xa phía trước đó, nhưng quý vị này ra dấu hiệu hài lòng và



Hoàng Hậu và Thầy Thông Trí.

cứ tiếp tục nói chuyện không có gì phải lo cả. Vì Hoàng Hậu đang vui. Có lẽ nơi cung son Hoàng Hậu ít có người nói chuyện chẳng? Hay với người Bhutan lúc nào cũng dạ dạ thưa thưa, khúm núm rụt rè. Còn chúng tôi một phái đoàn đến từ Âu Châu, ăn nói tự nhiên nên Hoàng Hậu không còn nghĩ đến thì giờ nữa. Nhiều lúc còn phá cười lên khi có một vài người nói lạc điệu. Ví dụ chú Hạnh Định nói tiếng Anh và giới thiệu về nước Na Uy, nơi mà chú đã có cơ hội định cư ở đó nhiều năm. Nước Na Uy về môi sinh tốt như Bhutan. Nào là có thác nước, có cảnh đẹp và cuối cùng thì chú bảo rằng: Nếu Hoàng Hậu đi sang đó thì chú sẽ là người hướng đạo cho Hoàng Hậu. Do vậy mà Hoàng Hậu cười và mọi người đều cười theo. Theo phép ngoại giao thì không nên nói những lời như thế. Vì giữa các quốc gia có giao hảo với nhau, đều



(Hoàng Hậu và Sư Bà Thích Nữ Diệu Tâm.)

có các cơ quan ngoại giao lo vấn đề này làm sao mà cho tới mình làm được việc đó.

Sau khi dùng trà nước, xôi, thì chúng tôi xin phép chụp hình chung với Hoàng Hậu. Hoàng Hậu rất tự nhiên, không có gì khách sáo cả. Nếu là người nữ thì Hoàng Hậu ngồi sát vào và còn cụng đầu gần nhau nữa. Nếu là người nam thì có một chút khoảng cách. Nếu là người Âu Châu thì Hoàng Hậu càng tự nhiên hơn.

Quà biếu hôm đó là 4 tấm tranh sơn mài lớn tạo thành tấm chắn gió để trong nhà và một hoa sen bằng pha lê tuyệt đẹp. Đây là món quà từ xa xôi mang đến để tặng Người. Một món có xuất xứ từ Đức và một món có xuất xứ từ Việt Nam chuyển sang Pháp, rồi từ Pháp sang Đức, để sau đó từ Đức bay qua Thái Lan và Bhutan. Đúng là một chặng đường dài cả mấy chục ngàn cây số.

Trước khi ra về thì Hoàng Hậu chấp tay cúi đầu và còn đem đầu mình cụng vào đầu tôi nữa. Thật là một việc làm mà tôi không ngờ, nhưng đồng thời tôi cũng không né tránh. Vì đó là việc tự nhiên. Vả lại cũng là truyền thống của Bhutan khi đã trở nên quen thuộc. Tôi có hỏi những người sau đó có làm như vậy không thì họ hỏi có chuyện ấy thật sao? Có lẽ tùy theo từng người mà Hoàng Hậu chia tay như vậy chẳng? Đến nỗi sau này có lần nói chuyện tại chùa Vạn Hạnh ở Hòa Lan, Thầy Thông Trí còn bảo rằng: Thấy Thượng Tọa và Hoàng Hậu ngồi chung một ghế và được đối xử như một bậc quân vương, khiến ai thấy cũng ghen lây. Không biết điều ấy có thật không, nhưng với tôi lúc ấy tâm chẳng có gì dao động. Mà lạ thay, sau khi đi chuyến Bhutan về có nhiều người

và nhiều thầy đau tim. Theo Thầy Thông Trí nói thì vì Hoàng Hậu quá đẹp cho nên ai cũng cảm. Nhưng điều ấy không phải, ai cũng đau tim vì leo núi quá cao. Nơi ở bình thường đã là cao 3.000 mét rồi. Càng leo cao hơn nữa thì không khí càng loãng hơn. Do vậy mà khó thở, chứ tuyệt nhiên không phải vì Hoàng Hậu.

Tối đó tại một khách sạn gần bên có tổ chức một buổi chiêu đãi Self-Service rất trang trọng. Đầu tiên thì nói chuyện bên lề. Sau khi mọi người đến đông đủ thì ông Thủ Tướng bắt đầu nói những lời cảm ơn phái đoàn và tặng quà lưu niệm. Hôm đó tôi cũng nói, nhưng vì không có soạn sẵn trước, nên đã phát âm sai một vài chữ, mà khiến ra nghĩa khác. Do vậy có người cười. Ngày hôm sau tôi xin lỗi ông Bộ Trưởng Bộ Văn Hóa, nhưng ông ta



*Chiêu đãi tại khách sạn cùng với các vị
Thủ Tướng, Bộ Trưởng và Thứ Trưởng của Bhutan.*

nói rằng: Đôi khi tôi cũng vậy. Vì tiếng Anh đâu có phải là tiếng mẹ đẻ của chúng ta. Đó đúng là một câu an ủi có tính cách ngoại giao.

Ông Thứ Trưởng Ngoại Giao đến trễ và ngồi bên tay trái tôi. Còn ông Thủ Tướng thì ngồi bên tay mặt. Mọi người nói chuyện rất tâm đắc. Họ hỏi về việc gặp Hoàng Hậu ban chiều ra sao, nhưng thật ra thì họ đã biết hết rồi. Xứ Bhutan này rất nhỏ, mà thủ đô hình như cũng chỉ 30.000 dân nên đâu có nhiều hơn thành phố Laatzten ở gần chùa. Do vậy mà chuyện gì trong sân ngoài ngõ người ta cũng dễ rõ thôi. Nhiều lúc chúng tôi còn thấy họ theo dõi mình nữa là đằng khác. Vì mọi chuyện của chúng tôi làm họ đều biết cả. Kể cả những dự định chưa có làm. Đúng là “bức tường có tai” như cách ngôn Pháp đã hay dùng. Tóm lại thì cuộc ngoại giao ban chiều tại Hoàng Cung cả Bộ Văn Hóa và Bộ Ngoại Giao rất hài lòng. Còn hai Thầy bên Tôn Giáo thì dĩ nhiên là vui rồi. Vì ít khi vào đến chốn ấy, mà lần này còn ngồi chụp hình với Hoàng Hậu nữa. Quả là điều hy hữu mà có lẽ quý vị ấy cũng chẳng mong đợi.

Đồ ăn của Bhutan cũng ngon lắm, nhất là những măng tây cũng như các rau cải địa phương, nhưng ngược lại trái cây thì hiếm. Những trái chuối, trái táo rất nhỏ, trông thảm thương. Trong khi ở Âu Châu những loại như thế chỉ có bỏ, còn ở tại xứ núi đồi này là vàng, là của quý.

Mấy ngày đầu thì ai dùng cũng ngon, nhưng những ngày sau ai cũng thêm tởm vì gói và những lát bánh mì ăn với mứt theo kiểu Tây phương trông có vẻ nhẹ nhàng hơn. Ở đây được một cái là núi cao, nên khí hậu rất mát

về đêm. Nhiều khi cần phải sưởi nữa, nhưng không có muối và không có những sinh vật nhỏ ở xứ nóng như những nước Á Châu khác.

Ông Thứ Trưởng Ngoại Giao ngồi bên tôi cũng nói rằng ông đang ăn chay. Trước đây ông học tại Mỹ và cũng đã nhiều năm ăn chay như thế. Ông khoe rằng con ông còn nói được tiếng Thái và tiếng Lào nữa. Cả nhà cũng ăn chay. Do vậy khi phái đoàn đến từ Âu Châu mà ăn chay như chúng tôi, ông cũng không ngạc nhiên mấy. Có điều là họ chiên bơ hơi nhiều nên có nhiều lúc tôi rất mệt và ăn không còn thấy ngon nữa. Nhiều lúc chỉ cần chén cháo là đủ rồi. Đúng là mỗi dân tộc có một đời sống và thói quen khác nhau, chẳng ai giống ai được. Mà cái gì đã trở thành truyền thống rồi thì người ta khó thay đổi lắm, nhất là những gì mà người ta đã chấp nhận lâu đời rồi.

Ông Thứ Trưởng Bộ Ngoại Giao cáo từ về trước vì có tiệc khác và chúng tôi cũng như một số vị Bộ Trưởng khác thì còn ở lại lâu hơn, để cuối cùng rồi cũng phải ra về với bao niềm vui. Vì mỗi người đã trao đổi với nhau về một câu chuyện có ý nghĩa nào đó.

Buổi tiệc hôm đó do chính phủ khoản đãi nên các thực khách toàn là những người đại diện cho dân. Tuy không đông lắm, nhưng hầu như những nhân vật quan trọng tôi đều đã gặp qua. Mọi người ra về để dỗ một giấc ngủ ngon, vì ngày mai còn phải đi một chuyến xa hơn như thế nữa.

Chương VI.

Viếng thăm Tu Viện

Thế là tôi đã thoát được những câu chuyện đối đãi và ngoại giao rồi. Toàn là những câu rất hay, rất nặng ký, nhưng đồng thời cũng rất có giá trị. Kỳ này đi Bhutan có lẽ tôi là người mệt nhất. Vì phải ngoại giao cho bao nhiêu chuyện. Do vậy ngày 26 tháng 4 cả phái đoàn lên xe đi Dodena, cách Thimphu chừng 30 cây số, là ai nấy cũng vui rồi.

Đường đi gập ghềnh, thỉnh thoảng chúng tôi phải dừng lại để nghỉ. Đi đến một chỗ đẹp, chúng tôi hỏi người tài xế đó là nơi nào? Anh ta bảo rằng đó là nơi ở của Thái Hậu, mẹ Vua. Chung quanh có nước chảy thông reo, trông thật hữu tình. Đúng là chỉ có Vua mới được thế. Cho nên Thượng Tọa Thích Trí Minh, trụ trì chùa Khuông Việt tại Na Uy, lúc nào cũng muốn làm Vua, có lẽ lý do là vậy.

Đường lên Tu Viện Tango hôm đó sao mà xa diệu vợi. Kể đi trước người đi sau, nhưng phải mất cả 2 tiếng đồng hồ chúng tôi mới lên đến đỉnh núi. Dọc đường biết bao cảnh đẹp như hoa rừng và lắng nghe tiếng hót của chim muông. Xa xa thấy mây trời sà thấp xuống như đón khách trần ai nhẹ gót vân du, nhưng có lẽ thân tứ đại còn nặng nề quá nên chưa có ai theo mây về nơi thượng giới.



Xe của Bộ Ngoại Giao Bhutan với cán cờ cuốn lại.

Đến gần đỉnh thì Rattay, người Đức, cảm thấy ngột thở, cũng chỉ vì áp suất không khí còn lại trên 3.000 mét chỉ còn thoáng thoáng mà thôi. Thế mà nơi đây đã đang và sẽ có không biết bao nhiêu con người tu luyện.

Khi phái đoàn chúng tôi vào cổng thì thấy 2 bên khối thông xông nghi ngút. Được biết rằng truyền thống này có từ ngàn xưa và chỉ dùng để đón những bậc Đại Sư tôn quý. Chùa này có tất cả 150 vị đang tu học, hầu hết là cấp bậc Đại Học. Nơi này cũng là nơi của Thầy Gap và Thầy Dorji đang ở. Hôm ấy tuy Sư phụ của quý Thầy ấy không có ở chùa, nhưng việc tiếp đón rất chu đáo.

Đầu tiên chúng tôi vào phòng khách dùng trà cũng như cúng dường Tu Viện. Ở đây có 2 phần để cúng dường.

Một phần cúng cho chùa và phần còn lại phổ đồng cúng đường. Nghĩa là 150 vị không kể lớn nhỏ. Mỗi vị nhận 30 Nu ở đây. Số tiền không lớn, nhưng đó là tấm lòng của tôi và đoàn.

Sau một hồi kể, 150 vị Tăng lên hết chánh điện tụng kinh cầu nguyện chúc phúc cho phái đoàn. Trong khi tụng kinh, Thầy Dorji mang đi phát cho mỗi vị 30 Nu như thế. Sau thời kinh thì việc cấp phát cũng xong. Chúng tôi lần lượt tụng kinh Bát Nhã bằng tiếng Việt và tiếng Đức. Tu Viện này rất xưa nên cấm chụp hình. Do vậy mà chương này nếu quý vị để ý sẽ thấy hầu như không có một hình nào về Chùa Viện cả.

Thời kinh vừa chấm dứt, vị Sư trụ trì dẫn chúng tôi vào bên trong Phật điện để đánh lễ xá-lợi Phật. Ở đây còn



quá nhiều tượng Phật cổ và những ngà voi cũng rất lớn. Đoạn đến một miếng đá có dấu chân người, vị Sư trụ trì bảo rằng đây là dấu chân của vị khai sơn cách đây 350 năm về trước và hiện tại vị Tulku đó đang ở đây. Chính bàn chân của vị tái sinh này để vừa vịn và những đường chỉ chân rất giống nhau.

Nghe vậy tôi như mở tấm lòng nên buột miệng thưa liền với vị Sư trụ trì

Chặng nghỉ dọc đường

rằng chúng tôi có được đánh lễ vị Tulku ấy không? Vị Sư trụ trì trả lời rằng phải đi hỏi Ngài trước, nếu Ngài bằng lòng. Thông thường thì mỗi tuần vào ngày thứ bảy Ngài có gặp Phật Tử, nhưng bình thường thì không. Hôm đó chúng tôi đi ngày Thứ Năm, nên ít có hy vọng. Tuy nhiên sau một hồi chuẩn bị, vị Sư trụ trì trở ra bảo rằng vị Tulku này bằng lòng tiếp phái đoàn. Chúng tôi rất mừng vui.

Tương truyền rằng 350 năm về trước vị Tulku này đã thành lập nên Tu Viện và sau đó Ngài viên tịch. Thời gian cứ thế mà trôi. Vị này đã tái sinh qua nhiều lần và lần này sinh ra trong một gia đình bình dân tại miền Đông Bhutan, cách đây khoảng 300 cây số, nhưng khi lên 5 tuổi lúc nào Ngài cũng đòi về lại Tu Viện xưa. Do vậy các vị Trưởng Lão mới gạn hỏi Ngài và đã trả lời rất rõ ràng là trong 100 gian phòng của Tu Viện ấy nơi đó có thờ gì, kiến trúc theo kiểu gì Ngài đều mô tả rõ, mặc dầu mới 5 tuổi và Ngài chưa đến đó bao giờ. Không những thế mà bàn chân của Ngài trong hiện tại để vừa vịn với bàn chân của vị Đại Sư đã khai sơn chùa này hơn 350 năm về trước. Thật là hy hữu, hy hữu. Cho nên cả Tu Viện mới tôn Ngài lên ở ngôi vị Tulku. Nghĩa là một vị Lama tái sinh. Năm nay thì Ngài đã 7 tuổi. Trông nét mặt Ngài rất hiền từ và thông minh rực sáng. Phái đoàn chúng tôi chung tiền cùng nhau để cúng dường và đặc biệt là chocolat, vì Ngài còn nhỏ mà, vẫn là đứa trẻ với thân vật lý 7 tuổi, nhưng trí tuệ thì siêu phàm. Sau này khi gặp ông Bộ Trưởng Bộ Văn Hóa ở dưới chân núi, ông ta cũng nói rằng: Đây là một vị Tulku đặc biệt.

Đầu tiên Ngài nói một số lời đã được dặn trước, trông

có vẻ hơi khó sợ, nhất là nói tiếng địa danh Hannover. Ngài thỉnh thoảng ngồi yên nhìn hết người này tới người khác. Trong khi đó Thượng Tọa Quảng Bình nghĩ rằng nếu Ngài giỏi thì điểm mặt từng người để nói quá khứ vị lai đi. Lúc ấy chắc Thầy phải lạy sát đất. Mặc dầu điều ấy không xảy ra, nhưng mọi người cũng đã đưa đầu cho Ngài sờ tay lên để làm lễ chúc phúc.

Quà tặng của Ngài cho phái đoàn là một số bản kinh bằng tiếng Bhutan. Ngoài ra một số người cũng muốn nghe một cái gì đó từ Ngài nên còn nán lại lâu hơn. Tuy nhiên sự kiện ấy không xảy ra hôm đó. Có lẽ trí tuệ của Ngài và sự hiểu biết kia mới còn giới hạn nơi xứ Bhutan chứ chưa ra ngoài biên giới ấy. Dầu sao đi nữa truyền thống tái sanh này vẫn là một điều hay, nhằm nhắc nhở cho mọi người biết rằng việc chết chưa phải là hết, mà sau sự chết kia còn không biết bao nhiêu sự sống nữa. Đó là điều kỳ diệu trong nhiều điều kỳ diệu khác vậy.

Phái đoàn từ giả vị trụ trì cũng như chư Tăng để xuống núi. Vì còn phải dùng trưa tại một công viên công cộng nữa. Đường đi xuống núi thì rất nhanh. Hôm ấy có mưa hoa cúng dường, như để nhắc nhở cho chúng tôi biết rằng hôm ấy cũng là một đại sự nhân duyên vậy.

Xuống cho đến khỏi núi là một giờ chiều rồi. Do vậy tất cả phái đoàn đều phải dừng chân để dùng cơm. Khung cảnh thiên nhiên ở đây rất đẹp. Vì lẽ có núi cao và có sông, có thác, có ghềnh. Tuy nước rất lạnh nhưng nghe đâu cũng có người tắm nơi ấy. Chúng tôi đang ngồi chờ chuẩn bị dùng trưa thì ông Bộ Trưởng Văn Hóa từ trên núi, nơi tu kín của các vị Đại Sư đi xuống và ông ta



Picnic ngoài trời

báo tin rằng chờ lâu quá không thấy phái đoàn lên, nên ông ta lại phải xuống núi. Ông ta đâu có biết rằng chúng tôi là những người sanh ra ở đồng bằng và nơi biển cả ở độ thấp làm sao leo núi thoăn thoắt như những người bản xứ được. Cho nên mới chậm là thế. Nếu ông ta tính trừ hao cho phái đoàn chúng tôi thì đỡ biết mấy.

Bữa cơm đã được chuẩn bị sẵn từ lâu nên có hơi nguội lạnh. Tuy nhiên lòng người chủ nhà thì lúc nào cũng nồng nàn, nên chúng tôi phải cố gắng dùng nhiều cho họ vui. Mặc dầu có một số thức ăn không hợp khẩu vị mấy.

Sau khi dùng cơm xong thì chia ra làm 2 toán. Một toán trở về lại khách sạn để nghỉ ngơi. Vì leo tiếp tục lên núi không nổi nữa, trong toán này có tôi. Còn toán khác tiếp tục leo núi, trong đó có Hạnh Hảo. Đây là một dòng

tu kín mà Hạnh Hảo cố tìm gặp để trình giải một số công việc đã làm được.

Từ dưới đất nhìn lên trên núi cao thấy những cái cốc của những vị ẩn tu trông giống như những cái tổ yến nằm ép mình vào hang đá. Nghe đâu ở đây các vị Sư không tiếp xúc với trần thế trong chừng 3 năm 3 tháng 3 ngày. Sau khi xả thất mới gặp gỡ nói chuyện và có người lại vào thất tiếp. Vì trong thất an lạc hơn và vui hơn với niềm vui đạo hạnh. Còn ở ngoài trần thế dù vui nhưng đối với những vị này nội tâm bị cào xé từng hồi. Trên núi cao kia có độ 50 cái am như thế. Tôi không hiểu bằng cách nào mà họ có thể xây trên những triền núi cheo leo như thế được. Đúng là lánh đời như không còn chỗ nào lánh được nữa. Ở đây có lẽ chỉ làm bạn với gió mây, với trăng với sao chứ chẳng còn gì nữa. Nhưng nếu ai đó đã quyết chí thì có ngày ánh sáng chơn lý sẽ tỏ ngộ.



Dùng cơm ngoài trời tại Dodena

Sau khi phái đoàn leo núi trở về lại khách sạn có kẻ cho tôi nghe rằng núi này còn cao hơn núi trước nữa và đặc biệt là rất khó đi. Nếu mà tôi có đi chắc có lẽ cũng chùn bước. Và hình như tôi cũng bắt đầu đau tim, hay cũng đã cảm nhận rằng với cái tuổi 53 này mình không còn trẻ trung như ngày xưa nữa. Nghe đâu vị Đại Sư trưởng môn phái dòng tu kín ấy cũng không tiếp phái đoàn còn lại vì biết rằng Trưởng phái đoàn bên này là tôi không có mặt. Tôi xin sám hối với Đại Sư. Vì lẽ hôm ấy không thể nào tiếp tục đi nổi nữa. Mặc dầu thế Ngài đã cho phái đoàn của chúng tôi nhiều tấm Thangkha và nhiều kinh điển giá trị. Có một số bài kinh đã được chính Ngài trì chú rất nhiều lần. Do vậy mà phái đoàn ai cũng muốn thỉnh một bài kinh như thế để được sức gia trì. Chỉ có Hạnh Hảo là hơi thất vọng, vì không gặp



Ban dân ca đêm lửa trại

được Đại Sư, nhưng rồi đâu cũng vào đấy cả. Tu Viện đó gọi là Tu Viện Cheri mà quy luật ở đây rất nghiêm khắc, nên nghe đến Tu Viện này ai cũng biết cả. Nghe đâu năm 1995 có một vị Sư người Việt Nam từ Hawaii sang cũng đã thăm viếng Tu Viện này.

Đêm hôm đó tại một khung cảnh thiên nhiên, chính phủ Hoàng gia đã tổ chức một đêm lửa trại cho chúng tôi, có các vị Bộ Trưởng đến tham dự. Không khí thật vui nhộn khi lửa được đốt lên lại có nhiều người nhảy múa. Dưới ánh sáng chập chờn của đêm thanh cảnh vắng ấy, tôi liên tưởng đến quê tôi vào những thuở xa xưa khi mùa gặt đến và trai gái dân làng tụ tập ở một nơi công cộng để đập lúa và hát hò.

Chúng tôi được chia nhau ra từng nhóm nhỏ. Cứ một người Việt hoặc một người Đức là mấy người Bhutan để nói cho nhau nghe và nghe nhau nói thật nhiều đề tài. Những ai còn trai trẻ thì hòa chung cùng cái vui của tiếng sáo, tiếng đàn, tiếng kèn, tiếng phách gõ nhịp để múa hát chung quanh đống củi mà lửa đã cháy lên cao sưởi ấm biết bao nhiêu tâm hồn của người xa xứ.

Lửa cháy cao rồi cũng đến lúc lửa phải tàn. Mọi người cảm thấy thấm lạnh nên có kẻ vào lều ngồi uống trà nói chuyện hoặc vào bên trong nhà hàng thì ấm cúng hơn. Tôi ngồi đó như giữa ba quân tướng sĩ của trận tiền mà sự vô thường của ánh lửa và củi kia khiến tôi suy nghĩ về sự thịnh suy của cuộc thế. Tất cả chúng ta cũng chỉ như gió, như mây, như đất, như nước, như củi, như lửa chứ có khác gì đâu. Vì mới đầu hôm cả một đống củi cao ngất, sau ánh lửa làm mỗi đầu tiên được châm vào thì



Lửa đã cháy cao

tất cả củi đều bị đốt. Chúng đã thành than. Lửa đang trở về trạng thái nguyên nguyên của nó. Như vậy là mất hay còn? Có thể nói rằng không mất mà cũng không còn, vì trong củi sẵn có lửa và lửa ẩn tàng nơi củi ấy. Nếu ta cọ xát mạnh, lửa sẽ xẹt ra, nhưng củi sau khi cháy thì đi về đâu? Dĩ nhiên là không hề mất hẳn, chỉ hóa thành tro rồi sẽ ngấm sâu vào lòng đất, thành phân bón để nuôi dưỡng cỏ cây, rồi một ngày nào đó cây lớn lên người ta lại đốn về làm củi, rồi trăm kiếp luân hồi về sau củi cũng sẽ là môi của lửa để đốt lên những buổi lửa trại như hôm nay. Chỉ có thế thôi. Và vòng luân hồi sanh tử của con người cũng là thế.

Sau đó chúng tôi vào bên trong cùng ông Bộ Trưởng Bộ Văn Hóa. Tôi đã nói câu của Phật đã dạy rằng: “Ta là Phật đã thành, chúng sinh là Phật sẽ thành.” Nhân cơ

hội đó ông liền giảng nghĩa chữ Tathagatha (Như Lai) một hồi lâu để chứng tỏ về sở học cũng như sự nghiên cứu của mình. Theo ông thì chữ gatha có nghĩa là giác ngộ, nhưng mà giác cái gì thì đổ ai mà biết. Còn Tatha là kẻ hay người, nhưng người nào? Người đã đủ nhân duyên với Phật Pháp, làm tròn đầy những hạnh nguyện lợi tha thì mới thành được. Còn bao nhiêu chúng sanh khác mới bắt đầu tu làm sao có thể thành?

Hạnh Hảo nghe đến đó thì không chấp nhận. Vì thầy này đệ tử của tôi muốn thành Phật ngay trong kiếp này. Nhưng điều ấy tôi cũng bảo là không đúng. Vì trong kinh điển Phật Giáo chưa có nơi nào nói có một người Đức thành Phật trong hiện thế cả. Mà nhất là giáo lý của Đức Thích Ca Như Lai còn tồn tại trong đời này thì làm sao có thể có việc hy hữu đó được. Kỳ này Hạnh Hảo



Cùng ông Bộ Trưởng Bộ Văn Hóa luận đàm về Phật Pháp.

quyết chí làm Phật nên mới vào Hy Mã Lạp Sơn, mà thật ra trong núi cao ấy không có Phật. Vì đã bao phen tìm kiếm nhưng Hạnh Hảo đâu có thấy gì. Không biết bây giờ Hạnh Hảo đã tin chắc thật điều ấy chưa, chứ lúc còn hăng say mà nói điều đó quả là một chướng nạn. Nhưng sự luận bàn hôm nay với một số quan chức của Hoàng Gia, Hạnh Hảo sẽ rõ thêm một vấn đề là sự thành Phật còn xa lắm. Tôi bảo ít nhất là 2 triệu năm nữa mới có một người Đức thành Phật. Mặc dầu Đức Phật nói rằng ai cũng có thể thành Phật cả.

Việc luận bàn nào rồi cũng đến lúc kết thúc. Có khi căng thẳng, có lúc vui tươi. Có khi cũng đi đến một kết luận, mà nhiều lúc cũng chỉ là một câu hỏi còn để trống và chẳng bao giờ có một mẫu số chung để trả lời được cả. Vì vô biên thế giới đâu có thế giới nào tận cùng, ngay cả thế giới của chư Phật đang giáo hóa.

Đêm hôm đó chúng tôi đã ngủ một giấc an lành để chuẩn bị cho một ngày mai có một chuyến đi còn xa xôi diệu vợi hơn nữa.

Chương VII.

Nhục thân Bồ Tát và cố cung

Ngày 27 tháng 4 năm 2001, trước khi đi về chốn cố cung, phái đoàn được hướng dẫn bởi anh Kunzang và 2 thầy Bhutan đi thăm nhục thân Bồ Tát trong chốn Hoàng Cung. Nơi này gọi là Tashichhodzong. Chữ Dzong đứng sau cùng theo nghĩa tiếng Bhutan là Tu Viện. Tu Viện này nằm ngay chỗ Vua và các vị Bộ Trưởng làm việc.

Chúng tôi leo lên những tầng gác có cầu thang dựng đứng để vào chánh điện. Sau khi vào chánh điện lễ Phật thì mọi người được hướng dẫn vào nơi Tổ Sư Đường để tụng kinh, dâng lễ và nhận nước gia trì. Có kẻ thì uống, có người thì xoa lên đầu. Chúng tôi được biết rằng vị Đại Sư này sau khi thị tịch, xác thân không bị rửa trôi, cho nên Vua Chúa và quan lại cũng như nhân dân mới mang vào đây thờ và kính trọng Ngài như là một vị Thánh hiển linh.

Điều này cũng dễ hiểu thôi. Vì những bậc Đại Sư sau khi thị tịch thường hay để lại một cái gì đó cho hậu thế

chiêm ngưỡng và từ đó phát khởi lòng tin. Ví dụ như Đức Phật, các vị Bồ Tát, các vị A La Hán để lại Xá Lợi. Không những chỉ ở Ấn Độ mà ở Trung Hoa, Nhật Bản, Đại Hàn, Việt Nam cũng đều như thế.

Tại Việt Nam chúng ta, nơi Chùa Đậu thuộc tỉnh Hà Tây cách Hà Nội 24 cây số về phía Nam, hiện có tôn trí nhục thân của 2 vị thiền sư là Vũ Khắc Minh (pháp danh Đạo Chân) và Vũ Khắc Trường (pháp danh Đạo Tâm). Hai vị này là hai chú cháu cùng tu tại một chùa và cùng chứng đạo cách đây 300 năm về trước. Chùa này được xây dựng từ thời nhà Lý, thế kỷ 11. Ban đầu có tên là Thành Đạo Tự và trải qua nhiều giai đoạn lịch sử tên chùa lần lượt thay đổi như sau: Pháp Vũ Tự, Chùa Vua, Chùa Bà, Chùa Đậu. Chùa này hiện đang trùng tu. Nếu quý Phật Tử nào có cơ duyên về thăm quê, nên đến đây để đánh lễ nhục thân của 2 vị Bồ Tát này. Chứng tỏ rằng Việt Nam chúng ta cũng có vị tu chứng, chứ không nhất thiết phải là Tây Tạng hay Trung Hoa.

Tại thôn Thiều Quang thuộc tỉnh Quảng Đông, nơi Nam Hoa Thiền Tự hiện còn thờ nhục thân của 3 vị Bồ Tát. Đó là Ngài Lục Tổ Huệ Năng, Ngài Đan Điền và Ngài Hám Sơn. Tất cả những chơn thân này đã trải qua trên dưới 1.000 năm rồi, nhưng thân thể vẫn còn ngồi kiết già nguyên vẹn như thế.

Đúng là bất khả tư nghì. Chỉ có pháp Phật mới giải thích được, chứ ngoài ra thì không có một hiện tượng gì của thế gian mà giải thích nổi. Nhưng một điều cũng không kém phần quan trọng mà chúng ta nên hiểu rằng tất cả mọi pháp đều bất định. Có nghĩa là không có gì

chắc thật cả. Hôm nay là như thế mà ngày mai lại thay đổi. Hôm nay tốt, ngày mai xấu hoặc ngược lại. Có kẻ hôm qua là sát nhân, nhưng hôm nay sau khi hối hận ăn năn là Bồ Tát.

Cho nên chúng sanh và Bồ Tát không khác nhau là vậy. Đừng kẹt vào nhị nguyên và sự chấp trước thì chúng ta sống thoải mái vô cùng. Còn ai đó nếu không hiểu giáo lý của Đạo Phật cứ chạy theo hình bắt bóng thì không bao giờ có được.

Mới đây chúng tôi có dịp đi Ý để làm lễ và thuyết giảng tại Niệm Phật Đường Viên Ý, quý đạo hữu có dẫn chúng tôi đến nhà thờ St. Antonio tại Padova. Nơi đây còn tàng trữ cái lưỡi và quai hàm của Thánh Antonio. Mặc dầu Thánh đã mất cách đây mấy trăm năm rồi. Đây không phải là một hiện tượng lạ mà tôn giáo nào cũng có cả, chứ không phải chỉ Phật Giáo mới có. Quý vị nào ở Ý hay ở các quốc gia khác, nếu có cơ hội, nên đến Padova để xem những hình thức Xá Lợi của Đạo Thiên Chúa.

Thượng Tọa Quảng Bình, tôi và Thầy Đồng Văn cũng đã đến thành phố Firenze tại Ý và vào trong nhà thờ, nơi mà ông Gallilé đã phát minh ra rằng quả đất hình tròn chứ chẳng phải hình vuông và quả đất xoay xung quanh mặt trời chứ không phải ngược lại như Thánh Kinh đã nói. Sau đó Tòa Án La Mã đã kết án và bảo ông phải nói lại cho giống Thánh Kinh, nhưng ông đã không làm điều đó và trước khi bị chết, ông vẫn nói những điều như ông đã phát minh. Ngày nay La Mã vẫn còn và những sự thật vẫn còn. Ai muốn nghiên cứu lịch sử thì hãy đọc sách hoặc đến tận chỗ để xem thì có lẽ tận tường hơn,



Cố Cung và bây giờ là Tu Viện Punakha Dzong

nhưng một điều căn bản mà chúng ta phải hiểu là không có gì nhất định cả. Vì mọi vật đang thay đổi, nên pháp cũng phải thay đổi vậy thôi.

Sau khi thăm nhục thân Bồ Tát tại Tashichhodzong, phái đoàn chúng tôi về lại khách sạn và chuẩn bị hành lý để đi Punakha và sẽ không về lại đây nữa. Đường đi từ Thimphu đến Punakha không xa mấy, cách Thimphu về hướng đông độ chừng 77 cây số, nhưng xe chạy qua đèo, quanh đi quẩn lại phải mất đến 4 tiếng đồng hồ. Punakha nằm cạnh con sông Mo Chhu (sông mẹ) và Pho Chhu (sông cha).

Trên đường đi, chúng tôi nhìn ngắm hai bên thật thỏa chí. Ai mệt thì nghỉ và thỉnh thoảng cũng có những cánh đồng xanh đầy đó, có bầy chim hay bầy quạ bay

ngang vỗ cánh kêu lên thất thanh mấy tiếng như nhắc nhở mọi người là đừng quên ngắm cảnh đẹp thiên nhiên.

Anh tài xế xe nhỏ đưa chúng tôi đến khách sạn trước, nhưng chúng tôi được biết là vị Thị Trưởng thành phố Punakha đang chờ cùng vị Đại Sư Giám Viện. Do vậy, tôi hối anh tài xế là nên đưa chúng tôi đến Tu Viện Punakha gấp. Mà thật thế, khi xe nhỏ chúng tôi đến thì xe bus đưa đoàn của chúng tôi cũng vừa đến. Lúc đến đây ai cũng mệt, nhưng nhìn chung quanh Tu Viện rất đẹp, nhất là những hàng cây trổ bông màu tím vây kín cổ cung. Hai bên Tu Viện là 2 con sông với dòng nước êm ả đang lững lờ trôi. Quả là một phong cảnh rất hữu tình.

Ở đây xin nhắc qua một chút lịch sử của Punakha Dzong. Tu viện này là một tu viện quan trọng đứng hàng thứ 2 của Bhutan. Nhiều năm về trước cho đến đời vua thứ 2 thì nơi đây là thủ đô của chính phủ. Việc kiến tạo Punakha được Guru Rinpoche mô tả như sau: “... Có một người tên là Namgyal muốn đến một ngọn đồi và thấy đó như là một con voi.” Sau đó Shabdrung đến Punakha và thấy rằng đây là một nơi như con voi đang nằm ngủ, nằm yên 2 bên con sông Mo Chhu và Pho Chhu. Đây là nơi nên xây một tu viện.

Tu viện này được bắt đầu xây năm 1637 và hoàn thành vào những năm sau đó. Tên đầu tiên là Druk Punythag Dechen Phodrang có nghĩa là Cung điện Đại Hỷ. Sau đó thì bị Tây Tạng chiếm đóng vào năm 1639. Chiến tranh cũng đã làm hư hại rất nhiều. Tăng Sĩ Shabdrung thành lập tu viện này với 600 vị. Khi thủ đô dời về Thimphu thì Punakha vẫn được xem như cung

diện mùa đông với sự có mặt của chư Tăng đại biểu. Tu viện cũng là trụ sở của chính phủ. Khi Punakha còn là thủ đô thì Vua Jigme Dorji Wangchuck cũng đã tập trung các đại biểu về đây dự hội nghị vào năm 1952.

Tu viện Punakha Dzong này có chiều dài 180 mét, ngang 72 mét, có độ cao của 6 tầng lầu. Tháp chuông bằng vàng được xây dựng vào năm 1676 bởi Punakha Dzong Gyaltsen Tenzin Rabgye. Một cây cầu được xây qua giữa 2 sông, bắc ngang qua tu viện, được xây năm 1720 đến 1730 thì hoàn thành. Ngài Shabdrung Ngawang Namgyal đã viên tịch nơi đây và nhục thân của Ngài cũng đang tôn trí tại Machey Lhakhang trong tu viện này. Không phải ai cũng có thể vào đây và có thể mở cửa được. Ngoài 2 Lạt Ma Machin Zimpon và Machin Simpon thì chỉ có nhà Vua và vị Je Khenpo mới có thể



*Cùng với vị Thị Trưởng thành phố Punakha
và các vị Dân Biểu địa phương*

vào phòng này. Cả 2 vị này vào đây để cầu nguyện trước khi họ lâm triều.

Đầu tiên thì vị Thị Trưởng thành phố Punakha tên là Drabi Lopen tiếp chúng tôi khi mới xuống xe. Hôm ấy ông ta mặc đại lễ phục của triều đình, có gươm báu đeo bên mình, theo sau là quân lính hầu, cũng như đứng chào chúng tôi ở tư thế là một quốc khách. Vị Thị Trưởng nói tiếng Anh rất lưu loát. Đường lên tu viện có 3 ngõ. Ngõ giữa chỉ dành cho Vua và các bậc Đại Sư đi. Hôm đó tôi được hân hạnh đi con đường này. Đường 2 bên dùng cho quan và dân đi, và phái đoàn đã đi con đường đó.

Đường nào thật ra cũng dẫn đến một đích duy nhất thôi, nhưng ngày xưa thì có phân chia ra như thế, chứ bây giờ đã dân chủ nhiều rồi, không còn phân biệt nặng nề giữa vua và dân cũng như giữa người lãnh đạo và thân tộc nữa. Mới đây nước Đức có một điều đặc biệt mà truyền hình nhà nước vẫn thường hay lưu tâm chiếu đi chiếu lại nhiều lần như sau:

Sau khi ông Schroder lên làm Thủ Tướng nước Đức, ông ta muốn tìm lại người cha đã mất tích sau Đệ nhị Thế chiến và cuối cùng thì nhân lễ Phục Sinh năm 2001 người ta đã tìm ra tông tích là mồ mả của cha ông Thủ Tướng hiện chôn tại một vùng nhỏ ở Tiệp Khắc và gia đình còn lại là mẹ già, em trai và chị gái đang sống tại Thổ Nhĩ Kỳ. Bây giờ thì họ nhìn lại nhau, chứ ngày trước không biết vì lý do gì mà gia đình bỏ ông Thủ Tướng sống một mình nơi nước Đức, còn mọi người thì lưu lạc sang Đông Âu. Câu hỏi ấy vẫn chưa được trả lời. Có lẽ lý do chiến tranh là chính, nhưng cũng có thể vì đông con quá nuôi

không nổi cho nên gia đình đẩy ông đi xa để tự sống. Thế rồi ông từng làm đủ thứ nghề, từ nghề đồ gốm cho đến đi bỏ báo và tự học từ nhỏ đến lớn. Đến khi học Đại Học thì cực hơn, ban ngày đi làm và ban đêm đi học để cuối cùng tốt nghiệp Tiến Sĩ và ông cũng đã tham gia chính trị để leo lên đến tột đỉnh của quyền uy. Trước khi làm Thủ Tướng của nước Đức, ông là Thủ Tướng của Tiểu Bang Niedersachsen thuộc Đảng SPD đang cầm quyền.

Thế rồi mùa tranh cử năm 1998 vừa qua, SPD đã thắng và ông ra tranh cử chức Thủ Tướng cũng thành công. Riêng nói về cuộc đời của ông thì quá khổ sở, có 3 hay 4 đời vợ, nhưng bà nào cũng có vấn đề rồi ly dị. Lương của ông phải phân chia cho nhiều bà nên chẳng còn lại là bao nhiêu. Bây giờ sau khi làm Thủ Tướng ông đã tìm lại cội nguồn và gặp lại tất cả. Những bà chị và em của ông nói tiếng Thổ rất rành và khi mặc đồ Thổ thì người ta không thể phân biệt được là người Thổ hay người Đức nữa. Em ông làm thợ ống cống. Chị ông làm trong các tiệm tạp hóa vẫn bình thường như mọi người. Chỉ có điều là tên họ của họ đã đổi khác và họ vẫn còn nói được tiếng Đức rất rành. Nếu là người Việt Nam mà làm lớn như thế thì cả họ được nhờ rồi, chứ nói gì đến anh em trong gia đình.

Khi phỏng vấn bà chị của ông Thủ Tướng thì bà cho biết rằng tôi rất vui khi em tôi làm Thủ Tướng, nhưng khi tôi đến thăm em tôi thì không phải tôi thăm Thủ Tướng mà tôi thăm đứa em bé nhỏ của tôi tự thuở nào. Đúng là một câu trả lời tuyệt mỹ vậy. Đa phần khi người ta “giàu thì bỏ bạn, sang thì bỏ vợ”, nhưng ở trong trường hợp này chúng ta có nhiều bài học để rút tỉa ra lắm.



Trước Tu Viện Punakha Dzong)

Thứ nhất, không phải “thời thế tạo ra anh hùng” mà chính khả năng của ông Schroder tự vươn lên trong cuộc sống và tự tin ở chính mình nên mới được như ngày hôm nay, trong khi chị em ông vẫn là những người dân lao động rất bình thường và vẫn bị thất nghiệp như bao nhiêu người khác.

Thứ hai là xã hội dân chủ không có sự bao che, bè phái hay gia đình trị. Nghĩa là bốn phận của ai nấy làm. Điều này khác hẳn với các chế độ vua chúa ngày xưa và các chế độ độc tài hay cộng sản ngày nay.

Khi chúng tôi vào trong Tu Viện thì mới thấy cái hùng vĩ của cố cung này. Đi đâu cũng thấy lính hầu và cột nhà, cột chùa, cột cung điện, tất cả đều được bao bọc bởi vàng lá có chạm hình rồng nổi. Khi chúng tôi lên đến



Cùng với các quan chức địa phương

tầng trên cùng thì gặp vị Đại Sư Dasho Dzongda, giống như là Tu Viện Trưởng của Tu Viện này.

Được biết tại đây có 350 tu sĩ đang tu học, nên Sư Bà Bảo Quang, Ni Sư Diệu Phước và một số Phật Tử khác hùn tiền lại để cúng dường một cách phổ đồng mỗi vị 30 Nu.

Chúng tôi cũng được biết là chùa đang chuẩn bị đốt nến để chuẩn bị cho pháp hội Di Đà, nên mọi người đều chung tiền để hỗ trợ công việc Phật sự ấy. Khi quý vị đánh lễ, tôi có giới thiệu về truyền thống Ni bộ Việt Nam cũng như những Phật Tử đi cùng cho Đại Sư nghe. Nghe xong, Đại Sư có cho mỗi người một sợi chỉ và bảo rằng để hộ thân, khi đi xe bị tai nạn hay máy bay có sự cố thì chính những sợi chỉ gia trì này sẽ giúp bảo vệ mình. Lúc ấy chúng tôi chẳng để ý, mà dẫu cho có người để ý đến

nữa thì cũng nghĩ rằng mình đang ở trong hoàn cảnh tốt làm sao có những sự cố như thế được.

Ở đời có nhiều việc mình không chờ đợi, nhưng nó vẫn đến để trả nghiệp. Hoặc ngược lại có nhiều việc mình chờ đợi mà nó vẫn không đến. Đó là duyên chưa thành thực, chín muồi vậy. Âu tất cả cũng là nhân duyên thôi. Giống như tôi đi Bhutan cũng là nhân duyên, mà tôi bị ở lại Bhutan mấy ngày cũng là việc bị nhân duyên chi phối mà thôi, chứ không có gì khác cả.

Vì tu viện đang tu bổ nên chúng tôi không có chỗ lễ Phật nơi chánh điện. Tuy nhiên chúng tôi được chiêm ngưỡng cách tạo tượng của các nghệ nhân Bhutan cũng rất tài tình, không khác gì những nghệ nhân điêu luyện của Trung Quốc và Nhật Bản. Chính giữa chùa thờ



Phái đoàn chụp ảnh lưu niệm trước cố cung

tượng Đức Phật, cao chừng 10 mét, hai bên thờ Ngài Liên Hoa Sanh và người có công thống nhất Bhutan. Hình dáng các vị này như là những dũng tướng nhưng rất mực từ bi.

Ở giữa sân tu viện này có một cây bồ-đề rất lớn. Tôi không hiểu nổi là khí hậu ở đây rất lạnh mà sao vẫn trồng được cây này, trong khi ở xứ Đức, tôi trồng cây bồ-đề 20 năm nhưng vẫn còn nằm trong một chậu kiếng.

Kể ra việc thực hiện sự giác ngộ, giữa Đông và Tây có nhiều điều khác nhau lắm. Cũng ví như ngày nay Phật Giáo đã tràn vào phương Tây, thôi thì đủ mode, đủ cỡ, đủ loại. Thật là trăm hoa đua nở. Đẹp chứ có sao đâu, nhưng thỉnh thoảng cũng có nhiều loài hoa mang theo những tai họa dị ứng cho kẻ khác.

Người Tây Phương không nặng về hình thức tín ngưỡng đã đành, nhưng tin Phật Giáo chỉ duy nhất có Thiên Tông thôi thì quả rằng chưa đủ. Người ta nghĩ rằng Thiên có thể giải quyết mọi vấn đề, nhưng điều đó hẳn không đúng. Vì Phật dạy có vô lượng pháp môn tu để đi đến giải thoát, chứ không phải chỉ duy nhất có một con đường độc nhất như thế. Hiện tại ở Đức có ít nhất là 450 tu viện, chùa, trung tâm Thiên học Phật Giáo và cũng đã có nhiều cư sĩ đi tu, trở thành tăng sĩ của các truyền thống Phật Giáo Nhật Bản, Đại Hàn, Trung Quốc, Việt Nam, Thái Lan, Tây Tạng v.v... nhưng cũng có nhiều cư sĩ chuyên để diễn giảng Phật học cho các tầng lớp cư sĩ khác.

Phái đoàn chúng tôi ra về mà lòng băng khuâng nhớ nghĩ về quê hương, trong đó có bài thơ “Thăng Long

Thành Hoài Cổ” của Bà Huyện Thanh Quan chắc là ai cũng biết và nhất là bài “Cố đô giờ đã ra sao?” của Thượng Tọa Thích Tịnh Đức, thì trong lòng tôi sao mà xao xuyến lạ lùng.

Đến đây cũng để học hỏi thêm rằng Phật Giáo tại xứ Bhutan này đã giúp cho quốc gia phát triển về chiều sâu của tinh thần, thật không có bút mực nào tả xiết. Nhờ Phật Giáo mà mỗi sinh mới được tôn trọng như thế. Nhờ Phật Giáo mà quê hương này mới được đề ý đến và phải nói rằng nhờ những vị Vua là những Phật Tử thuần thành nên mới tôn trọng đức tin và thể hiện đức tin này vào con người cũng như sự vật, nên mới có thể thành tựu như vậy.

Khi về khách sạn Zangto Pelri thì được biết rằng khách sạn này do vợ của ông Bộ Trưởng Văn Hóa đứng trông nom và khách sạn này xây theo phong cách Tây Phương nên rất thoáng mát cũng như sạch sẽ.

Tối hôm đó tôi không ăn cơm nước được nữa, mà nằm liệt nơi giường. Có quý Thầy, Cô và Phật Tử đến thăm cũng như cạo gió. Hầu như lần nào tôi đi hành hương cũng đều bị như thế cả. Có lẽ vì đã gắng sức quá nhiều, nên đã không đủ lượng Vitamin C dự trữ trong người. Thế là thuốc và thuốc tới tấp bay vào phòng ở của tôi.

Ai cũng lo vì tôi là Trưởng phái đoàn mà bị đau và phải ở lại nhiều ngày tại đây thì nguy lắm. Nhưng dù sao đi nữa khách sạn này cũng đẹp, nên chúng tôi đã yêu cầu được ở lại thêm một ngày nữa. Một phần để dưỡng sức và một phần để chiêm ngưỡng cảnh đẹp của thiên nhiên tại đây. Nếu trong đoàn có Bác sĩ thì lúc ấy

tôi đã đỡ rồi, nhưng lần này đi chẳng có Bác sĩ nào đi theo, nên tôi đành nằm đó để chờ cho khỏe lại.

Sáng hôm sau khi mặt trời chiếu qua song cửa sổ thì tôi cũng đã bắt đầu thấy khỏe khoắn lại. Cố gắng lên dùng cháo và có gặp một số người Nhật tại đây. Dẫu sao đi nữa ngày hôm ấy là một ngày trọng đại, tôi không thể không đi được.

Chương VIII.

Thế giới Tây Phương Cực Lạc

Sáng ngày 28 tháng 4 năm 2001 thì tôi bắt đầu khỏe lại và có thể lội bộ được. Do vậy mà tôi quyết tâm sẽ đi cùng đoàn, vì hôm ấy sẽ gặp hai vị quan trọng trong Hội Đồng Cố Vấn của nhà Vua. Cả hai vị đều là tăng sĩ. Một vị để tóc tu theo phái có gia đình và một vị khác sống độc thân và là Đương kim Phó Tăng Thống của Bhutan.

Đường đi từ khách sạn Zangto Pelri đến Nyinzer gang không khó lắm và cũng chẳng xa bao nhiêu. Độ chừng 15 phút lái xe là đến, nhưng phái đoàn chúng tôi phải đi bộ lên núi mất khoảng hơn một tiếng đồng hồ. Dọc đường tôi thấy hôm đó có họp chợ ngoài trời. Mọi người ở thôn quê đem tất cả những sản phẩm trồng được ra đây bán. Thế là cả đoàn người đi ngoại giao của chúng tôi đều vui mừng. Mọi người đua nhau xuống xe, kẻ chụp hình, người quay phim, người trả giá để mua một món hàng nào đó. Không khí thật là vui. Khi mua xong ai cũng thử tính lại mấy đồng Đức Mã, thì giá cả chẳng là bao, rẻ hơn 10 lần so với ở Đức, nhưng có điều là cam không có nước, chuối chẳng ngọt mà còn bé tí teo nữa. Ngoài ra rau cỏ cũng ít xanh hơn những nơi khác tại Âu Châu. Để an ủi với nhau, mọi người nói rằng: Đây là miền núi mà! Thế rồi cũng qua đi.

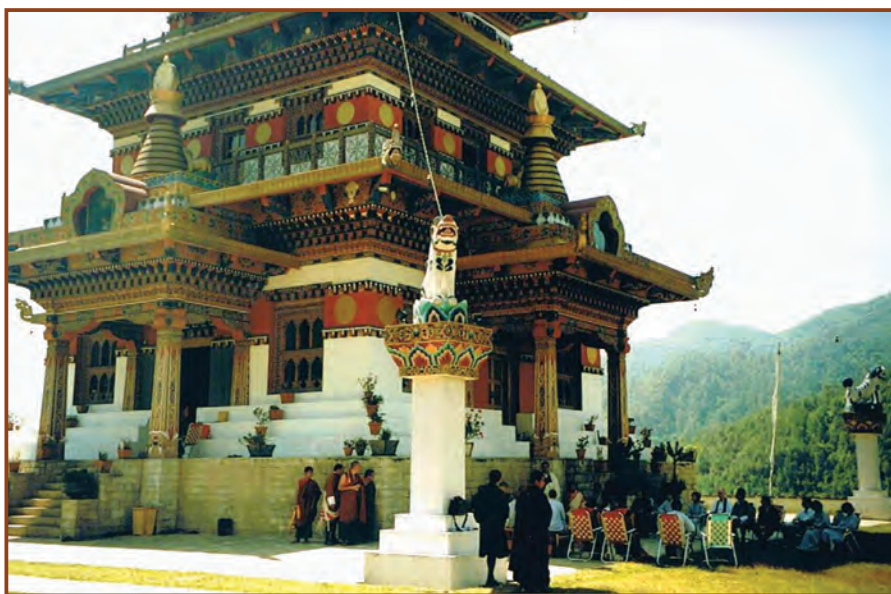
Ông Thị Trưởng đón chúng tôi tại dưới chân cầu để đưa lên chùa trên đỉnh núi. Từ dưới chân núi đã thấy chùa, nhưng đi mãi, đi mãi vẫn còn xa. Đâu đó hai bên đường đi bộ có những ruộng lúa chứa đầy nước. Thỉnh thoảng cũng có một ít ruộng trồng đậu và khoai môn. Trông thật hữu tình. Cảnh ở đây đẹp quá. Dân chúng thì nhàn nhã. Mà con người lại an lạc hạnh phúc.

Đọc đường đi tôi có hỏi ông Thị Trưởng rằng :

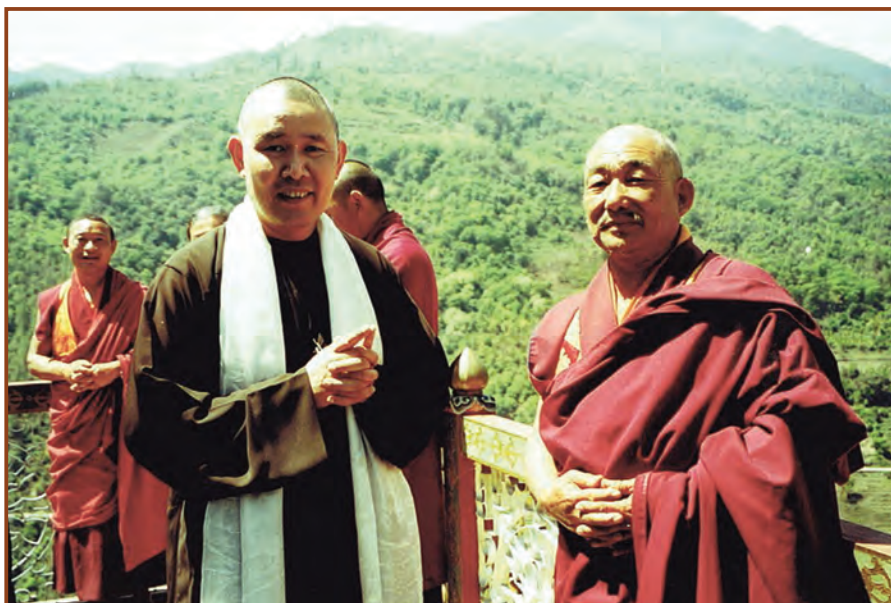
- Tại sao ngày xưa các vị Đại Sư làm chùa xa và cao như vậy?

Ông trả lời rằng:

- Sở dĩ như vậy vì có 2 vấn đề. Thứ nhất là các vị Đại Sư muốn xa lánh thế tục, càng xa càng tốt. Thứ hai là để chỉ những kẻ có lòng mới lên tới chùa mà thôi, còn những người thiếu nhân duyên thì không.



Chùa Cực Lạc



Trò chuyện với Ngài Phó Tăng Thống Dorji Lopen

Đây là hai lý do chính, còn những lý do phụ nữa, không phải là không có. Dọc đường đi có những vòi nước lạnh để cho khách hành hương hứng rửa mặt cho mát dạ, mát lòng. Hoặc cũng là rửa sạch mọi bợn nhơ trước khi vào cõi thanh tịnh.

Khi đến cửa thì chuông trống, tù và đã thổi lên để đón phái đoàn và tôi để ý thấy phía bên phải cổng chùa cũng có hun khói thông như chùa hôm trước đã đón chúng tôi, là một nghi lễ dành để nghênh đón các bậc Đại Sư.

Ngài Phó Tăng Thống đang chủ trì pháp hội Di Đà trong 21 ngày ở đây, cũng có mặt để đón phái đoàn và chúng tôi cũng đã trao tịnh tài cúng dường cho chùa cũng như Tăng chúng. Ngài Phó Tăng Thống biết rất rõ về sự liên hệ giữa phái đoàn và Phật Giáo Bhutan qua việc tổ chức Expo năm 2000 tại Hannover vừa qua.



Trao tịnh tài cúng dường

Hôm đó phái đoàn chúng tôi được ngồi ngoài trời, trước hiên chùa để đàm đạo. Vì bên trong đang có Pháp Hội. Ngài Phó Tăng Thống không nói tiếng Anh được, nên phải nhờ anh Kunzang thông dịch. Chúng tôi được biết Ngài là một trong sáu vị quan trọng trong Hội Đồng Cố vấn của Hoàng Gia Bhutan. Kế tiếp bên tay trái của chúng tôi là Ngài Khamsum Yuley Namgyel Chorten tu theo phái có gia đình và là Thầy của Vua. Ông để tóc, mặc áo đỏ, đắp y trắng và pha nhiều màu khác nhau.

Chúng tôi gọi cuộc gặp gỡ này là “Tương kiến Quốc Sư đương triều”. Đúng là một đại nhân duyên. Mà nhìn dung nghi của các Ngài cũng tương xứng với địa danh này quá, như những ông tiên thoát tục đang ở chốn Cực Lạc Tây Phương này.



Anh Kunzang thông dịch cho vị Phó Tăng Thống và Quốc Sư

Hôm đó chúng tôi được đãi nước giải khát Coca-Cola hay Fanta ướp lạnh. Vì trời hôm ấy rất nóng. Có lẽ chừng 30 độ C. Các Ngài đưa chúng tôi lên tầng một, rồi tầng hai, rồi tầng ba, rồi nhiều tầng nữa ở phía bên trên. Đi theo lối nhiễu Phật, nghĩa là đi từ trái qua phải theo chiều xoay của kim đồng hồ. Mỗi một Pháp Hội như thế, chư Tăng tụng kinh rất trang trọng. Lời kinh cao vút, chuông mõ, linh tang nhịp nhàng như nhắc lại mọi người phải mau tu kéo trễ. Mọi người cứ thế mà lễ bái và phát tâm cúng dường. Có lần tôi sắp để tiền lên bệ thờ thì thấy trên bàn ấy có để những lát thịt tươi chung với ngũ cốc để cúng Phật. Sau này hỏi ra mới biết vì chư Phật muốn độ sanh, phải hiện ra những hình thức khác nhau, cho nên nhu cầu cũng khác nhau vậy. Đa phần chư Tăng và Phật Tử Bhutan không ăn chay,

nhưng phái đoàn chúng tôi đi đâu cũng dùng chay nên họ phải hỏi đi hỏi lại rất kỹ, trước khi nấu cho đoàn một món gì để dùng.

Lên trên đỉnh chùa đảo mắt nhìn chung quanh toàn cảnh thì đúng là thế giới Tây Phương. Cảnh vật đẹp tuyệt vời, giống như trong kinh A Di Đà đã mô tả. Thế là phái đoàn của chúng tôi đã có cơ duyên về Tây Phương Cực Lạc tại Bhutan. Ngài Phó Tăng Thống bảo rằng sau những Pháp Hội như thế thì chư thiên có rải hoa cúng dường hoặc mưa hoa chúc mừng. Ai nghe cũng sinh tín tâm, nhưng chờ đến lúc ấy thì có lẽ còn phải cần nhiều ngày ở lại đây nữa mới được.

Ngài có cho biết rằng nơi đây cũng là trung tâm của vũ trụ. Vì lẽ từ Hy Mã Lạp Sơn này lời cầu nguyện sẽ được vang dội đi khắp nơi trong cõi Nam Diêm Phù Đề và nếu chúng sanh biết tu, bỏ dữ làm lành thì trước sau gì cũng sanh về thế giới Cực Lạc của Đức Phật A-di-đà. Lúc đi xuống thì Ngài cáo từ để vào Pháp Hội trở lại ở tầng ba, còn đoàn chúng tôi tiếp tục xuống phía dưới và Quốc Sư đã tiễn đưa chúng tôi ra đến tận ngõ.

Lúc xuống núi thì rất dễ dàng. Vì vậy nên mọi người đi như chạy. Dọc đường chúng tôi có gặp một số người từ Thimphu và Paro đến hành hương. Họ hỏi anh Kunzang có phải tôi là một vị Lạt Ma không? Sau đó họ lần lượt đưa đầu và cúi thấp xuống để tôi lấy tay đặt lên đầu họ và chúc phúc. Theo truyền thống của Phật Giáo Tây Tạng và Bhutan, khi đi hành hương mà gặp được những vị tăng sĩ như thế là một điềm lành. Hôm đó họ về nhà sẽ kể cho vợ con họ, cho gia đình họ và cho xóm làng

rằng họ đã gặp được những vị Lạt Ma. Đó là một niềm vui, một hạnh phúc lớn.

Quả thật mỗi dân tộc có một quan niệm khác nhau. Mặc dầu người Bhutan nghèo hơn các xứ khác tại Á Châu và Âu Châu, nhưng họ không khổ. Bằng chứng là không có một người ăn mày nào tại đất nước này. Họ không có trộm cướp và tà đạo. Như vậy toàn dân họ đã thực hiện đúng tinh thần ngũ giới nên họ mới được an lạc.

Theo luật định thì người Bhutan không được giết cá. Chẳng biết lý do tại sao? Có lẽ vì xứ Bhutan hiếm cá, nhưng cũng có thể là một lý do nào khác nữa cũng nên. Nếu có ai đó bán cá thì hẳn phải là người Ấn Độ chứ không phải người Bhutan.

Cũng hệt như thế, người Tây Tạng không giết những con trâu rừng để làm thịt. Chỉ có những người theo đạo Hồi mới làm việc đó mà thôi. Đây là lý do tôn giáo và cũng có lẽ thuộc truyền thống hay định kiến của một phong tục như vậy.

Tôi không biết người Ấn Độ bắt cá ở vùng nào để đem bán cho người Bhutan, chứ nhìn dưới nhiều dòng sông gần đó chẳng thấy bóng một con cá nào cả. Vì nước đây rất trong, không rong rêu và rất lạnh. Nước từ độ cao mới chảy xuống, nên chẳng có con cá nào sống được tại đây. Đôi lúc cũng có những con sông có tên là “dòng sông không có cá”. Có lẽ người Ấn Độ khi định cư ở đây họ mang cá từ Ấn đến đây để bán cũng nên.

Không bán cá, nhưng ăn thịt những con cừu trông cũng rất là tội nghiệp. Tôi đã chứng kiến mấy lần trên đường đi và tại Thimphu. Họ xẻ thịt cừu và phanh ra

từng mảnh. Có nơi ăn không hết phải đem phơi khô dọc theo hai bên bờ tường. Trông mà tội nghiệp. Cách tốt nhất là không nên sát sanh và không nên ăn thịt chúng sanh để giữ gìn lòng từ bi đối với muôn loài.

Ngày nay qua những trận dịch bệnh của bò, heo, gà tại Âu Châu, có rất nhiều người không còn muốn ăn thịt nữa vì sợ lây bệnh. Ở xứ Đức, nghe đâu có khoảng 3 triệu người không ăn thịt, mà chỉ ăn toàn rau cải, đậu nành. Cho nên Phật Giáo Việt Nam chúng ta khi giới thiệu về thức ăn chay trong hoàn cảnh này thì người Đức rất hoan hỷ và chấp nhận một cách dễ dàng.

Chúng tôi rời chùa Di Đà, hay nói đúng hơn là thế giới Tây Phương Cực Lạc, trong luyến tiếc ngậm ngùi. Vì ở đây lòng người hòa chung với cảnh vật đẹp quá, mà có lẽ trong trần gian này những nơi mà tôi đã tới chưa có cảnh nào bằng. Không biết bao giờ tôi mới trở lại đây được nữa, nhưng dầu cho ở đâu trong kiếp nhân sinh nào đi chăng nữa, tôi cũng sẽ không quên khung cảnh hôm ấy đã gặp gỡ Quốc Sư đương triều và vị Phó Tăng Thống của Phật Giáo Bhutan tại chùa Di Đà này.

Lẽ ra sau khi dùng cơm trưa xong tại khách sạn là chúng tôi phải đi về Paro để ngày 30 tháng 4 về lại Đức và Âu Châu, nhưng trong đoàn ai cũng mệt, nên muốn ở lại đây thêm một ngày nữa. Nói cho đúng, chỉ một buổi chiều và một đêm nữa thôi. Sau khi anh Kunzang gọi về Thimphu thì Bộ Ngoại Giao đồng ý.

Chiều hôm 28 đó chúng tôi nghỉ ngơi, một số đi dạo và một số khác đi chợ. Đến 16 giờ chiều thì có Thầy của 2 Thầy Gap và Dorji đến thăm phái đoàn cũng như giảng

pháp. Hôm đó Hòa Thượng nói về cách ngồi Thiền và phương pháp tu của Ngài Quán Thế Âm. Ngài nói tiếng Tây Tạng và tiếng Bhutan. Hai Thầy kia dịch ra tiếng Anh và Thầy Thông Trí dịch ra tiếng Việt. Đại để thì kinh văn ở đâu cũng giống nhau. Chỉ có cách hành trì của người Phật Tử mới là điều quan trọng.

Đêm hôm đó chúng tôi ngủ một giấc ngon lành để chờ đến sáng sớm hôm sau, ngày 29 tháng 4 năm 2001, thì xe chở về Paro để chuẩn bị về Âu Châu. Trên đường đi có ghé thăm một Tu Viện của nữ giới Bhutan. Đó là đề nghị của Sư Bà Thích Nữ Diệu Tâm. Do vậy mà phái đoàn ghé vào, nhưng sau khi vào đây rồi ai cũng tỏ ra thất vọng, nhất là những nhân viên chính phủ. Vì lẽ trong chương trình thăm viếng không có Ni Viện này.

Họ sống không có tổ chức như bên Tu Viện của chư Tăng. Đặc biệt là không sạch sẽ. Lẽ ra bên Ni phải chu đáo vấn đề này mới phải, nhưng ở đây thì ngược lại. Khi vào chánh điện quá âm u và Sư Mẫu già mệt nên không tiếp. Sư Mẫu là vợ của một Lạt Ma đã viên tịch, mà vị này có công gây dựng lại truyền thống của Ni giới, nên đa phần người nữ đều nương tựa nơi đây, nhưng thực ra chẳng có hoặc chưa có một tổ chức nào cho Ni giới ở xứ này. Ngay cả Phật Giáo Tây Tạng cho đến ngày nay vẫn còn một khoảng trống rất lớn về trường hợp này. So ra như vậy dễ thấy rằng Ni giới Việt Nam, Đại Hàn, Trung Quốc và Nhật Bản là những nơi được giới luật bảo vệ một cách rõ ràng. Đó là một phước duyên vậy. Chỉ thăm ngắn thôi, nhưng cuối cùng Sư Mẫu cũng ra tiếp phái đoàn, nhiều người trong chúng tôi cũng tỏ ra thất vọng, nên muốn hỏi hả về Paro cho rồi.

Đến Paro lúc quá trưa và khách sạn Olathang là một khách sạn đẹp cho nên mọi người tương đối hài lòng. Nghỉ ngơi một chút, chiều hôm ấy chúng tôi đã đi thăm Viện Bảo Tàng Quốc Gia và nơi Ngài Liên Hoa Sanh phi thân qua xứ khác.

Khi Thượng Tọa Thích Quảng Bình thăm Viện Bảo Tàng Quốc Gia xong, Thầy phát biểu rằng nước Việt Nam mình xưng là mấy ngàn năm văn hiến và Phật Giáo Việt Nam cũng đã có mặt gần 2000 năm trên quê hương, nhưng chưa có một công trình nào như thế này cả, quả là đáng buồn và cũng nên tự xét lại.

Lời nói ấy không sai chút nào. Vì chúng ta có ra đi như thế chúng ta mới có cơ hội để so sánh và học hỏi lẫn nhau. Một đất nước như Bhutan, chỉ có gần một triệu dân, diện tích chỉ 47.000 cây số vuông, nghĩa là về dân số bằng một phần tám mươi ($1/80$), về diện tích bằng một phần tám ($1/8$), thế mà họ vẫn còn giữ nguyên vẹn những bản kinh văn của Ngài Long Thọ, Mã Minh, Vô Trước, Thế Thân từ mấy chục thế kỷ trước. Tuy rằng họ lập quốc chưa đến một ngàn năm. Còn nước ta bảo quản được gì? Xin suy nghĩ lại.

Ngay cả nước Đức này cũng chỉ gần 900 năm, nước Mỹ và nước Úc cũng chỉ 200 năm, nghĩa là họ còn có sau văn chương truyện Kiều khi Nguyễn Du viết ra bằng thơ lục bát nữa. Lúc ấy đã là một tuyệt tác rồi, nhưng bây giờ ngoảnh mặt lại thì họ đã chạy trước ta chứ không còn đi sau nữa.

Trong Viện Bảo Tàng Quốc Gia này đa phần tàng chứa những bức tranh Phật và những tượng Phật cũ.

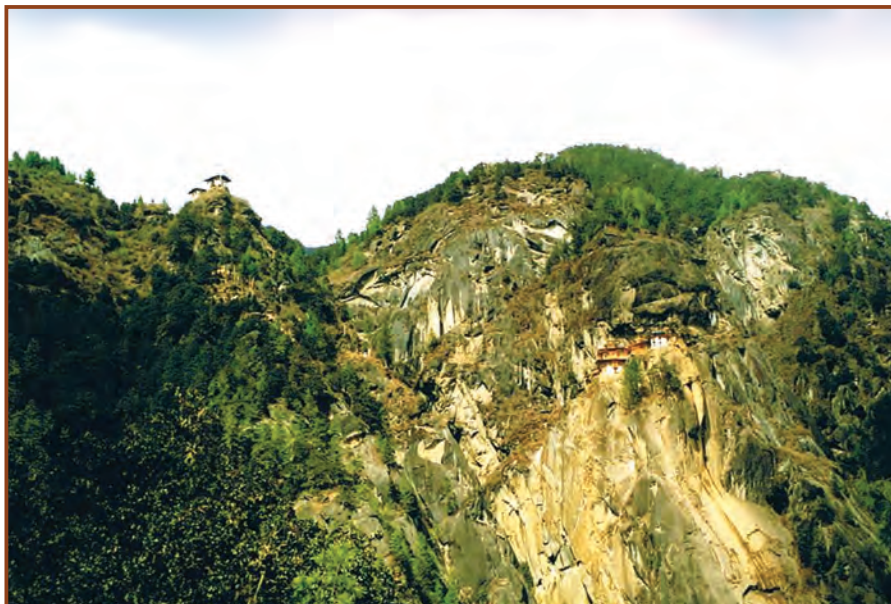
Sau đó là những dụng cụ dân dụng hay các con thú hiếm hoi của Bhutan. Ngoài ra họ cũng còn bảo lưu những cây cỏ rất quý giá của xứ này.

Ông Giám Đốc Viện Bảo Tàng là một vị Tiến Sĩ tốt nghiệp tại Anh quốc, tiếng Anh rất trôi chảy, khi giới thiệu cho đoàn chúng tôi những bức tranh ông cũng không che giấu sự hãnh diện về nền văn hóa nghệ thuật của đất nước mình.

Viện Bảo Tàng này nằm tại Paro, cách phi trường không xa mấy. Trước đây là một pháo đài được xây dựng lên để chống lại người Tây Tạng. Đặc biệt người Bhutan rất ghét người Tây Tạng, vì Tây Tạng đã 3 lần xâm lăng Bhutan và 3 lần đều thất bại. Do vậy, việc gì không vừa ý hoặc xấu nhất thì họ bảo: “Sao mà giống Tây Tạng quá vậy?” Ngay cả bây giờ họ vẫn còn sử dụng tiếng Tây Tạng khi tụng kinh, đọc chú, nhưng những đau đớn của quá khứ họ vẫn chưa quên được.

Ở thế kỷ 21 này, việc đi chiếm giữ thuộc địa không còn nữa. Chỉ có quốc gia nào mạnh về kinh tế và ngoại giao thì quốc gia ấy sẽ nắm vai trò chỉ đạo. Ngay cả mạnh về quân sự trong hiện tại cũng không giúp ích gì cho quốc gia. Bằng chứng là trong hiện tại có nhiều nước không có Bộ Quốc Phòng.

Sau khi thăm Viện Bảo Tàng Quốc Gia rồi, phái đoàn chúng tôi đến thăm một ngọn núi mà nơi đó tương truyền rằng Ngài Padmasambhava (Liên Hoa Sanh) đã phi thân từ đây sang Tây Tạng và Sikkim để truyền bá Đạo Phật và sau đây là một chút lịch sử về Ngài.



Nơi Ngài Padmasambhava (Liên Hoa Sanh) phi thân

Ngài còn có tên là Guru Rinpoche, cũng còn được gọi là một Đạo Sư tôn quý và Ugyen Rinpoche. Padma trong tiếng Sanskrit có nghĩa là “hoa sen”, tiếng Bhutan gọi là Pema. Sambhava có nghĩa là “sinh ra từ”. Ngài có một lịch sử rõ ràng sinh ra trong thế kỷ 8 và sự sinh ra của Ngài đã được Đức Thích Ca Mâu Ni tiên đoán. Ngài cũng được xem như là Đức Phật thứ hai, có năng lực siêu phàm cũng như trí tuệ.

Hình ảnh của Ngài rất quan trọng đối với Phật Giáo Bhutan. Ngài để lại dấu ấn về hình của Ngài trên đá gần thung lũng Choskhoz tại Bamtlang. Khi ngôi chùa Kurjey Lhakhang được xây dựng thì hình ảnh của Guru Rinpoche cũng còn tồn tại nơi đây. Những tượng đang được thờ tại Bhutan là những tượng miêu tả Ngài lúc sang Bhutan từ năm 746 Tây lịch.

Ngài sinh ra tại Uddiyana nằm ở thung lũng Swat, bây giờ thuộc Pakistan. Ngài cũng đã dùng thần lực để đến nhiều lần tại Tây Tạng, Népal, Bhutan, ngồi thiền trong nhiều hang động, mà nơi nào Ngài đã ở, nơi đó có rất nhiều lực gia trì. Với tiểu sử của Ngài cũng giống như người bình thường, không là một Đạo Sư, nhưng qua việc tu luyện cũng như đời sống của Ngài mà người ta gọi Ngài là một Đạo Sư.

Được biết rằng Ngài sinh ra lúc 8 tuổi trong một hoa sen xanh tại hồ Danakosha ở Uddiyana và được nhận làm con nuôi của vua Indrabodhi. Sau đó Ngài sống trong vương tộc cũng như được huấn luyện và xuất gia với Ngài Prabhahasti ở động Maratriha gần làng Harische ở miền Đông Népal. Ngài cũng có danh xưng là Guru Shakya Sengye (Sư Tử dòng họ Thích-ca). Sự đản sanh của Ngài Padmasambhava đã được dự đoán bởi Đức Phật lịch sử Thích-ca Mâu-ni.

Sau khi đã học về Kim Cang Thừa với những vị Đạo Sư người Ấn Độ, Ngài đã có đầy đủ năng lực và được xem như là một vị Thánh. Ngài cũng đã kết hôn với Mandarava, công chúa con vua Zahor thuộc Pradesh của Ấn Độ. Với ảnh hưởng của nhà vua cũng như năng lực của Ngài đã biến hoàng tộc ấy thành Phật Giáo.

Khi Ngài đến Bhutan lần thứ hai và thăm viếng Singye Dzong ở Kurtog cũng như Taktshang ở Paro, Ngài biến thành Dorji Drahpo. Ngài đã chinh phục tất cả mọi người bằng trí tuệ siêu việt và cũng là người đã bảo hộ Phật Giáo, làm cho Phật Giáo được trở lại như lúc khởi nguyên nên ngài được tôn kính gọi là Guru Rinpoche.

Lịch sử của Ngài là như vậy và trên thực tế người Bhutan, Tây Tạng cũng như Népal đều tôn kính Ngài như một vị Thánh. Khi phái đoàn đến Taktshang ở Paro thì chỉ đứng phía dưới chân núi mà nhìn, chứ chẳng ai còn sức lực để có thể băng qua đồi núi đi lên trên đỉnh kia được, nơi có ghi lại hình ảnh của Ngài mà bao nhiêu người đều muốn đến. Cũng đã có không biết bao nhiêu ngôi chùa được xây dựng trên đỉnh núi này.

Mấy ngày sau đó còn ở lại, có một số vị lại đến đây một lần nữa. Đi len lỏi vào những hẻm núi đá cheo leo và lọt vào một động đá nơi có người tu kín, vượt qua bên đỉnh cao để cúng dường xây dựng một ngôi chùa, chứ hình ảnh in sâu trên đá của Ngài Liên Hoa Sanh (Padmasambhava) thì không một ai thấy được. Có thể là nhân duyên chưa đủ chăng?



Tu Viện Rimpung Dzong nơi đóng phim Little Buddha

Sáng ngày 30 tháng 4 năm 2001, chúng tôi được hướng dẫn đi thăm một tu viện rất nổi tiếng tên là Rinpung Dzong, nơi mà phim Little Buddha đã mượn làm cảnh quay và trình chiếu khắp nơi tại Âu Mỹ, về sự tái sinh của một chú bé người Mỹ theo truyền thống của Phật Giáo Tây Tạng. Phim này được giải Golden Camera vào năm 1994 và tôi cũng đã có dịp xem phim này tại rạp chiếu phim ở Đức trong 2 năm về trước. Sau này thì phim Little Buddha cũng được trình chiếu trên truyền hình nữa.

Trong khi đó thì anh Kunzang đi lo vé máy bay để chiều đó 11 vị về lại Bangkok, ngày sau về lại Âu Châu.

Phái đoàn chúng tôi được vào bên trong tu viện và tại đây cũng có rất nhiều khách du lịch đến từ tứ xứ, đặc biệt là người Bhutan. Nơi đây nổi danh nhờ lâu đời và cũng vì trụ sở của vị Tỉnh Trưởng Paro đang đóng trong tu viện này. Không biết trong tâm niệm của người Bhutan họ nghĩ gì, chứ đời sống hằng ngày của họ luôn gắn bó với tu viện và tăng sĩ. Ăn, ở, làm việc, học hành tất cả đều không xa rời quần chúng.

Vào bên trong thấy rất đẹp và khi hình dung lại phim Little Buddha thì đúng là nơi đây rồi. Nơi mà một vị Đạo Sư trước khi viên tịch có để lại những dấu ấn khả tín. Nơi mà một tâm thức đã phân ra làm 3 để đi đầu thai, trong đó có một chú bé người Mỹ. Nơi mà người cha của chú bé ấy đã theo con mình đi đến đây và đây cũng là nơi mà chú bé người Mỹ ấy đã nhận ra những vật nào thuộc về tiền kiếp của mình.



Từ dưới chân Tu Viện

Tu viện này lâu đời lắm. Có lẽ cũng gần 700 năm. Trước đây có lẽ là một kinh thành, xây lên để chống ngoại xâm. Vì vậy nên chung quanh tu viện có hào sâu, có nước ngăn chia giữa bên ngoài và thành. Thông qua tu viện là những cây cầu quay có thể kéo lên được, khi thấy rằng địch quân sắp chiếm tu viện và trong ấy an toàn ở lại thủ thành. Đa phần các chiến trận ngày xưa đều bày ra như thế, nhưng so với bây giờ thì hoàn toàn khác xa. Người đời nay xem họ thấy tuy công phu đấy, nhưng đã qua đi dù vang bóng một thời, chỉ còn là dĩ vãng.

Chúng tôi vào chánh điện để tụng kinh và cúng dường, sau đó gặp vị sư Trụ Trì và được hướng dẫn đến một nơi trang nghiêm khác để tụng kinh cầu nguyện. Sau khi tụng kinh xong, lần này chúng tôi gặp vị Tỉnh

Trưởng và ông ta có ý mời chúng tôi ở lại dùng trà, nhưng trưa hôm đó phái đoàn chúng tôi sẽ có dịp gặp ông tại khách sạn để dùng cơm chung, nên chúng tôi đã cáo từ buổi uống trà.

Khi ra về, mọi người phát hiện hai bên bờ nương nước ở gần tu viện có rau xà lách son mọc đầy dẫy mà người Bhutan chẳng biết dùng, nên đây là một nơi đã được quý Sư Bà, Sư Cô để mất tới và những ngày sau này đã đến đó để hái và mang về lại khách sạn luộc lên hay nấu canh, ăn uống một cách ngon lành mà người Bhutan cũng phải làm theo.

Sau khi ở phi trường về thì anh Kunzang báo tin cho phái đoàn hay là máy bay bị trục trặc không bay chiều hôm nay được và đành phải chờ sửa xong mới đi. Lúc ấy tất cả những người trong đoàn của chúng tôi chẳng ai vui, chỉ trừ 6 vị còn phải ở lại chờ đến ngày 3 tháng 5 mới đi là vui hơn cả. Vì được cùng về chung một chuyến.

Chúng tôi hỏi anh ta máy bay sửa bao giờ thì xong? Và tại sao chúng tôi không đi được những chuyến khác? v.v... Lúc ấy Kunzang cũng chỉ trả lời những gì có thể trả lời được thôi, chứ tất cả đều nằm trong vòng chờ đợi và chờ đợi.

Chương IX.

Những ngày đợi trông

Đêm 30 tháng 4 năm 2001, tại khách sạn Olathang ở Paro, hầu như chúng tôi không ai ngủ được. Chúng tôi thao thức vì không biết làm sao để có thể về lại nước Đức càng sớm càng tốt, vì ngày lễ Phật Đản của một vài chùa sẽ tổ chức vào cuối tuần đó.

“Thức đêm mới biết đêm dài.” Câu này thật đúng với tâm trạng của chúng tôi lúc này. Mặc dầu biết rằng không đi được, nhưng chiều đó chúng tôi vẫn mang vé máy bay lên phi trường để tái xác nhận cũng như nhờ nhân viên báo cho hãng China Airline là chúng tôi không có chuyến bay để về lại Bangkok đúng lịch trình, nhưng hầu như không có một sự liên hệ quốc tế như thế, cho nên đến đêm 3 tháng 5 năm 2001, khi về đến Bangkok rồi chúng tôi mới tỏ rõ sự tình. Đây chính là lỗi của hãng máy bay vậy.

Ngày 1 tháng 5 năm 2001, một số người trong đoàn thì đi chợ, một số ngồi chờ, một số đi ngắm cảnh. Chẳng ai buồn nói với ai điều gì. Do vậy mà có người đề nghị nên có những buổi thuyết giảng của quý Thầy để lấp đi những khoảng trống vô nghĩa đó. Thượng Tọa Quảng Bình giảng và cầu nguyện vào tối ngày 1 tháng 5 và tôi giảng vào tối ngày 2 tháng 5. Mấy ngày này chiêm

nghiệm về lời nói của vị Đại Sư tại cố cung sao mà đúng quá. Tại sao lúc ấy Ngài chúc phái đoàn không gặp tai nạn như máy bay, xe bus v.v... mà nếu có xảy ra thì cũng không sao, khi có lực gia trì này của Ngài ban cho. Ai đó trong chúng tôi đâu có bao giờ nghĩ là máy bay gây cánh đâu. Thế mà máy bay gây cánh thật. Ngặt nổi chỉ có một chiếc máy bay nên phải chờ thôi, chứ biết nói sao hơn bây giờ.

Lý do thì sau này quý vị sẽ biết và sẽ hồi hộp giùm với chúng tôi, còn bây giờ hãy dành sự bí mật ấy chưa nói ra, sẽ tiết lộ sau.

Những ngày này anh Harata, người Nhật, là một Giáo sư Đại Học tại Đức, một Phật Tử thuần thành, có cơ hội để giải thích cho chúng tôi những điều huyền bí



Chiếc máy bay đang trong tình trạng sửa chữa

trong nhiều điều huyền bí khác nữa. Thế là có nhiều người tin, mà không tin sao được, khi những sự kiện ấy xảy ra chính xác như hai lần hai là bốn vậy.

Anh Harata bảo rằng phải cầu nguyện và sám hối, phải chí thành tụng kinh, không phải một người mà nhiều người cùng hợp lực lại. Điều ấy chúng tôi tin nên đã cùng nhau làm lễ nhiều lần như vậy tại khách sạn. Cũng có người sau khi đi thăm nơi chiến thắng Tây Tạng về thì đi đến chỗ Ngài Padmasambhava thị hiện, lấy nước đem về cho mọi người dùng và chuyên tâm cầu nguyện.

Lúc bấy giờ chẳng phải sợ chết, mà sợ bị cô lập nơi xứ sương mù này. Mặc dầu ở gần phi trường mà cả ngày chẳng nghe một tiếng máy bay. Vì đơn giản thôi, Hoàng gia và Chính phủ chỉ có một chiếc máy bay, mà chiếc ấy hiện đang nằm trong xưởng sửa chữa thì âm thanh ở đâu có để mà nghe. Ngoài ra, chúng tôi được biết là không có một hãng máy bay nào khác có mặt tại đây cả, ngoài hãng Druk Air.

Tụng kinh tiếng Việt xong thì đến tiếng Đức, tiếng Đức xong lại tụng tiếng Nhật... Cứ như thế và như thế, lần lượt trải dài âm thanh ra vang vọng với núi rừng Hy Mã. Chúng tôi vẫn thiết tha được về, nhưng không về được, thì những lời an ủi từ Bộ Ngoại Giao cũng chỉ để vỗ về mà thôi. Có vị Bộ Trưởng nói với tôi là nhiều lúc mùa Đông sương mù dày đặc, máy bay chuẩn bị hạ cánh mà cũng không làm sao xuống nổi, đành bay trở lại Kathmandu hoặc Delhi. Đó cũng là một sự an ủi để cho chúng tôi thấy rằng chúng tôi vẫn còn may và còn đang

ở dưới đất. Nếu máy bay sửa xong sớm thì chúng tôi có cơ hội bay lên dễ dàng, dầu cho có sương mù bao phủ đi nữa. Vì đáp xuống mới sợ với thung lũng nhỏ hẹp này, còn bay lên với một bầu trời cao rộng như thế sẽ không sao! Đó là niềm hy vọng vậy.

Thỉnh thoảng thì bên Bộ Ngoại Giao có gọi sang cho tôi bảo rằng họ sẽ cố gắng thuyết phục Druk Air để cho chúng tôi về chung và nếu muốn về sớm thì bay qua Kathmandu để đổi máy bay về Bangkok, nhưng điều đó trên thực tế không xảy ra. Nếu chúng tôi có đến Kathmandu thì chúng tôi cũng nằm chờ đó thôi. Khó có máy bay để đi Bangkok, đừng nói gì là tuyến đường bay để nối Kathmandu với Âu Châu. Vì Druk Air hầu như chẳng quan tâm và không có sự liên hệ buôn bán với những hãng máy bay lớn như thế.

Sau khi nghe những lời ngoại giao như thế thì tôi báo lại toàn bộ cho mọi người trong đoàn biết. Mọi người chỉ biết thở dài thôi. Một hôm, có lẽ là ngày 2 tháng 5 năm 2001, anh Kunzang bảo rằng lên phi trường một lần nữa. Tôi vội vã thuê hết vé máy bay và passport của mọi người để cùng đi, nhưng trước khi đi Hanada nói với mọi người là chuyến đi này của tôi không thành công. Vì không có máy bay và khi về thì về chung cùng một lúc, chứ không ai về trước hoặc sau gì cả. Đây là một sự tiên đoán, mà cũng là một thần giao cách cảm đúng 100 phần trăm, nên đã có nhiều người tin. Ngay cả việc chữa bệnh của anh ta cũng thế. Riêng tôi thì không phủ nhận nhưng cũng không xác tín 100 phần trăm. Vì đôi khi cũng có những điều anh ta nói sai.

Mà thật thế! Khi tôi về lại khách sạn báo tin lại là

không có máy bay và sáng ngày 3 tháng 5 chúng ta cùng đi chung một chuyến thì mọi người mới vỡ lẽ ra anh ta tiên đoán điều ấy là đúng.

Trong khi chúng tôi ở lại đây bất đắc dĩ mấy ngày thì chúng tôi có gặp 2 sự kiện đáng quan tâm. Sự kiện thứ nhất là có một vị tu sĩ Bhutan đến nhờ tôi hỗ trợ xây Tu Viện, giáo dục học tăng ở miền Nam Bhutan và sự kiện thứ hai là trong cái ngẫu nhiên tình cờ chúng tôi đã gặp vị Mattheu Ricard, tác giả của cuốn Tăng Sĩ và Triết Gia mà Linh Thụy đã chuyển ngữ và do nhà xuất bản Văn Nghệ tại Mỹ ấn hành trong thời gian qua.

Về việc thứ nhất thì chúng tôi sẵn sàng, nhưng bên Chính phủ thì bảo rằng vẫn phải xem lại cho kỹ hồ sơ và phải có sự đồng thuận của Bộ Văn Hóa. Tuy nhiên chúng tôi cũng đã đóng góp một số tiền gần 3.000 Đức Mã để lo cho vấn đề giao lưu văn hóa đó. Đây là một việc làm mà ai trong chúng tôi cũng hết sức vui mừng. Ở một xứ khó khăn về kinh tế như thế này mà được sự ngoại viện từ nước ngoài là điều rất tốt vậy. Dĩ nhiên là còn nhiều đợt viện trợ nữa từ đây về sau cho đến khi hoàn thành, nhưng phải chờ thông qua Bộ Văn Hóa và Tôn Giáo của Bhutan mới có kết quả tốt được.

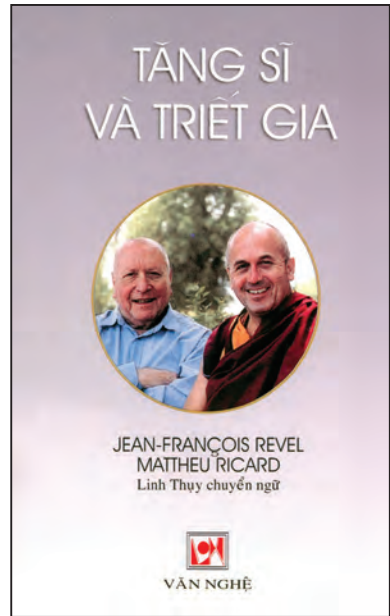
Riêng việc thứ hai xảy ra như thế này. Hôm đó có lẽ là ngày 2 tháng 5 năm 2001, Hạnh Hảo đưa về 3 vị sư. Một người Mỹ, một người Pháp và một người Tây Tạng. Tôi và thầy Thông Trí đang ngồi dịch sách, nhưng thấy vậy đồng đứng lên chào. Hạnh Hảo giới thiệu với 3 vị bằng tiếng Anh về tôi và thầy Thông Trí, sau đó giới thiệu tiếng Việt về 3 thầy ấy cho tôi và thầy Thông Trí nghe.

Vị thứ nhất là một người Mỹ, đã ở Bhutan và Tây Tạng gần 20 năm rồi. Ông ta rất dễ dãi, nhưng mới trông có vẻ như là một vị sư ít thích làm việc, hay nói đúng hơn là một vị sư lười biếng. Tuy nhiên, ông được Hoàng Hậu và Hoàng Thái Hậu rất trọng vọng. Ông hay vào cung và nhận được nhiều món quà đặc biệt, ngay cả của nhà Vua.



Những vị Đại Sư đặc biệt

Vị thứ hai ngồi ở giữa, người Pháp, tên là Mattheu Ricard, tác giả cuốn *The Monk and the Philosopher* (Tăng Sĩ và Triết Gia) mà Linh Thụy đã chuyển ra Việt ngữ do nhà xuất bản Văn Nghệ ấn hành. Sách này rất hay và nổi tiếng. Dầu thế, tôi chưa đọc hết quyển sách này. Thế là thầy Thông Trí reo lên: “Tôi đã đọc sách của thầy bằng tiếng Hòa Lan rồi.” Ông cười lớn và vị Rinpoche bên cạnh thì nói một tràng tiếng Tây Tạng và sau đó bằng tiếng Anh, có nghĩa là “Ngài nổi tiếng quá rồi đó”. Thế là câu chuyện tiếp tục giòn hơn bắp rang.



Được biết thân sinh của thầy Mattheu Ricard là Tiến sĩ Jean-François Revel, Giáo sư Triết học tại nhiều Đại Học ở Pháp. Còn thầy trước khi xuất gia là một nhà Vật Lý Học rất nổi tiếng tại Pháp. Cả hai tranh luận với nhau về khoa học và tôn giáo, để cuối cùng tác phẩm ấy thành hình. Đây là một tác phẩm hay quý vị nên tìm để đọc. Dĩ nhiên là tăng sĩ như thầy Mattheu Ricard thì nhận định theo cách nhìn của thầy, còn thân phụ của thầy lại nhìn theo lối triết học về tôn giáo vậy.

Thầy cũng thường đi thông dịch cho Đức Đạt-lai Lạt-ma khắp nơi trên thế giới. Được biết, thầy đã ở Népal, Bhutan hơn 20 năm rồi, nên rất giỏi tiếng Tây Tạng. Còn tiếng Anh ban đầu thầy bảo rằng không giỏi mấy,

nhưng lâu dần rồi nói cũng quen đi. Thỉnh thoảng, thầy ghé Bhutan thăm núi đồi và cây cỏ tại đây.

Còn vị thứ ba là một vị Rinpoche tái sinh cũng nổi tiếng, thông minh, tuy còn trẻ nhưng rất hoạt bát. Được biết vị này có liên hệ với Hoàng gia nên chức vụ của Ngài rất lớn.

Theo Hạnh Hảo thì chuyện gì ở Bhutan Ngài cũng rõ. Có lẽ vì xứ Bhutan quá nhỏ, hay vì Ngài có thần thông hoặc giả Ngài có thế lực lớn chẳng?

Hạnh Hảo nghĩ rằng phải đến gặp tôi để vị Rinpoche ấy biết rằng Hạnh Hảo có Thầy Tổ đằng hoàng chứ không phải người tự xưng là tu sĩ. Vị này Hạnh Hảo đã gặp tại Schnenerdingen vào năm 1998 vừa qua nên đã làm quen và tôi cũng có mời là khi nào Ngài có dịp sang Đức xin ghé lại chùa Viên Giác để thăm và Phật Tử có cơ hội nghe pháp từ thầy. Tất cả 3 vị đều hoan hỷ.

Về việc máy bay bị gãy cánh thì Hạnh Hảo kể lại cho tôi nghe về sau này và được biết rằng việc này do Ngài Rinpoche kể lại. Nguyên là hôm tối 29 tháng 4 năm 2001, chiếc máy bay duy nhất của Hoàng gia khi hạ cánh không có gì trục trặc và đưa tất cả những hành khách đến nơi đến chốn bình an. Thế mà hôm sau ngày 30 tháng 4 lại bay không được. Đúng là vấn đề hy hữu. Bao nhiêu cuộc điều tra đã tiến hành và chẳng ai nhận lỗi cả. Cuối cùng Đức Vua phải giải quyết chuyện này. Nếu không khai thì cả nhóm kỹ sư hôm đó phải đưa qua cảnh sát điều tra. Mọi người sợ quá nên kết quả đã đưa đến như thế này.

Khi chiếc máy bay vào nơi nghỉ ngơi an toàn, thay vì 6 kỹ sư phải chung lo việc ấy, đàn ông này chỉ có một người dùng xe để kéo. Vì không có ai trông nom, nên cánh máy bay đã va vào tường và gây nên sự cố, trong khi 5 người kỹ sư khác ngồi đánh bài. Lý do chỉ có vậy, mà làm cho cả đoàn của chúng tôi và hầu như rất nhiều người khách ngoại quốc khác đã phải trễ chuyến bay. Có chờ đợi một cái gì rồi mới thấy ruột gan của mình nó nóng như thế nào!

Riêng Hạnh Hảo thì muốn ở lại Bhutan lâu hơn để nhập thất, nhưng phía Bhutan không tán đồng. Đến lúc họ cho thì Hạnh Hảo lại muốn về Âu Châu. Ở đời có những điều nó trái ngược là thế. Lý do không cho không rõ, nhưng ông Kunzang nói rằng vào Bhutan lần này với lý do khác, hãy ra khỏi Bhutan và làm đơn nhập cảnh với loại khác thì sẽ được ở lâu hơn.

Một hôm khác, ông Bộ Trưởng Văn Hóa nói rằng: Nếu một người ngoại quốc vào đây rồi cho phép ở lại 5 hay 6 tháng, như thế thì những người ngoại quốc khác sẽ không hài lòng. Đó là những lý do phạ.

Theo Hạnh Hảo, lý do chính là phải đóng tiền 200 USD một ngày thì có thể sẽ được ở lại, nhưng chi phí cho 3 đến 6 tháng như thế đâu phải là một chuyện nhỏ. Một ngày ở trong thất tiêu mấy đồng mà phải đóng 200 USD. Đó là chưa kể trong núi sâu kia hay ở thất nọ chưa chắc gì có Phật. Tại sao phải trả một giá cao như thế? Sau khi nghe lời khuyên của Thượng Tọa Thích Quảng Bình thì Hạnh Hảo đồng ý mua vé máy bay về lại Đức để đi nhập thất ở Hòa Lan, nơi cư ngụ của Thượng Tọa Thích Minh Giác.

Thế là ngày 6 tháng 5 năm 2001, Hạnh Hảo đã có mặt tại chùa Viên Giác để rồi sau Phật Đản đã sang Horn nhập thất đầu tiên trong vòng 3 tháng. Sau đó, nếu tốt sẽ tiếp tục thêm 3 tháng nữa. Phật ở Đức và Phật Bhutan chắc chẳng có gì khác nhau, khi mà nội tâm đã giao cảm. Tôi cũng chẳng biết rằng bao giờ sẽ có một vị Phật Đức, nhưng trong hiện tại thì có quá nhiều người Đức muốn thành Phật.

Câu chuyện của chúng tôi xoay quanh nhiều vấn đề gần như không ngớt, để rồi sau đó uống trà bơ của Bhutan và còn tiếp tục mãi cho đến gần cơm chiều thì quý vị ấy mới về. Đây là một cuộc hội ngộ rất hy hữu và rất có ý nghĩa. Câu chuyện được trình bày trong một khung cảnh thiên nhiên tuyệt diệu. Chung quanh là cây rừng, gió nội, khung cảnh gỗ đá và con người. Do vậy tôi rất thích và cũng chính từ những điểm này mà tôi đã nêu ra 3 quan điểm sống của tôi lúc về già là đọc kinh sách, uống trà cũng như sống nơi thôn dã. Có lẽ những điều ước muốn ấy cũng đã gần kề.

Hôm nay ngày 28 tháng 6 tại chùa Viên Giác Hannover đã tổ chức lễ sinh nhật lần thứ 53 của tôi và tôi cũng cảm thấy như cái già, cái bệnh và cái khả năng nó đã đến thời kỳ giới hạn của nó. Khi tôi viết những dòng chữ này là lúc đang tổ chức sinh nhật. Có khoảng 24 Tăng Ni và 50 cư sĩ hiện diện. Năm rồi (2000) không vui vì thầy Thiện Thông mất. Còn năm nay thì vui hơn vì có nhiều thầy khách Tăng từ các nơi tựu về.

Chúng tôi giã từ nhau, để đêm đó chúng tôi có một đêm dài nơi khách sạn, chuẩn bị hành trang cho một

ngày mai vào 3 tháng 5 năm 2001 về lại Calcutta, Bangkok, rồi Hòa Lan, rồi Đức Quốc.

Sáng sớm ngày 3 tháng 5 năm 2001, phái đoàn chúng tôi đã có mặt tại phi trường, nhưng chẳng thấy máy bay đâu cả. Mặc dầu thế, nhân viên phi trường Paro đã cân hành lý cho chúng tôi và chỉ gửi đến Calcutta, sau đó phải đổi máy bay Ấn Độ để đi Bangkok. Chờ một hồi lâu thì thấy máy bay lăn bánh ra phi đạo và bắt đầu cất cánh thử. Hành khách ở bên trong phòng chờ vỗ tay tán thưởng không ngớt. Đúng là một điều kỳ lạ. Sau một hồi bay chừng 15 phút máy bay đáp xuống và trở về lại chỗ khởi điểm lúc ban đầu, để mọi người tán thưởng nhiệt liệt bằng một tràng pháo tay khác nữa.

Lẽ ra họ phải bay thử từ chiều hôm qua, chứ đến hôm nay họ mới bay thử cho nên mọi người cũng hơi đứng tim một phút, lỡ mà không bay được thì chỉ có nước chờ. Đúng lý ra họ phải bay đi Bangkok, nhưng chỉ bay đến Calcutta, rồi từ đó họ bay về lại Paro. Có lẽ họ sợ bay nhiều không đủ giờ để đi ngày đó thành 2 chuyến, nên mới xảy ra việc như vậy.

Đến Calcutta, chúng tôi xuống máy bay, xe bus chở vào phòng chờ. Người đại diện tại đây làm vé rất cẩn thận, mặc dầu có nhiều điều không cần chi tiết đến như thế. Khi kiểm tên và phát vé lên tàu xong, chúng tôi lên phòng chờ bên trên để đi Bangkok thì nhân viên an ninh không cho vào bảo là thiếu dấu ấn. Họ đóng dấu đủ chỗ, nào là hành lý xách tay, nào là áo quần. Thật là quá thừa thãi, tốn tiền và tốn nhân công quá. Có lẽ chính phủ Ấn Độ vì quá dư thừa nhân công nên mới làm

những việc như thế chẳng? Chúng tôi phải đứng đợi cả một hồi lâu họ mới giải quyết cho qua. Không khí tại đây rất chộn rộn và vì quá cận giờ mà kiểm soát quá gắt gao nên ai nấy cũng nổi quạu. Chỉ có trung chuyển máy bay thôi, sao mà quá phiền hà như thế? Nhưng biết nói sao hơn, thân phận mình vẫn còn ở tại xứ người, phải ỉn nhẫn và tùy thuộc vào họ vậy.

Sau khi qua khỏi khu kiểm soát này, mọi người mới thở phào và thốt lên nhiều lời khác nhau, không phải để cảm ơn mà là để hậm hực. Ấn Độ như thế đó! Làm vậy bao giờ mới phát triển quốc gia được? v.v... và v.v... Thật là một chuyến đi nhó đời, nhất là phải ghé Ấn Độ trong trường hợp bất đắc dĩ như thế. Nhưng đi máy bay Ấn Độ được ưu điểm là đồ ăn chay không cần đặt trước vẫn có. Trong khi đó những hãng máy bay khác thì khó được điều này.

Trong máy bay Ấn Độ, tôi thấy những người Ấn Độ lấy mỗi người 2 lon bia, sau khi uống bia rồi thì lời ra tiếng vào không ngớt. Những người Âu Châu và chúng tôi ngồi đó cũng chỉ có việc ỉn nhẫn chờ đến Bangkok mà thôi chứ biết nói sao hơn.

Khi máy bay mới đáp xuống Bangkok, cả một chiếc máy bay chở người đầy như thế mà họ chạy ra đến phía trước, mặc dầu máy bay chưa ngừng bánh, phi hành đoàn có nói gì họ cũng chẳng nghe. Đó có lẽ cũng là một loại văn hóa của một dân tộc vậy. Chả bù với lúc về từ Bangkok đến Amsterdam, cả một máy bay gần 400 người mà chẳng có một tiếng động khi rời máy bay. Đó cũng là một loại văn hóa của một dân tộc vậy.

Đến Bangkok vào lúc 4 giờ chiều ngày 3 tháng 5 và vấn đề của chúng tôi là phải lãnh hành lý ra để cân trở lại cho chuyến về của máy bay China Airline, chứ không còn cách nào khác. Còn một điều nguy hại hơn là Druk Air của Bhutan chẳng liên hệ gì với China Airline cả để bỏ chuyến đi hôm ngày 30 tháng 4 và ngay cả hôm nay ngày 3 tháng 5 họ cũng chẳng ghi tên chúng tôi vào máy để chờ. Tất cả chúng tôi đều phải tự làm những thủ tục này. Khi gọi người đại diện của hãng Druk Air ra nói chuyện thì họ cũng nhờ nhân viên Thái ra can thiệp chỉ cho chuyển hành lý mà thôi. Mà cuối cùng thì hành lý của chúng tôi cũng phải tự cân, chứ chẳng có nhân viên nào đến chỗ chúng tôi để lo cho chuyển hành lý cả.

Điều ấy cũng dễ hiểu thôi. Vì lẽ cả phi trường mỗi ngày mấy chục ngàn người lên xuống, ai đâu mà đi lo cho một nhóm nhỏ chỉ 17 người, nhưng đối với chúng tôi là một việc trọng đại lắm. Vì đã trễ 3 ngày rồi, trong khi đó tôi và Thiên Sư Reiho có nhiều chương trình khác đã dự định trước, hoặc lễ Phật Đản tại Linh Thứu, Hamburg và còn nhiều người phải đi làm, đi học nữa. Chỉ có 6 vị có vé về trễ mà nay lại yên tâm, vì đã có chỗ ngồi. Còn lại 11 người phải chờ. Chờ cho đến khi nào hết người đi, nếu máy bay còn trống chỗ họ mới cho đi. Thật là khủng khiếp. Nếu một hay hai người đi Standby thì không sao, chứ ở đây 11 người quả là điều ít hy vọng. Đó là chưa kể việc anh nhân viên China Airline bảo tôi là từ nay đến cuối tháng 5 máy bay của chúng tôi không còn chỗ nữa. Đúng là hú hồn!

Thế nhưng chúng tôi phải học chữ kiên nhẫn. Chúng tôi chờ đến 22 giờ 30 thì họ cho cân hành lý, nhưng trước

đó họ bảo rằng: Nếu muốn đi hạng Economic thì mỗi người phải đóng thêm 500 Đức Mã nữa là có chỗ chắc chắn. Còn nếu không đóng thêm, mặc dầu hành lý đã cân, nhưng nếu người của chúng tôi vào thêm thì máy ông phải nhường chỗ.

Sau khi cân hành lý, cô nhân viên bảo tôi là tại sao Druk Air làm như thế mà chẳng liên lạc với chúng tôi gì cả? Quý vị về nên kiện Druk Air đi! Tôi chỉ mỉm cười thôi và nói rằng: Chắc là họ có khó khăn của họ, miễn sao chúng tôi về hết được đêm nay là vui rồi. Cô ta cho biết còn 20 chỗ. Thế là an tâm, nhưng vẫn cứ phập phồng khi có thêm một hai người đi trễ vào thêm và cân hành lý.

Thiên sư Reiho vì nóng lòng chịu không nổi nên đã điện thoại về Đức, nhờ người em ruột làm hãng máy bay mua liền một vé máy bay hạng rẻ của hãng Lufthansa để về trước và trước khi ông ta đi, ông ta có nói rằng như vậy những người còn lại có thêm một chỗ trống để đi. Đó cũng là một điều hay, nhưng người đệ tử đi cùng thì buồn hui. Vì Thầy mình đã về trước, còn mình thì phải ở lại chịu chờ.

Đến 23 giờ là giờ cuối thì họ còn 14 chỗ trống, họ cho đoàn của chúng tôi 10 người đứng ở danh sách chờ đi hết và 6 người khác đã có chỗ trước, ngồi chờ bên trong cũng hả dạ vô cùng và giờ này càng tin vào lời của ông Harada là đúng.

Hôm đó, theo cô nhân viên hãng China Airline thì người ta đặt chỗ chật hết rồi, mà có lẽ vì mưa bão bên ngoài quá lớn, nên có một số người không đi, hoặc đi trễ. Do vậy mà quý vị là những người có phước nên mới được

Đức Phật độ trì. Đó là một câu an ủi mà cũng là một niềm hy vọng lớn của chúng tôi.

Ngồi yên trên máy bay rồi, chúng tôi hồi tưởng lại những việc đã qua mà hoảng vía. Thầy Giáo Thọ bảo rằng mới chỉ có một đêm lo lắng mà sao râu tôi ra dài thế. Nhưng thầy đâu có biết chỉ một đêm, mà kể từ khi đi cho đến khi về tôi đều phải có trách nhiệm nên không an tâm là phải, mà không an tâm thì nỗi lo hiện lên mặt và râu mọc nhiều là phải chứ đâu có gì đáng nói.

Sau hơn 13 tiếng đồng hồ bay, chúng tôi đã đến Hòa Lan trong không khí yên tĩnh của một buổi mai mùa xuân Âu Châu. Quả là bất khả tư nghì thật!

Sau khi về Đức được mấy hôm thì tôi nhờ thầy Hạnh Tấn viết một thư cảm ơn cho Bộ Ngoại Giao Bhutan, đại ý như sau:

Kính gửi vị Chánh Văn Phòng của Bộ Ngoại Giao

Mr. Kesang Wangdi

Thimphu - Bhutan

Fax. 00975. 2. 323056

Kính gửi Ông Kesang Wangdi,

Tôi xin chân thành cảm ơn ông và chính quyền Bhutan đã bảo trợ cho 10 ngày thăm viếng từ 23 tháng 4 đến ngày 3 tháng 5 năm 2001 tại quý quốc. Chúng tôi cảm ơn về sự chuẩn bị chu đáo trong việc di chuyển, ăn ở của phái đoàn trong khi chúng tôi là khách của quý vị.

Tôi cũng xin thành tâm biết ơn sự phối trí nhịp nhàng trong việc tiếp kiến Hoàng Hậu cũng như Bộ Ngoại Giao.

Sự thăm viếng quý quốc đã gây ấn tượng tốt đẹp với tất cả chúng tôi và không có điều gì là không thể chấp nhận được.

Kính chào trong tinh thần Phật Pháp.

Thích Như Điển

Viện Chủ Chùa Viên Giác

Mà đúng thế, trong khi ở Bhutan chẳng có việc gì phải nói. Ngoại trừ việc chiếc máy bay bị hư. Nếu mà Hoàng gia sắm thêm một hay hai chiếc nữa thì có lẽ không có vấn đề. Nghe đâu một chiếc nhỏ như thế chỉ chở được 72 người mà đến 60 triệu Đức Mã. Thử hỏi một chiếc Boeing 747 là bao nhiêu tiền và một phi trường quốc tế như Frankfurt, Amsterdam, New York, Paris, Chicago v.v... có không biết bao nhiêu là chiếc máy bay như thế. Quả thật là tiền rừng bạc biển.

Mong rằng Hoàng gia Bhutan sẽ có thêm một chiếc máy bay nữa để mọi người khỏi hồi hộp khi phải chờ máy bay như thế và niềm hy vọng ấy chắc cũng không lâu sẽ được đáp ứng cho mọi người.

Lời cuối sách

Với tước hiệu là một văn học sĩ của Nhật Bản từ năm 1977, nhưng tôi chẳng làm gì cho văn học Nhật và ngay cả văn học Việt Nam hay văn học Đức. Vì trong văn đoàn đó đã có những bậc đàn anh, đàn chị hay đàn em tài giỏi hơn mình, nên đành làm việc âm thầm mấy chục năm nay thôi, cốt để giữ cho lòng mình thanh tịnh. Mỗi năm cho ra đời từ một đến 3 tác phẩm để ghi lại những gì đã trải qua trong cuộc đời làm tăng sĩ của mình. Đó là suy nghĩ lúc ban đầu. Đến một lúc nào đó, có nhiều người đọc sách hoặc theo dõi những bài văn của tôi và đã có cảm tình, nên đã mời làm chuyện này chuyện nọ. Nhưng xin thưa, tôi chỉ là một người tu rất bình thường trong cái tầm thường của nhân thế. Chẳng có gì đặc biệt cả, nên không dám nhận một việc gì, mà cũng không tự xưng mình là một văn học sĩ, mặc dầu tước hiệu này tôi đã có.

Văn tôi vốn nhà quê, ý tôi vốn cạn cợt. Không là văn chương triết học, cũng chẳng phải văn chương luận lý khó hiểu, mà là một loại văn nông dân, xuất thân từ đồng ruộng. Tôi cũng giống như con trâu và cái cày, chỉ có trách nhiệm cày xong thửa ruộng mà thôi. Thật ra rất đơn giản. Vì vậy tôi không là đối tượng của ai cả, mà cũng chẳng là thần tượng của nhiều người chỉ vì những ý tưởng bên trên. Chỉ có một điều, tôi nghĩ sao thì viết vậy, không hoa hòe trau chuốt lời văn. Từ đó, đối với

tôi việc viết không khó mấy. Người ta nói viết là lách, nhưng tôi thì không lách. Vì tôi chỉ muốn nói sự thật và đa phần chỉ viết về sự thật của cái tốt thôi, chứ không đá động gì về sự thật của cái xấu cả. Do vậy nên không cần lách. Vì cái xấu nó vốn dĩ đã xấu rồi, đào sâu vào đó làm gì nữa?

Đó là chưa kể việc các pháp trên thế gian này đều thay đổi, nay thế này mai thế kia. Ngày hôm nay tốt, ngày mai không phải thế. Hôm qua là người hiền lương, nhưng ngày kia không phải như vậy. Do đó, để nhận xét một sự vật hay một con người quả thật là khó. Nếu có, đó cũng chỉ là chủ quan của mỗi người thôi. Từ điều đó, nếu chúng ta làm việc gì với một cái tâm bình thường, không mong cầu và quán thế gian pháp tất cả đều “như vậy” thì có lẽ rằng tâm ta sẽ đỡ phiền não hơn và lời văn của ta viết ra khi người khác đọc sẽ được lợi lạc hơn nhiều.

Giàu, nghèo, sang, hèn, địa vị cao sang quyền quý. Tất cả đều phải chết. Có cái chết thật an ổn mà cũng có những cái chết thật khổ đau. Rồi ra ai cũng thành tro bụi cả. Mới đây cả Hoàng Gia Nepal, ở không xa Bhutan là mấy, đã bị chính người của Hoàng gia giết trọn 8 người trong thân tộc. Như thế gọi là gì? Là cộng nghiệp? Là khổ đau? Là tục lụy? ... Nhưng dầu gì đi nữa thì lịch sử cũng đã sang trang. Chỉ có một điều là khi sống ta làm được cái gì đó, để rồi một ngày nào đó ta phải ra đi, ít ra cũng không để lại một lời trách móc cho đời. Như thế cũng là một điều hy hữu lắm.

Đa phần khi sống thì đua nhau nói xấu lẫn nhau cho hả giận, cho đỡ tức, nhưng khi một người chết rồi thì chỉ

thấy và nghe toàn chuyện tốt của người ấy. Như thế hỏi có ích gì? Người chết bấy giờ không ngồi dậy để nghe được những lời kể tốt về họ. Do vậy tôi chủ trương khi sống nên thấy và chỉ nói điều tốt về người, để trước tiên tâm mình không bận rộn với chuyện thị phi và người đối diện cũng vui khi thấy họ có một giá trị nho nhỏ nào đó trong cuộc sống. Nếu không, chẳng lẽ cuộc đời này đều vô vị hết sao?

Hôm qua, ngày 28 tháng 6 năm 2001, Đại chúng chùa Viên Giác cả Tăng lẫn tục đã làm lễ sinh nhật chúc thọ tôi ở tuổi 53 và tôi có bảo rằng: Trong cuộc sống này có những người rất phi thường, có những kẻ sống rất bình thường và riêng tôi thì chỉ là một con người tầm thường như bao nhiêu con người tầm thường khác thôi. Tuy nhiên trên đầu tôi, ở nơi hai vai tôi đều có rất nhiều trách nhiệm và ơn nghĩa của Cha Mẹ, Thầy Tổ, ơn thiện hữu tri thức, ơn quốc gia và ơn nhân loại chúng sinh. Chừng đó thứ ơn, tôi cố gắng đáp đền và nguyện cho mình phải luôn thực hành sự lợi tha mới là điều quan trọng. Còn đối với cá nhân tôi chẳng có nghĩa gì cả.

Một Đại chúng sống an hòa như thế, dĩ nhiên là tôi càng có bốn phận hơn, để như con tằm chỉ có bốn phận phải nhả tơ, để dệt nên những gấm hoa và tô điểm cho cuộc đời thêm ý vị. Chỉ có vậy và đó là kim chỉ nam trong cuộc sống của tôi. Không than trách, không oán hờn, không vị kỷ.

Cứ mỗi lần tôi ngồi yên để viết được những dòng chữ như thế này là cũng nhờ vào không biết bao nhiêu người. Có người phải lo cho cái ăn, cái mặc. Có người phải lo cho

chỗ ở, chỗ nghỉ ngơi. Có người phải lo cho mình sự thiếu sự đủ. Ở ấy há chẳng là cao cả hay sao? Do vậy mà sự thành tựu của tôi cũng là sự thành tựu của mọi người vậy.

Cứ mỗi tối khi lạy kinh Đại Bát Niết Bàn, mỗi chữ mỗi lạy như thế tôi đều niệm đến ơn chúng sanh, ơn Tam Bảo, ơn Cha Mẹ, Thầy Tổ để nếu được trong kiếp này phải trả hết đi. Nếu kiếp sau không được làm người nữa thì biết cơ hội nào mới trả được?

Riêng các vị đệ tử xuất gia thì tôi cho học hành đến nơi đến chốn, tốn kém mấy cũng không nệ hà. Và không chỉ với đệ tử của mình, mà Thầy Cô nào hiếu học ở bất cứ nơi nào trên thế giới, nếu có ý nhờ tôi và trong khả năng có thể của mình, tôi đều không từ chối. Cứ lo học cho ra trường là đủ. Đó là Pháp bảo của ngôi chùa Viên Giác này và cho Phật Giáo Việt Nam vậy.

Với tôi, nghĩa ân nặng nghìn trùng và mãi mãi ghi sâu, không bao giờ dám quên một mảy may nào cả. Vì lẽ nếu không có nghĩa ân thì mình sẽ không thành người hữu dụng được. Sống mà không có ân nghĩa chẳng khác nào cỏ cây trong trời đất. Hãy vì người mà quên mình, chứ đừng vì mình mà quên người là điều không đáng làm với người quân tử, huống gì là một trưởng tử của Như Lai.

Bởi sống với ân nghĩa như thế cho nên tôi muốn giúp đỡ hết mọi người, không những người Việt Nam mà còn người ngoại quốc nữa. Bằng chứng là kỳ này sau khi đi Bhutan, tôi đã có ý trước, khi tiếp kiến với Hoàng Hậu là muốn giúp đỡ một số thầy trong vấn đề giáo dục, học

vấn và đó là căn bản để 2 thầy Gap và Dorji đề nghị tôi cho học bổng sang học Anh văn và Computer tại Úc Châu. Tôi đồng ý ngay và sau đó có liên lạc với Thượng Tọa Thích Bảo Lạc để nhờ thầy ấy cầu mang cho họ ở lại Chùa Pháp Bảo, để quý thầy ấy có cơ hội làm quen với đời sống Tu Viện của Phật Giáo Việt Nam, còn phần tôi chỉ lo cung cấp về vấn đề tài chánh và tiền học phí. Thầy Bảo Lạc cũng rất là vui khi thấy có thêm nhiều người tu học ở chùa mình. Đây cũng là bản hoài của thầy Bảo Lạc khi xây chùa là để tiếp Tăng độ Chúng mà.

Thượng Tọa Bảo Lạc xuất thân từ các Phật Học Viện nổi tiếng tại Việt Nam như Phổ Đà (Đà Nẵng), Huệ Nghiêm (Sàigòn), nên những ai cầu học và phát tâm tu niệm thì thầy ấy đều rất quý. Mà có lẽ điều này cũng chẳng riêng Thầy Bảo Lạc và tôi, hễ cứ người xuất gia có một tâm hồn phóng khoáng thì không ai nỡ từ chối những kẻ mong cầu và học hạnh giải thoát đi sau mình cả.

Dầu cho Tăng Ni ngày nay của Việt Nam ở hải ngoại còn ít, không đủ để chuyên chở những khó khăn và thuận duyên của Phật Tử Việt Nam, vốn là con số không nhỏ trong 2 triệu người ở ngoại quốc ngày nay, nhưng trong số 400 Tăng Ni ấy đã có rất nhiều Thầy Cô hy sinh thời giờ cũng như công sức của cá nhân mình để lo xây dựng Chùa Viện và đào tạo Tăng tài, hầu duy trì mạng mạch Phật Giáo tại xứ người. Dầu cho sau này không có người Việt Nam ở tại các trụ xứ này đi chăng nữa, thì giống như trường hợp chùa Việt tại Thái Lan và Singapore cũng sẽ có người địa phương nối truyền, ta chẳng có gì để e sợ khi phát huy công việc Phật sự này cả.

Suốt trong 25 năm qua là những năm tháng đặt nền móng xây dựng, kiến thiết Chùa Viên tại ngoại quốc và 25 năm sau nữa là lo đào tạo nhân tài. Cây công đức lâu gặt hái kết quả chừng nào, thì cây nhân tài của Giáo Hội cũng thế. Phải trồng trong thế hệ này và trải qua thế hệ khác hay nhiều thế hệ nữa mới có thể có kết quả. Tôi không muốn có trái gấp để dùng, nên rất nhiều phần đầu tư tôi đều lưu tâm về vấn đề trí tuệ trước.

Để giữ lời hứa với quý vị nên tôi đã viết tác phẩm thứ 32 này, một phần để đền ơn đáp nghĩa Chính phủ Bhutan, một phần để hiến dâng cho đời cho đạo những hiểu biết cạn cợt của mình về một nền văn minh của Phật Giáo tại một xứ nhỏ của Hy Mã Lạp Sơn. Đó là những lý do chính để quyển sách này khởi đầu viết vào ngày 20 tháng 6 và chấm dứt vào ngày 29 tháng 6 năm 2001. Chỉ trong 9 ngày miệt mài viết và một ngày chuẩn bị tư liệu nữa. Tổng cộng là 10 ngày. Một tác phẩm như thế kể ra cũng vội vàng, nhưng nếu không viết, ngày tháng sẽ qua đi và trong tôi có nhiều việc sẽ trả về sự quên lãng, nên cần phải chấp bút là vậy.

Khoảng 150 trang viết tay và viết trong 10 ngày. Vậy trung bình mỗi ngày viết 15 trang và còn nhiều hình ảnh cũng như những tư liệu khác thêm vào nữa, chắc chắn quyển sách này cũng gần 200 trang, nhằm giới thiệu với độc giả một chuyến đi có một không hai trong cuộc đời tôi.

Ngày mai và ngày mốt đây còn có khóa Tu Gieo Duyên và khóa An Cư Kiết Hạ của chư Tăng Ni Âu Châu tại chùa Viên Giác, do vậy mà tôi còn phải có nhiều bổn phận khác nữa. Cho nên tác phẩm này phải viết xong

sớm như thế. Sau khóa Tu Gieo Duyên là khóa Tu Học Phật Pháp Âu Châu kỳ thứ 13, năm nay tổ chức tại Thụy Điển, thế là tôi cùng chúng lý Viên Giác cũng phải khăn gói lên đường để hỗ trợ chung cho công việc của Giáo Hội Âu Châu và sau đó về lại chùa chỉ mấy ngày nữa là Lễ Vu Lan rồi.

Giáo Hội Âu Châu chúng tôi không có những người giỏi như Giáo Hội Úc Châu hay Mỹ Châu, nhưng được một điều là Giáo Hội chúng tôi cho đến bây giờ vẫn trên dưới một lòng, nên đã tổ chức được 13 khóa tu trọn vẹn, mỗi khóa không dưới 500 người tham dự học tập, tu niệm trong vòng 10 ngày.

Có lẽ rồi đây khi Giáo Hội lớn mạnh sẽ sinh ra nhiều cành lá khác, nhưng đó là lẽ tự nhiên của tạo hóa. Một cành cây, một hạt giống cho vào lòng đất, lúc mới lớn lên chỉ một thân cây mẹ, nhưng càng ngày càng lớn thì từ thân cây mẹ kia sanh ra nhiều cành lá chung quanh. Đó là lẽ dĩ nhiên không ai chối cãi được. Nhưng chúng ta nếu muốn tiến xa hơn nữa phải chấp nhận một điều thực tế là: Mỗi cá nhân đều có những vấn đề riêng và tất cả chúng ta ở xứ tự do này phải tôn trọng cái riêng đó, nhưng đồng thời chúng ta phải có những điểm chung. Điểm chung đó là mái nhà của Giáo Hội và giáo pháp của Như Lai. Nếu đem cái riêng để phụng sự cho cái chung, thì cái chung ấy luôn luôn tồn tại. Ngược lại nếu đem cái chung để phụng sự cho cái riêng của mỗi người, mỗi nhóm thì chắc chắn tổ chức kia dầu lớn đến bao nhiêu, vững mạnh bao nhiêu đi chăng nữa cũng sẽ có ngày tàn tạ và lúc ấy chẳng biết trách cứ ai, nếu không tự trách mình ngay từ bây giờ là thiếu tu và thiếu đức.

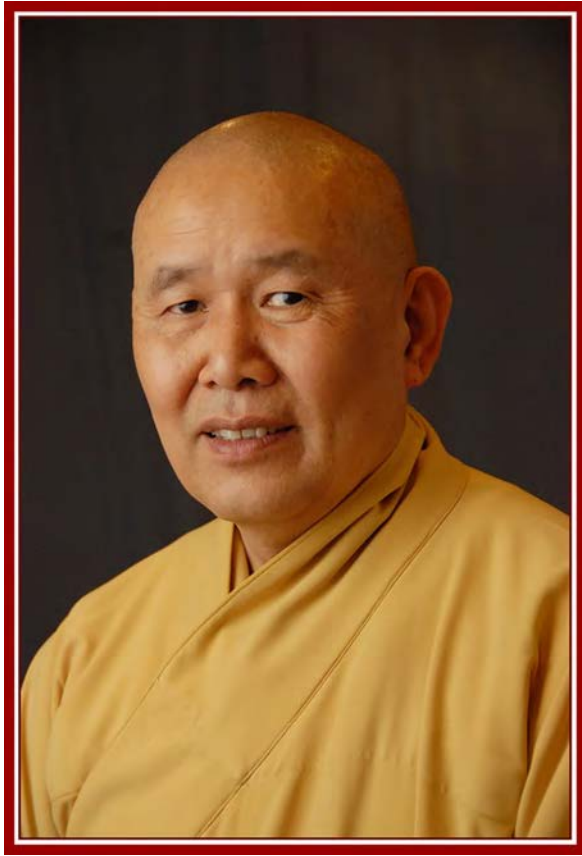
Hôm tôi bắt đầu viết tác phẩm này tại thư phòng chùa Viên Giác, trời rất đẹp và hôm nay đây kết thúc quyển sách này, không khí bên ngoài cũng rất tươi mát và mặt trời đã soi sáng chứa chan khắp cả đất trời vạn vật cũng như chung quanh cửa sổ của phòng mình. Tôi thấy đó là một điềm lành, một niềm vui và niềm hy vọng vậy.

Tôi xin cảm ơn tất cả mọi người, mọi loài đã vì tôi mà hỗ trợ cũng như tồn tại. Nếu có được chút hữu duyên tác phẩm này đến với quý vị thì xin hồi hướng đến mười phương vô biên thế giới và cầu nguyện cho mọi loài mọi người được thâm nhập vào Phật trí của Như Lai.

*Viết xong vào lúc 10 giờ sáng
ngày 29 tháng 6 năm 2001
tại thư phòng chùa Viên Giác*

Thích Như Điển

ĐÔI NÉT VỀ TÁC GIẢ HÒA THƯỢNG THÍCH NHƯ ĐIỂN



- ❖ Thế danh: Lê Cường. Pháp tự: Giải Minh. Pháp hiệu: Trí Tâm
- ❖ Sanh: 28.06.1949 tại Xuyên Mỹ, Duy Xuyên, Quảng Nam.
- ❖ Học lực: Cử nhân giáo dục và Cao học Phật giáo tại Nhật Bản.
- ❖ Xuất gia năm 1964 tại Tổ Đình Phước Lâm, Hội An.
- ❖ Năm 1971: Thọ Tỳ Kheo giới tại giới đàn Tu Viện Quảng Đức, Thủ Đức.
- ❖ Năm 1972: Du học Nhật Bản.
- ❖ Năm 1977: Đến Đức vào với Visa du lịch; nhưng sau đó xin tỵ nạn tại Đức và ở Đức từ đó cho đến nay.

- ❖ Tháng 4 năm 1978 thành lập Niệm Phật Đường Viên Giác và sau đó trở thành Chùa Viên Giác tại Hannover.
- ❖ Từ năm 1978, 1979: Sáng lập Chi Bộ Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Đức Quốc, thành lập Hội Sinh Viên và Kiêu Bào Phật Tử Việt Nam tại Đức.
- ❖ Năm 1988 được tấn phong lên hàng Giáo phẩm Thượng Tọa tại giới đàn Đại Nguyên chùa Pháp Hoa Marseille, Pháp quốc.
- ❖ Ngày 28.6.2008 được tấn phong lên hàng Giáo phẩm Hòa Thượng tại Đại Giới Đàn Pháp Chuyên tại chùa Viên Giác Hannover, Đức Quốc.
- ❖ Ngày 8 tháng 7 năm 2011 tại Colombo thủ đô nước Tích Lan, Hội Đồng Tăng Già Tích Lan đã trao giải thưởng cao quý cho HT Thích Như Điển và HT Thích Minh Tâm.
- ❖ Đề Nhị Chủ Tịch Hội Đồng Điều Hành GHPGVNTN Âu Châu nhiệm kỳ 2019-2023.
- ❖ Phó Chủ Tịch Hội Đồng Tăng Già Thế Giới (World Buddhist Sangha Council - WBSC).
- ❖ Sáng tác gần 70 tác phẩm và dịch phẩm từ các tiếng Việt, Anh, Hán, Nhật và Đức ngữ.

(Cập nhật: 09/2019)

TÁC PHẨM ĐÃ XUẤT BẢN

1. *Truyện cổ Việt Nam (Tập 1 & Tập 2)* - Nhật ngữ - 1974, 1975
2. *Giọt mưa đầu hạ* - Việt ngữ - 1979
3. *Ngõ ngang* - Việt ngữ - 1980
4. *Lịch sử Phật Giáo Việt Nam Hải Ngoại trước và sau năm 1975* - Việt & Đức ngữ - 1982
5. *Cuộc đời người Tăng sĩ* - Việt & Đức ngữ - 1983
6. *Lễ nhạc Phật Giáo* - Việt & Đức ngữ - 1984
7. *Tình đời nghĩa đạo* - Việt ngữ - 1985
8. *Tìm hiểu giáo lý Phật Giáo* - Việt & Đức ngữ - 1985
9. *Đời sống tinh thần của Phật Tử Việt Nam tại ngoại quốc* - Việt & Đức ngữ - 1986
10. *Đường không biên giới* - Việt & Đức ngữ - 1987
11. *Hình ảnh 10 năm sinh hoạt Phật Giáo Việt Nam tại Tây Đức* - Việt & Đức ngữ - 1988
12. *Lòng từ Đức Phật* - Việt ngữ - 1989
13. *Nghiên cứu Giáo Đoàn Phật Giáo thời nguyên thủy I, II, III* - dịch từ Nhật ngữ ra Việt & Đức ngữ - 1990, 1991, 1992
14. *Tường thuật về Đại hội Tăng già Phật Giáo thế giới kỳ 5 khóa I tại Hannover, Đức Quốc* - Việt, Anh, Đức ngữ - 1993
15. *Giữa chốn cung vàng* - Việt ngữ - 1994
16. *Chùa Viên Giác* - Việt ngữ - 1994

17. *Chùa Viên Giác* - Đức ngữ - 1995
18. *Vụ án một người tu* - Việt ngữ - 1995 (tái bản 2020)
19. *Chùa Quan Âm (Canada)* - Việt ngữ - 1996
20. *Phật Giáo và con người* - Việt & Đức ngữ - 1996
21. *Khóa giáo lý Âu Châu kỳ 9* - Việt & Đức ngữ - 1997
22. *Theo dấu chân xưa (Hành hương Trung quốc I)* - Việt ngữ - 1998
23. *Sống và chết theo quan niệm của Phật Giáo* - Việt & Đức ngữ - 1998
24. *Tiếp kiến Đức Đạt Lai Lạt Ma* - Việt & Đức ngữ - 1999
25. *Vọng cố nhân lâu (Hành hương Trung Quốc II)* - Việt ngữ - 1999
26. *Có và Không* - Việt & Đức ngữ - 2000
27. *Kinh Đại Bi* (dịch từ Hán văn ra Việt văn) - Việt & Đức ngữ - 2001
28. *Phật thuyết Bồ Tát Hành Phương Tiện Cảnh Giới Thần Thông Biến Hóa Kinh* - dịch từ Hán văn ra Việt ngữ - 2001
29. *Bhutan có gì lạ?* - Việt ngữ - 2001
30. *Kinh Đại Phương Quảng Tổng Trì* - dịch từ Hán văn ra Việt ngữ - 2002
31. *Cảm tạ xứ Đức* - Việt & Đức ngữ - 2002
32. *Thư tòa soạn báo Viên Giác trong 25 năm (1979 - 2003, 2004)* - Việt ngữ - 2003
33. *Bổn Sự kinh* - Dịch từ Hán văn sang Việt ngữ - 2003
34. *Những đoản văn viết trong 25 năm qua* - Việt & Đức ngữ - 2003

35. *Phát Bồ Đề Tâm kinh luận* - Dịch từ Hán văn sang Việt ngữ - 2004
36. *Đại Đường Tây Vực Ký* - Dịch từ Hán văn sang Việt ngữ - 2004
37. *Làm thế nào để trở thành một người tốt* - Việt ngữ - 2004
38. *Dưới cội bồ đề* - Việt ngữ - 2005
39. *Đại Thừa Tập Bồ Tát Học Luận* - Dịch từ Hán văn sang Việt ngữ - 2005
40. *Bồ Đề Tư Lương luận* - Dịch từ Hán văn sang Việt ngữ - 2005
41. *Phật nói luận A Tỳ Đàm về việc thành lập thế giới* - Dịch từ Hán văn sang Việt ngữ - 2006
42. *Giai nhân và Hòa Thượng* - Việt ngữ - 2006
43. *Thiền Lâm Tế Nhật Bản* - Dịch từ Nhật ngữ sang Việt ngữ - 2006
44. *Luận về con đường giải thoát* - Dịch từ Hán văn sang Việt ngữ - 2006
45. *Luận về bốn chân lý* - Dịch từ Hán văn sang Việt ngữ - 2007
46. *Tịnh Độ tông Nhật Bản* - Dịch từ Nhật ngữ sang Việt ngữ - 2007
47. *Tào Động tông Nhật Bản* - Dịch từ Nhật ngữ sang Việt ngữ - 2008
48. *Phật Giáo và khoa học* - Việt ngữ - 2008
49. *Pháp ngữ* - Việt ngữ - 2008
50. *Những mẫu chuyện linh ứng của Đức Địa Tạng Vương Bồ Tát* - Dịch từ Nhật ngữ sang Việt ngữ - 2009

51. *Nhật Liên tông Nhật Bản* - Dịch từ Nhật ngữ sang Việt ngữ - 2009
52. *Chân Ngôn tông Nhật Bản* - Dịch từ Nhật ngữ sang Việt ngữ - 2010
53. *Chết an lạc, tái sanh hoan hỷ* - Dịch chung với T.T. Nguyên Tạng từ Anh ngữ sang Việt Ngữ - 2011
54. *Chuyện tình của Liên Hoa Hòa Thượng* - Việt Ngữ - 2011
55. *Tư tưởng Tịnh Độ Tông* - Việt ngữ - 2012
56. *Những bản kinh căn bản của Tịnh Độ Tông Nhật Bản* - Dịch từ Đức ngữ sang Việt ngữ - 2012
57. *Dưới bóng đa chùa Viên Giác* - Việt ngữ, viết chung với Trần Trung Đạo - 2012
58. *Diệu Pháp Liên Hoa kinh Văn cú* - Dịch từ chữ Hán sang tiếng Việt - 2013
59. *Hương Lúa Chùa Quê (Hoài Niệm Tuổi Thơ)* - Việt ngữ viết chung với H.T. Thích Bảo Lạc - 2013
60. *Hiện tượng của tử sinh* - Việt ngữ - 2014
61. *Nhật Bản trong lòng tôi* - Việt ngữ - 2015
62. *Nước Úc trong tâm tôi* - Việt ngữ - 2016
63. *Nước Mỹ bao lần đi và đến* - Việt ngữ - 2017
64. *Thiền quán về Sống và Chết* - Dịch từ Anh ngữ sang Việt ngữ với TT. Thích Nguyên Tạng - 2017
65. *Mối tơ vương của Huyền Trân Công Chúa* - Việt ngữ - 2018
65. *Vua là Phật, Phật là Vua* - Việt ngữ - 2020
66. *Phật Giáo Việt Nam tại Âu Châu* - Việt ngữ - 2020

CÁC TÁC PHẨM TÁI BẢN GẦN ĐÂY

(Các sách này hiện có thể mua qua trang Amazon)

1. *Tư tưởng Tịnh Độ Tông* - Việt ngữ - 2019
2. *Dưới bóng đa chùa Viên Giác* - Việt ngữ, viết chung với Trần Trung Đạo - 2019
3. *Hương Lúa Chùa Quê (Hoài Niệm Tuổi Thơ)* - Việt ngữ viết chung với H.T. Thích Bảo Lạc - 2019
4. *Mối tơ vương của Huyền Trân Công Chúa* - Việt ngữ - 2019
5. *Chùa Viên Giác* - Đức ngữ - 2019
6. *Cảm tạ xứ Đức* - Việt & Đức ngữ - 2019
8. *Tiếp kiến Đức Đạt Lai Lạt Ma* - Việt & Đức ngữ - 2019
7. *Đường không biên giới* - Việt & Đức ngữ - 2020
9. *Phật Giáo và con người* - Việt & Đức ngữ - 2020
10. *Sống và chết theo quan niệm của Phật Giáo* - Việt & Đức ngữ - 2020
11. *Có và Không* - Việt & Đức ngữ - 2020
12. *Mây oan của thiên (Vụ án một người tu)* - Việt ngữ - 2020
13. *Bhutan có gì lạ?* - Việt ngữ - 2020

Quý vị muốn download những bài giảng pháp
của Hòa Thượng Phương Trượng Chùa Viên Giác Hannover
xin vào trang: www.viengiac.info hoặc [www. quangduc.com](http://www.quangduc.com)

Để có bản sách in trên giấy, xin vào Viên Giác Tùng Thư Online
tại địa chỉ: <https://www.amazon.com/author/thichnhudien/>

Chùa Viên Giác

Karlsruher Strasse 6

30519 Hannover - GERMANY

Tel: 0511 - 879630 - Fax: 0511 - 879 41 200

Homepage: <https://www.viengiac.info>

Email: info@viengiac.de

Mục đích duy nhất của việc ghi lại tác phẩm này là để tìm hiểu thêm về một quốc gia theo Phật Giáo tại Á Châu về phong tục tập quán, cũng như đề cao vấn đề môi sinh tại Bhutan trong hiện tại. Tuyệt nhiên không có một ý gì khác. Ngoài ra nếu những người Việt Nam có cơ hội đọc được sách này cũng sẽ có một số ý niệm tổng quát về quốc gia này. Biết đâu trong tương lai họ sẽ có cơ hội đến thăm xứ sở huyền bí này.

THÍCH NHƯ ĐIỂN



NHÀ XUẤT BẢN LIÊN PHẬT HỘI
UNITED BUDDHIST FOUNDATION

ISBN 978-1-0917-6735-5



90000



9 781091 767355